

Luận Đại Trí Độ

Tập V

Cuốn 91 - 95

(Mahàprajñàparamitàsatra)

Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thọ)
Dịch Phạn ra Hán: Cư Ma La Thập
Việt Dịch: HT.Thiện Siêu

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam
Ấn hành 1997

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Luận Đại Trí Độ

Tập V

Cuốn 91 - 95

(Mahàprajñàparamitàsàtra)

Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thọ)
Dịch Phạn ra Hán: Cư Ma La Thập
Việt Dịch: HT.Thiện Siêu

Cuốn 91	3
Giải Thích: Phẩm Cự Túc Thứ 81	3
Cuốn 92	18
Giải Thích: Phẩm Tịnh Phật Quốc Độ Thứ 82	18
Cuốn 93	30
Giải thích: Phẩm Chắc Chắn Thứ 83	39
Cuốn 94	48
Giải Thích: Phẩm Bốn Đế Thứ 84	57
Cuốn 95	67
Giải Thích: Phẩm Bảy Thí Thứ 85	67
Giải Thích: Phẩm Bình Đẳng Thứ 86	75

Cuốn 91

Giải Thích: Phẩm Cự Túc Thứ 81

(Kinh Đại Bát Nhã hội 2 ghi: Phẩm Không Khuyết thứ 79)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát tu sáu Ba la mật, mười tám không, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, không đầy đủ Bồ Tát đạo thời không thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vậy Bồ Tát làm thế nào đầy đủ Bồ Tát đạo, có thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, do sức phương tiện nên hành Thí Ba la mật, không thấy có bố thí, không thấy có người thí, không thấy có người nhận thí, cũng không xa lìa pháp ấy hành bố thí thời chiếu sáng Bồ Tát đạo. Như vậy, Bồ Tát do sức phương tiện nên đầy đủ Bồ Tát đạo; đầy đủ rồi có thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy.

Xá lợi phát bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát làm thế nào tập hành Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Xá lợi Phát: Như Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện không hoại sắc, không theo sắc, vì sao? Vì sắc ấy tính không có nên không theo, không hoại; cho đến thức cũng như vậy. Nay Xá lợi phát, Bồ Tát hành Bát nhã, do sức phương tiện nên bố thí không hoại, không theo, vì sao? Vì bố thí tính không có; cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy.

Xá lợi phát bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu các pháp không có tự tính có thể hoại, có thể theo, thời Bồ Tát làm thế nào có thể tập hành Bát nhã và chỗ sở học của các Bồ Tát, vì sao? Vì Bồ Tát không học Bát nhã thời không thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Xá lợi phát: Như lời ông nói, Bồ Tát không học Bát nhã thời không thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì không thể lìa sức phương tiện mà có thể được. Nếu Bồ Tát hành Bát nhã hoặc thấy có một pháp có được thời nên thủ lấy, nếu không có thể được thời thủ lấy cái gì? Nghĩa là cho đây là Bát nhã ba la mật, cho đây là Thiền Ba la mật, cho đến đây là Thí Ba la mật; đây là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến đây là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Xá lợi phát, Bát nhã không thể thủ tướng, cho đến hết thấy Phật pháp không thể

thủ tướng; ấy gọi là Bát nhã không thủ tướng, cho đến Phật pháp không thể thủ tướng, là chỗ Bồ Tát nên học. Bồ Tát khi học ở trong ấy, tướng học cũng không thể có được, huống gì Bát nhã, pháp Phật, pháp Bồ Tát, pháp Bích chi Phật, pháp Thanh văn, pháp người phàm phu, vì sao? Vì không có một pháp nào có tự tính. Pháp không có tự tính như vậy thời cái gì là người phàm phu, Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, Bồ Tát và Phật? Nếu không có các hiền thanh ấy thời làm thế nào có pháp? Vì biết pháp ấy nên phân biệt nói đây là người phàm phu, đây là Tu đà hoàn cho đến là Bồ Tát, là Phật.

Xá lợi phát bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu pháp không có tự tính, không thật, không có căn bản thời làm thế nào biết đó là người phàm phu cho đến biết đó là Phật?

Phật bảo Xá lợi phát: Chỗ người phàm phu đắm trước là sắc có tự tính có thật chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn, chỉ do tâm điên đảo mà thấy có; thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy.

Này Xá lợi phát, Bồ Tát khi hành Bát nhã, do sức phương tiện nên thấy các pháp không có tự tính, không có căn bản nên có thể phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Xá lợi phát bạch Phật: Bồ Tát làm thế nào khi hành Bát nhã do sức phương tiện nên thấy các pháp không có tính, không có căn bản nên có thể phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Xá lợi phát: Bồ Tát khi hành Bát nhã không thấy căn bản các pháp mà ở trong ấy sinh tâm giải đãi thoái thất. Này Xá lợi phát, căn bản các pháp thật không có ngã, không có sở hữu, tính thường không, chỉ vì ngu si điên đảo nên chúng sinh chấp trước năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới. Bồ Tát thấy các pháp không có sở hữu, tính thường không; khi tự tính không mà hành Bát nhã thời tự an lập như huyễn sư, vì chúng sinh mà thuyết pháp: Dạy bố thí cho người tham, dạy trì giới cho người phá giới, dạy nhẫn nhục cho người sân hận, dạy tinh tấn cho người giải đãi, dạy thiền định cho người loạn tưởng, dạy trí tuệ cho người ngu si, khiến chúng sinh trú trong bố thí cho đến trí tuệ, vậy sau mới nói thánh pháp có thể giải thoát khổ; dùng pháp ấy nên được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Xá lợi phát bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát thấy chúng sinh ấy không có sở hữu nên dạy khiến bố thí, trì giới cho đến trí tuệ, vậy sau nói thánh pháp có thể giải thoát khổ, do pháp ấy nên được quả Tu đà hoàn cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Xá lợi phát? Bồ Tát khi hành Bát nhã, không có tội lỗi có thể có được, vì sao? Vì Bồ Tát khi hành Bát nhã, không thấy có chúng sinh, chỉ vì "pháp không" tương tục nên gọi là chúng sinh. Bồ Tát dùng hai đế vì chúng sinh thuyết pháp, là thế đế và đệ nhất nghĩa đế. Trong hai đế ấy, chúng sinh tuy không thể có được, song vì Bồ Tát hành Bát nhã, dùng sức phương tiện nên vì chúng sinh thuyết pháp. Chúng sinh nghe pháp ấy biết ta, tôi đời nay còn không thể có được, huống gì pháp được dùng và người được Vô thượng chánh đẳng chánh giác! Như vậy, Bồ Tát khi hành Bát nhã, do sức phương tiện nên vì chúng sinh thuyết pháp.

Xá lợi phát bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, tâm Bồ Tát rộng lớn, không có pháp có thể có được, hoặc một tướng, hoặc khác tướng, hoặc dị tướng mà có thể trang nghiêm lớn như vậy. Vì trang nghiêm ấy nên không sinh cõi Dục, không sinh cõi Sắc, không sinh cõi Vô sắc; không thấy pháp hữu vi, không thấy pháp vô vi mà ở trong ba cõi độ thoát chúng sinh, cũng không thấy có tướng chúng sinh, vì sao? Vì chúng sinh không trói không mở; vì chúng sinh không trói không mở nên không nhớ không sạch; vì không nhớ không sạch nên không có phân biệt sáu đường; vì không có phân biệt sáu đường nên không có nghiệp, không có phiền não; vì không có nghiệp, không có phiền não nên cũng không có quả báo; và vì có quả báo ấy mà sinh trong ba cõi.

Phật bảo Xá lợi phát; Như vậy, như vậy. Như lời ông nói, nếu chúng sinh trước có mà sau không thời chư Phật, Bồ Tát có tội lỗi. Các pháp sáu đường sinh tử cũng như vậy, nếu trước có mà sau không thời chư Phật, Bồ Tát có tội lỗi. Nay Xá lợi phát, có Phật hay không có Phật thì tướng các pháp vẫn thường trú không khác; trong pháp tướng ấy còn không có ngã, không có chúng sinh, không có thọ mạng, cho đến không có kẻ biết kẻ thấy, huống gì có sắc, thọ, tưởng, hành, thức! Nếu không có pháp ấy, làm thế nào có qua lại sáu đường mà kéo chúng sinh ra khỏi? Nay Xá lợi phát, các pháp tính ấy thường không, vì thế nên Bồ Tát từ chỗ chư Phật quá khứ nghe pháp tướng ấy mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, trong đó không có pháp mà ta sẽ được, cũng không có chỗ chúng sinh đấm trước nhất định không thể kéo ra; chỉ vì chúng sinh điên đảo nên đấm trước. Vì thế nên Bồ Tát phát tâm đại trang nghiêm, thường không thoái

chuyển đổi với Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát không nghi rằng: Ta sẽ không được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hay ta sẽ chắc chắn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác? Được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi, dùng thật pháp làm lợi ích chúng sinh, khiến ra khỏi điên đảo. Thí như vị thầy huyền thuật hóa hiện ra trăm ngàn vạn ức người, đem đồ ăn uống bố thí khiến cho được no đủ, hoan hỷ xưng lên rằng: ta được phước lớn, ta được phước lớn! Ý ông nghĩ sao, trong đây thật có người ăn uống đầy đủ chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Phật dạy: Như vậy, Xá lợi phát, Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây, hành sáu Ba la mật, bốn thiên cho đến mười tám pháp không chung, đầy đủ Bồ Tát đạo, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật mà không có chúng sinh có thể độ.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, thế nào là Bồ Tát đạo? Bồ Tát hành đạo ấy có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây có hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cho đến mười tám pháp không chung, mà thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật.

Tu Bồ Đề thưa: Bồ Tát làm thế nào hành bố thí có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh?

Phật dạy: Bồ Tát khi hành bố thí, tự mình bố thí, cũng dạy chúng sinh bố thí, nói rằng: Các thiện nam tử, các ông chớ đả trước bố thí. Các ông vì đả trước bố thí nên lại phải thọ thân; vì lại phải thọ thân nên chịu nhiều khổ não. Nay các thiện nam tử, trong các pháp tướng không có bố thí, không có người thí, không có người nhận thí, ba pháp ấy tự tính đều không. Pháp tính không ấy không thể thủ, và tướng không thể thủ là tính không. Như vậy, Bồ Tát khi hành bố thí, bố thí cho chúng sinh, trong ấy không thấy có bố thí, người bố thí, người nhận thí, vì sao? Vì bố thí không thể có được; ấy gọi là Bố thí Ba la mật. Bồ Tát không thấy có ba pháp ấy nên có thể giáo hóa chúng sinh khiến được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát khi hành bố thí thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, tự mình hành bố thí, cũng dạy người hành bố thí, tán thán pháp bố thí, hoan hỷ tán thán người hành bố thí. Bồ Tát bố thí như vậy được sinh vào dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ, hoặc làm Tiểu vương, hoặc làm Chuyển luân Thánh vương; khi ấy đem bốn việc nhiếp thủ chúng sinh. Bốn việc đó là bố thí, ái ngữ,

lợi hành và đồng sự. Lấy vốn việc ấy nhiếp thủ chúng sinh rồi, chúng sinh dần dần trú ở trong giới, ở trong bốn thiên cho đến tám phần thánh đạo, không, Vô tướng, Vô tác tam muội, vào chính vị mà được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán hoặc đạo Bích chi Phật; hoặc dạy khiến được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nói rằng: Nay các thiện nam tử, các ông hãy phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, Vô thượng chánh đẳng chánh giác dễ được, vì sao? Vì không có pháp nhất định. Những điều chúng sinh đắm trước chỉ vì do điên đảo nên sinh đắm trước. Thế nên các ông tự xa lìa sinh tử, cũng dạy người khác xa lìa sinh tử; các ông hãy phát tâm tự mình làm lợi ích, cũng làm lợi ích những điều hư vọng ấy mà nổi sân giận để phải đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và các đường ác, chịu vô lượng khổ. Các ông chớ vì những điều hư vọng không thật ấy mà gây tội nghiệp để vì tội nghiệp ấy còn không được làm thân người, hưởng gì được sinh ra đời gặp Phật. Nay các thiện nam tử, sinh ra đời có Phật khó gặp, thân người khó được, các ông chớ bỏ mất thời giờ quý báu; nếu bỏ mất thời giờ quý báu thời không thể cứu được. Bồ Tát như vậy giáo hóa chúng sinh, tự mình hành nhẫn nhục, cũng dạy người khác hành nhẫn nhục, tán thán pháp nhẫn nhục, hoan hỷ tán thán người hành nhẫn nhục. Bồ Tát khiến chúng sinh trú trong nhẫn nhục dần dần do pháp ba thừa được dứt hết khổ. Như vậy, Bồ Tát trú trong Thí Ba la mật khiến chúng sinh an trú trong nhẫn nhục.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát làm thế nào trú trong Thí Ba la mật khiến chúng sinh tinh tấn? Bồ Tát thấy chúng sinh giải đãi, nói rằng: Các ông vì sao giải đãi? Chúng sinh đáp: Vì thiếu nhân duyên. Bồ Tát khi hành bố thí, nói với các chúng sinh rằng: Ta sẽ làm cho các ông đầy đủ nhân duyên, hoặc bố thí, hoặc trì giới hoặc nhẫn nhục. Chúng sinh ấy được nhân duyên lợi ích nên thân tinh tấn, miệng tinh tấn, tâm tinh tấn. Thân tinh tấn, tâm tinh tấn nên hết thấy thiện pháp đầy đủ, tu thánh pháp vô lậu; tu thánh pháp vô lậu nên được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, Bích chi Phật đạo hoặc Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Như vậy, Bồ Tát khi hành bố thí trú trong Tinh tấn Ba la mật nhiếp thủ chúng sinh.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát làm thế nào khi hành bố thí, giáo hóa chúng sinh khiến tu thiền định?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát thấy chúng sinh loạn tâm, nói rằng: Các ông có thể tu thiền định. Chúng sinh đáp: Chúng tôi thiếu nhân duyên. Bồ Tát nói: Ta sẽ làm cho các ông đủ nhân duyên. Nhờ nhân duyên ấy khiến tâm các ông không chạy theo giác quán, tâm không tán loạn. Chúng sinh do nhân duyên ấy nên dứt giác quán vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, tu tâm từ, bi, hỷ, xả. Chúng

sinh do nhân duyên thiên định và tâm vô lượng ấy nên có thể tu bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo. Khi tu ba mươi bảy pháp trợ đạo dần dần vào ba thừa mà được Niết bàn, trọn không mất đạo. Như vậy, Bồ Tát khi hành bố thí, lấy thiên định nhiếp thủ chúng sinh khiến hành Thiên Ba la mật.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát làm thế nào hành bố thí do Bát nhã nhiếp thủ chúng sinh? Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát thấy chúng sinh ngu si không có trí tuệ, nói rằng: Các ông có gì không tu trí tuệ? Chúng sinh đáp: Vì thiếu nhân duyên. Bồ Tát nói rằng: Các ông cần được đầy đủ trí tuệ, hãy theo ta mà lấy; nghĩa là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định. Nhân duyên ấy đầy đủ rồi, các ông suy nghĩ như vậy: Bát nhã có pháp có thể được chăng? hoặc ta, hoặc chúng sinh, hoặc thọ mạng cho đến kẻ biết kẻ thấy có thể được chăng? hoặc sắc, thọ, tưởng, hành, thức; hoặc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; hoặc sáu Ba la mật; hoặc ba mươi bảy pháp trợ đạo; hoặc quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật; hoặc Vô thượng chánh đẳng chánh giác có thể được chăng? Khi chúng sinh suy nghĩ như vậy thời đối với Bát nhã không có pháp có thể được, có thể đấm trước; nếu không đấm trước pháp, khi ấy không thấy pháp có sinh có diệt, có như có sạch; không phân biệt ấy là địa ngục, là súc sinh, là ngựa quỷ, là chúng A tu la, là trời, là người, là trì giới, là phá giới, là Tu đà hoàn, là Tư đà hàm, là A na hàm, là A la hán, là Bích chi Phật, là Phật. Như vậy, Bồ Tát khi hành bố thí do Bát nhã nhiếp thủ chúng sinh.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát làm thế nào trú trong bố thí do Giới Ba la mật, Nhẫn Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, cho đến do ba mươi bảy pháp trợ đạo nhiếp thủ chúng sinh? Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát trú trong bố thí lấy cúng dường làm lợi ích chúng sinh. Do nhân duyên của sự lợi ích ấy nên chúng sinh có thể tu bốn niệm xứ, bốn chánh cần cho đến tám phần thánh đạo; chúng sinh tu ba mươi bảy pháp trợ đạo ấy được giải thoát sinh tử. Như vậy, Bồ Tát do thánh pháp vô lậu nhiếp thủ chúng sinh.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi giáo hóa chúng sinh, nói như vậy: Nay các thiện nam tử, các ông hãy theo ta lấy vật cần dùng: Hoặc đồ ăn uống, hoặc y phục, đồ nằm, hương hoa cho đến bảy báu, các thứ cần dùng để nuôi sống. Các ông nên lấy việc ấy nhiếp thủ chúng sinh. Các ông suốt đêm dài được lợi ích an vui, chớ nghĩ rằng vật ấy chẳng phải sở hữu của ta, ta suốt đêm dài vì chúng sinh chứa nhóm các vật ấy. Các ông hãy lấy các vật ấy như vật của mình không khác. Giáo hóa chúng sinh khiến hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí tuệ, cho đến khiến được ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười lực của Phật cho đến mười tám pháp không chung, cũng khiến được thánh pháp vô lậu, đó là

Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Như vậy, Bồ Tát khi hành bố thí nên giáo hóa chúng sinh như vậy, khiến được xa lìa ba đường ác, cho đến xa lìa hết thảy khổ qua lại trong sinh tử.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát trú trong Giới Ba la mật giáo hóa chúng sinh, nói rằng: Nay chúng sinh, các ông thiếu nhân duyên gì mà phá giới? Ta sẽ cho các ông đầy đủ nhân duyên: Hoặc bố thí cho đến trí tuệ và các vật cần dùng để nuôi sống. Bồ Tát trú trong Trì giới Ba la mật làm lợi ích chúng sinh khiến tu mười thiện đạo, xa lìa mười đạo bất thiện. Chúng sinh ấy trì giới, không phá giới, không khuyết giới, không ô trược giới, không tạp giới, không thủ giới, dần dần do pháp ba thừa mà dứt hết khổ. Lấy việc trì giới làm đầu giống như bố thí, nói bốn Ba la mật khác cũng như vậy.

Luận: Hỏi: Trước nói Bồ Tát tu sáu Ba la mật và các pháp trợ đạo không đầy đủ Bồ Tát đạo thời không được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nay Tu Bồ Đề nên tự biết tu sáu Ba la mật đầy đủ Bồ Tát đạo mà được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, có gì còn hỏi?

Đáp: Tu Bồ Đề không nghi làm sao được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nay chỉ hỏi làm sao đầy đủ Bồ Tát đạo, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật đáp: Nếu Bồ Tát tu sáu Ba la mật... do hòa hợp với sức phương tiện nên có thể tu hành, khi ấy đầy đủ Bồ Tát đạo. Sức phương tiện là không chắc chắn có được ba việc về bố thí, cũng không xa lìa ba việc ấy mà hành bố thí, khi ấy chiếu rõ Bồ Tát đạo. Chiếu rõ và đầy đủ cùng một nghĩa. Nếu Bồ Tát chắc chắn thấy có ba việc về bố thí thời rơi vào điên đảo chấp thường, bị lỗi thủ tướng chấp trước pháp; nếu không thấy có ba việc ấy thời rơi vào điên đảo chấp đoạn, chấp trước Không, trở lại khởi lên các phiền não tà kiến, liền xa lìa Bồ Tát đạo. Nếu Bồ Tát lìa hai bên ấy, nhân nơi Không mà xả bỏ pháp bố thí giả danh hư vọng ấy, nhân nơi thật tướng mà xa lìa chấp Không, không có người thí, không có người nhận, như tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác, quán bố thí cũng như vậy không khác. Bồ Tát hành như vậy gọi là đầy đủ, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Xá lợi phát ở giữa hội chúng nghe Phật cùng với Tu Bồ Đề nói quả báo sâu xa của Bát nhã rất có lợi ích, tuy có lợi ích mà không có tính chắc chắn thời làm sao có thể tập hành?

Phật đáp: Bồ Tát khi hành Bát nhã không hoại sắc, không theo sắc, như vậy gọi là tập hành Bát nhã. Bồ Tát khi mới phát tâm, vì biết thật pháp nên thường hành Bát nhã, thứ lớp tùy chỗ thích hợp hành bố thí... thế nên thường nói Bồ Tát khi hành Bát nhã là hành pháp bố thí...

Không hoại sắc là không nói sắc ấy vô thường, không nói sắc ấy không, không có sở hữu, ấy gọi là không hoại sắc.

Không theo sắc là không như mắt thấy sắc thủ tướng sinh ra chấp trước. Lại, không nói sắc ấy hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui... ấy gọi là không theo sắc, vì thấy thường, vô thường đều chẳng phải là thật tướng của sắc.

*Lại nữa, không nói sắc ấy căn bản ấy từ trong thể tính lại, hoặc từ trong vi trần lại, hoặc từ trong cõi trời Đại tự tại lại, hoặc từ trong thời gian lại, hoặc từ trong tự nhiên sinh ra, hoặc không nói không nhân không duyên, miễn cưỡng sinh ra. Như vậy gọi là không theo sắc, không hoại sắc. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Sắc ấy tính không có, nên không theo, không hoại.

Tính không có là sắc ấy từ bốn đại hòa hợp, giả gọi là sắc, mà trong ấy không có một pháp nhất định gọi là sắc, như trong phẩm Phá sắc ở trước đã nói. Sắc ấy từ nhân duyên hòa hợp sinh nên không có tự tính; nếu không có tự tính tức thời là tính không. Nếu nắm được sắc tướng tính không ấy tức là tập hành Bát nhã, cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy.

Lại hỏi: Bạch đức Thế Tôn, nếu các pháp không có tự tính có thể hoại, có thể theo thời Bồ Tát làm thế nào tập hành Bát nhã ba la mật? Không học Bát nhã thời không được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật chấp thuận ý Xá lợi phất và tự nói nhân duyên: Nếu Bồ Tát dùng sức phương tiện tu sáu Ba la mật thời tuy biết các pháp tính không mà có thể khởi lên Bát nhã ba la mật. Nếu Bồ Tát tìm hết thầy pháp may mắn có tính nhất định có thể được, thời có thể thủ, có thể chấp trước. Nhưng nay Bồ Tát thật tìm hết thầy pháp không có được tính nhất định gọi là Bát nhã ba la mật, Thiên Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung. Các pháp ấy đều không thể có được, vì không thể có được thời thủ cái gia? ấy gọi là Bồ Tát đối với Bát nhã ba la mật không thủ. Bồ Tát nên học Bát nhã không có chấp thủ ấy. Không có chấp thủ còn không thể có được, huống gì chấp thủ Bát nhã và các pháp, vì hết thầy pháp không có tự tính?

Xá lợi phát lại hỏi: Nếu hết thầy pháp không có tự tính, làm thế nào biết đó là phàm phu, đó là Phật?

Phật dạy: Hết thầy pháp tuy không có tướng căn bản nhất định, nhưng vì phàm phu điên đảo nên chấp trước. Bồ Tát tuy hành Bát nhã, do sức phương tiện nên thấy hết thầy pháp không có căn bản mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát ấy hành sâu tính không nên không thấy hết thầy pháp có căn bản, vì không thấy nên không giải đãi, thoái mất; biết rõ ràng hết thầy pháp vô ngã, không có tính sở hữu, tính thường không, chỉ vì chúng sinh ngu si điên đảo nên chấp trước đó là năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới. Khi ấy Bồ Tát suy nghĩ, trừ lượng tướng tịch diệt sâu xa của các pháp mà chúng sinh đắm trước một cách hư vọng điên đảo. Bồ Tát tự ví mình như vị thầy huyền thuật, dùng thần thông biến hóa thuyết pháp độ người. Việc làm như huyền, tâm bình đẳng thuyết pháp không thương, không ghét; đối với người xan tham dạy sáu Ba la mật bồ thí...; lại dạy pháp thù thắng hơn khiến ra khỏi sinh tử, được quả Tu đà hoàn cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Hỏi: Ngoài sáu Ba la mật còn có pháp gì hơn chẳng, nên vì sao đây lại nói là pháp hơn?

Đáp: Trong đây không nói Ba la mật mà chỉ dạy bồ thí cho người, cho đến dạy trí tuệ cho người ngu si. Pháp của chư Phật, Bồ Tát có đầu có sau. Pháp đầu là bồ thí, trì giới, thọ giới, quả báo bồ thí, được phước lạc sinh cõi trời dạy cho biết vị ngọt của năm dục lợi ích ít mà hại nhiều, phải thọ thân ở thế gian, chỉ bị suy khổ; tán thán pháp dứt ái xa lìa thế gian, chỉ bị suy khổ; tán thán pháp dứt ái xa lìa thế gian, vậy sau mới dạy bốn để khiến được quả Tu đà hoàn. Trong đây Bồ Tát chỉ muốn dạy khiến chúng sinh được Phật đạo nên trước tiên dạy khiến tu sáu pháp đầu. Trong đây trí tuệ lành không nhiếp thuộc ba môn giải thoát. Trí tuệ lành ấy có thể phát sinh thiện pháp bồ thí, có thể dứt xan tham, sân hận, các ác pháp, có thể khiến chúng sinh được sinh cõi trời, vì sao biết lại có pháp hơn? Vì pháp hơn là pháp bốn thánh đế: Pháp xuất, pháp sở hành của các bậc thánh gọi là thánh pháp; pháp làm cho ra khỏi sinh tử của ba cõi gọi là pháp xuất. Lấy bốn đế thuyết pháp nên tùy căn cơ của chúng sinh khiến được quả Tu đà hoàn cho đến được trí Nhất thiết chủng. Trong đây tuy không nói sáu pháp đầu; nói bồ thí... nên biết đã thu nhiếp vào trong ấy.

*lại nữa, Bồ Tát vì Phật đạo nên thuyết sáu pháp ấy, chỉ vì tâm chúng sinh hèn kém, tự thủ lấy Tiểu thừa, thế nên không nói sáu pháp đầu là bồ thí, trì giới, quả báo sinh cõi trời...

Xá lợi phát bạch Phật: Trước nói Bồ Tát là rốt ráo không thể có được, nay vì chúng sinh không có sở hữu mà thuyết pháp, khiến được pháp không có sở hữu là quả Tu đà hoàn cho đến trí Nhất thiết chủng. Bạch Thế Tôn, Bồ Tát vì được pháp không có sở hữu nên có thể làm cho chúng sinh được pháp không có sở hữu, không có sở đắc ấy là có sở đắc ư?

Phật dạy: Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật không có lỗi có sở đắc, vì sao? Vì Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật không thấy chúng sinh và pháp, chỉ thấy nhân duyên hòa hợp giả gọi là chúng sinh. Bồ Tát trú trong hai đế vì chúng sinh thuyết pháp, không chỉ thuyết không, không chỉ thuyết hữu; vì chúng sinh ái trước nên đắm trước không; vì chúng sinh thủ tướng chấp trước không nên thuyết hữu, giữa hai chỗ có và không, không nhiễm trước. Do sức phương tiện như vậy mà vì chúng sinh thuyết pháp. Thân ta và ta của chúng sinh hiện tại còn không thể có được, huống gì sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Xá lợi phát hoan hỷ bạch Phật: Tâm rộng lớn là Bồ Tát. Tâm rộng lớn là không có pháp có thể được, hoặc nhất tướng, hoặc dị tướng. Như người bán giữa chợ tức cần có trao đổi; người có tâm lớn thời không như vậy, không có nương tựa vào đâu mà có thể phát tâm trang nghiêm lớn; vì trang nghiêm lớn nên không sinh vào ba cõi, cũng kếp chúng sinh ra khỏi ba cõi, song chúng sinh không thể có được, vì chúng sinh không trí không mở, nên hết thấy pháp không. Từ lâu xa lại đây vì phiền não điên đảo hư dối không thật, thế nên gọi là không trí; vì không trí nên cũng không mở. Trí tức là nhớ, mở tức là sạch; vì không nhớ không sạch nên không có phân biệt sáu đường; vì không phân biệt sáu đường nên không có nghiệp tội phước; vì nghiệp tội phước không có nên không có phiền não khởi lên nghiệp tội phước; không khởi nghiệp tội phước thời không thể có quả báo. Như vậy, trong các pháp rốt ráo không mà trang nghiêm lớn, việc ấy thật là hy hữu; thí như người trồng cây giữa hư không, cây lá hoa quả làm lợi ích nhiều.

Phật hứa khả ý Xá lợi phát rằng, Xá lợi phát vì vấn nạn về không ấy nên Phật cũng đáp, cũng hứa khả; vì Xá lợi phát nói không, nên Phật hứa khả, vì Xá lợi phát vấn nạn không, nên Phật đáp. nghĩa là nếu chúng sinh và các pháp trước có nay không, thời chư Phật thánh hiền có tội lỗi. Tội lỗi là làm cho chúng sinh vào Vô dư Niết bàn, vĩnh viễn diệt hết thấy pháp, vào trong không đều không có sở hữu; làm đoạn diệt hết thấy pháp như vậy nên có tội lỗi. Nay Xá lợi phát, chúng sinh và hết thấy pháp từ trước lại đây không có; hoặc có Phật, hoặc không có Phật thì pháp ấy vẫn thường trú không khác, đó là thật tướng các pháp; thế nên không có sáu đường sinh tử, cũng không có chúng sinh để có thể

kéo ra. Nay Xá lợi phát, hết thầy pháp trước không, vì vậy mà Bồ Tát ở chỗ Phật nghe tướng ấy của các pháp nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nghĩ rằng: Trong Bồ đề cũng không có pháp có thể được, cũng không có pháp chọn thật nhất định khiến chúng sinh đắm trước mà không thể độ; chỉ vì chúng sinh si cuồng điên đảo nên đắm trước pháp hư dối; thế nên Bồ Tát phát tâm trang nghiêm lớn, không thoái chuyển đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Lại nghĩ rằng: Ta chắc chắn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chẳng phải chẳng được; được rồi dùng thật pháp làm lợi ích chúng sinh; vì lợi ích chúng sinh nên chúng sinh được ra khỏi điên đảo. Muốn làm rõ việc này nên trong kinh đây nói ví dụ như vị thầy huyền thuật. Thầy huyền thuật tức chỉ cho Bồ Tát. Thầy huyền thuật tạo dựng vườn rừng, quán xá, tức là sáu pháp Ba la mật độ chúng sinh; tạo ra voi ngựa, trai gái, tức là chúng sinh được Bồ Tát độ. Như vị thầy huyền thuật một thân, vì sức huyền, huyền làm ra các chúng sinh, vườn rừng, quán xá để làm vui mọi người; nếu thầy huyền thuật cho các việc huyền làm ra ấy là thật, đối với người huyền tìm ân huệ tức là người cuồng; Bồ Tát cũng như vậy. Theo Phật nghe dạy hết thầy pháp tính không, như huyền mà dùng việc bố thí lợi ích chúng sinh; lại muốn cầu phước đức ân huệ thời tức là điên đảo.

Hỏi: Pháp huyền, chú thuật thật có, còn các vật huyền làm ra có thể hư dối; như chúng sinh không, nên Bồ Tát cũng không; Bồ Tát không hóa làm ra chúng sinh, đâu được nêu làm ví dụ?

Đáp: Trong thật tướng các pháp, pháp còn không có, hưởng gì chúng sinh! Tên khác của chúng sinh gọi là vị thầy huyền thuật. Vị thầy huyền thuật thật không có, có gì nói vị thầy huyền thuật có mà các việc huyền làm ra không có? Như ông cho vị thầy huyền thuật thật có, còn các việc huyền làm ra không có, còn thánh nhân xem vị thầy huyền thuật và các việc huyền làm ra không khác nhau. Vì làm rõ việc ấy nên nói ví dụ, mà chỉ lấy phần ít giống nhau làm ví dụ, có gì nêu ra toàn phần để vấn nạn? Như sư tử ví dụ cho vua, vì sư tử không hề sợ hãi giữa các loài thú. Vua cũng như vậy, tự tại, không chướng ngại giữa thần dân nên lấy làm ví dụ, đâu có thể trách rằng sư tử có bốn chân, có lông mao là khác ư? Phật nói tính không là các pháp đều không mà còn có chúng sinh; thế nên nêu vị thầy huyền thuật làm ví dụ. Nay tôi nói ví dụ để phá chúng sinh, có sao ông lại đem chúng sinh ra vấn nạn?

Bấy giờ Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, thế nào là thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật?

Tu Bồ Đề tuy biết Bồ Tát đạo, song vì trong đây nói tính không sâu xa nên người nghe sinh nghi; vì vậy nên Tu Bồ Đề hỏi.

Phật dạy: Bồ Tát từ khi mới phát tâm hành sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung, ấy là Bồ Tát đạo; hành đạo ấy là thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật.

Tu Bồ Đề lại hỏi: Làm sao hành pháp ấy là thành tựu tuệ giác cho chúng sinh?

Ý Tu Bồ Đề muốn nói: Nếu pháp tự tính không, chúng sinh cũng tự tính không, làm thế nào có thể được thành tựu?

Phật dạy: Bồ Tát do sức phương tiện nên lấy pháp bố thí giáo hóa chúng sinh, không dạy chúng sinh chấp trước bố thí cho là chân thật.

Sức phương tiện là Bồ Tát nói với chúng sinh rằng: Nay các thiện nam tử, hãy đến đây bố thí, chớ chấp trước bố thí ấy, như trong kinh đây nói rộng. Chúng sinh do bố thí được sinh chỗ giàu sang, vì được sinh chỗ giàu sang nên sinh tâm ngã mạn, kiêu mạn; vì ngã mạn kiêu mạn tăng trưởng nên phá thiện pháp; vì phá thiện pháp nên đọa vào ba đường ác. Thế nên Bồ Tát trước tiên dạy rằng: Chớ đắm trước bố thí, chỉ nhân nơi việc bố thí tu trì giới ấy và điều hòa hương đến Niết bàn, vì sao? Vì thật tướng các pháp tính không, không thể thủ tướng. Như vậy, Bồ Tát do sức phương tiện giáo hóa chúng sinh khiến được quả Tu đà hoàn cho đến Phật đạo. Bồ Tát ấy tự mình hành bố thí, cũng dạy chúng sinh bố thí. Nếu không tự mình bố thí, hoặc có người nói: Nếu bố thí là pháp hay, có sao ông không tự hành? Thế nên Bồ Tát trước tiên tự mình bố thí.

*Lại nữa, Bồ Tát rất ưa thích thiện pháp, mà bố thí là cửa ban đầu, thế nên hành bố thí. Lại, Bồ Tát rất từ bi, thương xót chúng sinh; vì tâm từ bi tuy lớn song không thể làm đầy đủ cho chúng sinh, thế nên trước tiên bố thí để làm cho tâm họ được nhu nhuyễn, có thể do nhân duyên bố thí được sinh vào bốn dòng tộc và làm Chuyển luân Thánh vương; rồi dùng bốn nhiếp pháp nhiếp thủ chúng sinh, dần dần đem pháp ba thừa dạy bảo khiến cho được Niết bàn. Dạy người khác bố thí, tán thán pháp bố thí, hoan hỷ tán thán người bố thí; ấy là rất ưa bố thí. Thế nên thấy người khác cùng hành mà hoan hỷ tán thán.

*Lại nữa, tâm Bồ Tát thương xót chúng sinh nếu thấy họ tu phước thời hoan hỷ; như cha lành thấy con làm việc tốt thời tâm hoan hỷ. Người ấy theo bốn cách hành bố thí được sinh vào dòng quý Sát lợi, Bà la môn...; lấy bố thí nhiếp thủ chúng sinh rồi dần dần dạy họ khiến trì giới, thiền định cho đến được đạo Bích

chi Phật. Hoặc thấy chúng sinh người nào có tâm lớn và có chút ít tâm từ bi, người ấy sợ hãi sinh tử lâu xa, nên giải đãi thoái mất, thời Bồ Tát dùng sức phương tiện nói với chúng sinh ấy rằng: Lạ thay, các chúng sinh kia! Vô thượng chánh đẳng chánh giác dễ được, cứ sao các ông cho là khó? Chỗ chúng sinh chấp đắm, trong đó không có pháp chơn thật nhất định có thể ngăn trở, khó hiểu, các ông nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đã tự mình được độ, còn độ thoát chúng sinh.

Độ thoát chúng sinh là Bồ Tát tự cưỡi xe Đại thừa được độ, dùng xe ba thừa tùy theo chỗ thích hợp của chúng sinh có thể độ mà độ. Đã tự lợi ích mình, cũng lợi ích người khác.

Lợi ích người khác là tự mình đã thành Phật, cũng đem pháp ba thừa độ chúng sinh. Nếu Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật được như vậy thời từ khi mới phát tâm về sau trọn không đọa vào ba đường ác.

Thường làm Chuyển luân Thánh vương là Bồ Tát phần nhiều sinh cõi Dục, vì sao? Vì trong cõi Vô sắc không có hình tướng nên không thể giáo hóa; trong cõi Sắc phần nhiều ưa đắm cái vui thiền định, không có tâm nhằm chán nên cũng khó hóa giáo; lại cũng không sinh cõi trời Dục giới, vì sao? Vì đắm cái vui năm dục nên khó giáo hóa. Còn ở trong nhân đạo đời đời lấy bốn việc nhiếp, nhiếp thủ chúng sinh, nên làm Chuyển luân Thánh vương. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Tùy theo chỗ gieo nhân mà được quả báo lớn, như trong Kinh nói tướng bố thí. Lại có Bồ Tát khi hành Thí Ba la mật, thấy chúng sinh phá giới liền nghĩ rằng: Các ông vì nhân duyên không đầy đủ nên phá giới, ta sẽ cấp cho vật cần dùng để khỏi bị thiếu thốn.

Người phá giới có hai hạng: Một là nhân duyên trì giới không đầy đủ nên phá, như người nghèo cùng vì đói khát cấp bách nên trộm cắp. Hai là nhân duyên trì giới tuy đầy đủ nhưng vì tâm tập theo thói ác, ưa làm việc ác mà phá giới. Người nghèo cùng phá giới thời Bồ Tát nói với họ: Ông hãy trì giới, ta sẽ cung cấp cho đầy đủ. Các ông trì giới rồi dần dần nhờ pháp ba thừa mà được độ thoát; ấy gọi là nhân bố thí sinh trì giới.

Chúng sinh vì việc không như ý nên nổi giận là như vì tìm vật không được như ý nên nổi giận, gặp người không xứng ý nên nổi giận. Bồ Tát tu bố thí tùy theo ý họ mà cung cấp cho đầy đủ.

Hỏi: Như người nghèo túng thời cấp thí cho để không nổi giận có thể được, còn người không xứng ý bị làm xúc não khiến nổi giận thời lại làm sao?

Đáp: Lấy ngọc như ý thí cho thòi người ta đều vừa ý, vì uy đức của ngọc nên người không nổi giận; như hành giả vào tam muội từ tâm nên người không nổi giận. Thế nên nói vì thiếu nhân duyên gì nên nổi giận, ta sẽ làm cho người được đầy đủ.

*Lại nữa, hết thầy pháp tính không, không có sở hữu, lý do việc ông giận cũng đều hư dối không nhất định, tại sao ông vì việc hư dối mà nổi giận mắng nhiếc, gia hại cho đến cướp mạng? Vì tạo tội nặng ấy nên đọa vào ba đường ác chịu vô lượng khổ. Các ông chớ vì việc hư dối không thật mà chịu tội lớn. Như trong núi có một bức họa đồ vẽ hình Phật, trong đó có một phòng riêng, trong có một con quỷ đi đến khùng bố, xúc não vị đạo nhân nên các đạo nhân đều bỏ phòng mà đi. Có một khách Tăng đi đến, vị Duy na phân xử chia cho ở phòng ấy, nói với vị khách tăng rằng: Trong phòng ấy có một con quỷ ưa xúc não người, ông có thể ở được thì ở. Vị khách Tăng tự cầm dao trì giới, đa văn mà nói với tiểu quỷ: Người có khả năng gì ta cũng sẽ hàng phục, liền vào phòng ở. Đêm xuống lại có một khách Tăng khác đi đến tìm chỗ ở, vị Duy na cũng chỉ cho ở phòng ấy và nói: Trong phòng có tiểu quỷ hay xúc não người. Vị khách Tăng kia cũng nói: Tiểu quỷ có khả năng gì, tôi cũng sẽ hàng phục. Vị khách Tăng vào trước đóng cửa lại, ngồi ngay thẳng chờ quỷ; vị khách Tăng đến sau trong đêm tối xô cửa bước vào. Vị khách Tăng trước cho đó là quỷ, không chịu mở cửa; vị khách Tăng sau dùng hết sức đập cửa. Vị khách Tăng ở trong lấy dao chắn lại; vị khách Tăng ở ngoài hơn, xô cửa đi vào. Vị khách Tăng ở trong đánh; vị khách Tăng ở ngoài cũng cực lực đánh lại như tử. Đến khi trời sáng, nhân thấy rõ mọi việc mới biết là kẻ đồng học cũ, nên cùng nhau hổ thẹn mà xin lỗi. Mọi người kéo đến nức cười, cho là quái gỡ. Chúng sinh cũng như vậy, năm uẩn hòa hợp không có ngã, không có nhân mà chấp thủ tướng suông để tranh đấu nhau. Nếu bị cắt xẻ từng mảnh ném xuống đất thời chỉ có xương thịt mà không có người, không có ta. Thế nên Bồ Tát nói với chúng sinh rằng: Các ông chớ ở nơi căn bản không, mà tranh đấu, gây tội, vì tội tranh đấu nên thân người còn không thể có được, huống gì được gặp Phật! Nên biết thân người khó được, Phật ra đời khó gặp, thời giờ quý báu dễ qua, một phen rơi vào chỗ hoạn nạn thời vĩnh viễn không thể sửa trị. Nếu đọa vào địa ngục, bị thiêu đốt, cắt xẻ thời làm sao giáo hóa được? Nếu rơi vào súc sinh, tàn hại lẫn nhau, cũng không thể giáo hóa! Nếu rơi vào ngã quỷ, đói khát bức não thời cũng không thể giáo hóa! Nếu sinh vào cõi trời sống lâu, dù ngàn vạn đức Phật qua đi mà vì đắm trước thiên vị nên cũng không hay biết! Nếu như sinh vào các nước biên địa, tuy đều là thân người mà ngu si, không thể giáo hóa! Tuy được sinh vào trung tâm cõi nước mà hoặc tay chân không hoàn toàn; hoặc mù, điếc, câm, ngọng; hoặc không biết

nghĩa lý; hoặc tuy sáu căn không đầy đủ mà không thông lợi, hay đắm sâu tà kiến nói rằng không có tội phước, thời cũng không thể giáo hóa! Thế nên vì họ nói thì giờ quý báu, chớ để luống qua mà bị đọa vào các chỗ khổ nạn, không thể độ được.

Các Ba la mật khác như trong kinh này nói rộng, nên ở đây không giải thích.

Hỏi: Ở trong Thí Ba la mật mà hành năm Ba la mật xong, sao còn nói lại sáu Ba la mật?

Đáp: Trên kia nói tu một độ thứ lớp đầy đủ năm độ, còn ở đây nói chung cả năm độ cùng tu một lần.

Lại, trước chỉ nói sáu Ba la mật, nay đây nói luôn cả ba mươi bảy pháp trợ đạo và các đạo quả.

Hỏi: Ba mươi bảy pháp trợ đạo từ tâm xuất ra, làm sao do nhân duyên giúp được?

Đáp: Bồ Tát cung cấp cho người tọa thiền y phục, đồ uống ăn, thuốc thang, gậy pháp, thiền sàng, thiền trấn, làm cho gặp được thầy tốt dạy bảo, được đệ tử tốt thọ giáo; đưa cho bộ xương người khiến quán, cho thiền kinh khiến người dạy thiền pháp. Như vậy, là nhân duyên của ba mươi bảy pháp trợ đạo. Lại khiến người giảng cho pháp Đại thừa rằng: Các ông cần y phục, đồ uống ăn hãy đều đến đây nhận lấy như vật của mình, chớ nghi ngại. Các ông được vật ấy rồi tự mình hành sáu Ba la mật, cũng dạy người khác hành sáu Ba la mật. Việc bố thí ấy tính không, các ông chớ đắm trước việc bố thí và quả báo bố thí. Chúng sinh ngộ được tính không ấy, dần dần được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vào Vô dư Niết bàn.

Như lấy pháp bố thí làm đầu sinh ra năm Ba la mật khác; nghĩa các Ba la mật khác cũng như vậy.

(Hết cuốn 91 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 92

Giải Thích: Phẩm Tịnh Phật Quốc Độ Thứ 82

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Tịnh Phật Quốc

Kinh Đại Bát nhã hội thứ 2 ghi: Phẩm Đạo Sĩ thứ 80)

Kinh: Bấy giờ Tu Bồ Đề suy nghĩ: Thế nào là đạo Bồ Tát? Bồ Tát trú trong đạo ấy như vậy có thể phát đại thế nguyện trang nghiêm?

Phật biết ý nghĩ của Tu Bồ Đề, bảo Tu Bồ Đề: Sáu Ba la mật mà đạo Bồ Tát; ba mươi bảy pháp trợ đạo là đạo Bồ Tát; mười tám không, là đạo Bồ Tát; tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lục của Phật cho đến mười tám pháp không chung, là đạo Bồ Tát. Hết thấy pháp cũng là đạo Bồ Tát. Nay Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, vả chẳng có pháp Bồ Tát không học mà có thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác chăng? Nay Tu Bồ Đề, không có pháp Bồ Tát không nên học, vì sao? Vì Bồ Tát không học hết thấy pháp thời không được trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp đều không, thời vì sao nói Bồ Tát học hết thấy pháp? Như vậy há ở trong chỗ không có Thế Tôn, không có hý luận thành ra có hý luận chăng? Nghĩa rằng hý luận cho là đây, là kia, là pháp thế gian, là pháp xuất thế gian, là pháp hữu lậu, là pháp vô lậu, là pháp hữu vi, là pháp vô vi, là pháp phạm phu, là pháp A la hán, là pháp Bích chi Phật, là pháp Phật.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy. Hết thấy pháp thật không; nếu hết thấy pháp chẳng không, thời Bồ Tát không thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay hết thấy pháp thật không, nên Bồ Tát có thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Tu Bồ Đề, như lời ông nói, nếu hết thấy pháp không, há không phải ở trong chỗ không có hý luận. Thế Tôn khởi lên hý luận phân biệt có kia có đây, có pháp thế gian, pháp xuất thế gian cho đến pháp Phật. Nay Tu Bồ Đề, nếu chúng sinh biết hết thấy pháp không, thời Bồ Tát không học hết thấy pháp mà được trí Nhất thiết chủng. Nay chúng sinh thật không biết hết thấy pháp không, vì thế nên Bồ Tát được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi, phân biệt các pháp, vì chúng sinh mà giảng nói. Nay Tu Bồ Đề, ở trong đạo Bồ Tát ấy, từ khi mới phát tâm lại đây, đối với tính nhất định của hết thấy pháp không thể có được, chỉ vì nhân duyên hòa hợp khởi lên nên có danh từ các pháp. Ta nên suy nghĩ như vậy: Các pháp thật tính không dính mắc gì, như tính sáu Ba la mật hoặc ba mươi bảy pháp trợ đạo, hoặc quả Tu đà hoàn cho đến quả A la

hán, đạo Bích chi Phật, Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì sao? Vì hết thầy pháp, hết thầy pháp tính không, không chẳng dính mắc không, không cũng không thể có được, huống gì trong không có dính mắc? Bồ Tát suy nghĩ như vậy nên không chấp trước hết thầy pháp mà học hết thầy pháp, ở trong sự học ấy quán tâm hành của chúng sinh, biết tâm ấy hành ở chỗ nào. Biết chúng sinh hành ở trong hư vọng không thật, khi ấy Bồ Tát nghĩ rằng: Chúng sinh ấy chấp trước pháp hư vọng không thật nên dễ độ thoát. Bồ Tát trú trong Bát nhã, dùng sức phương tiện giáo hóa như vậy: Chúng sinh các người nên hành bố thí, có thể được giàu của cải, cũng chớ ý thị quả báo bố thí mà tự cao, vì sao? Vì trong đó không có pháp chắc thật; trì giới, thiền định, trí tuệ cũng như vậy. Chúng sinh hành pháp ấy có thể được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, Phật đạo; chớ nghĩ rằng có pháp ấy giáo hóa như vậy hành đạo Bồ Tát mà không vướng mắc gì, vì trong ấy không có gì chắc thật. Nếu giáo hóa được như vậy gọi là hành đạo Bồ Tát, vì đối với các pháp không dính mắc gì, vì sao? Tương các pháp không dính mắc, vì tự tính không có, vì tính không. Nay Tu Bồ Đề, khi hành đạo Bồ Tát như vậy không trú chỗ nào. Bồ Tát vì không trú pháp nên cũng không trú trong ấy hành Giới Ba la mật, cho đến cũng không trú trong ấy hành Bát nhã ba la mật; hành sơ thiền cũng không trú trong ấy, vì sao? Vì sơ thiền ấy, tương sơ thiền không, người hành thiền cũng không, pháp dùng để hành thiền cũng không; đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thiền cũng như vậy; từ, bi, hỷ, xả cho đến định chín thứ lớp cũng như vậy. Được quả Tu Đà hoàn cũng không trú trong ấy, cho đến được đạo Bích chi Phật cũng không trú trong ấy.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, do nhân duyên gì nên không trú trong ấy?

Phật dạy: có hai nhân duyên nên không trú trong ấy. Những gì là hai? Một là các đạo quả tính không, không có chỗ trú, cũng không có pháp sở dụng, cũng không có người trú; hai là không cho chút ít việc là đủ nên không trú, nghĩ rằng: Ta không nên không được quả Tu đà hoàn, ta chắc chắn nên được quả Tu đà hoàn, chỉ ta không nên trú trong ấy; cho đến đạo Bích chi Phật ta chẳng nên không được, ta chắc chắn nên sẽ được, chỉ ta không nên trú trong ấy, cho đến được Vô thượng chánh đẳng chánh giác cũng không nên trú, vì sao? Vì từ khi ta mới phát tâm lại đây không có tâm gì khác, chỉ nhất tâm hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát nhất tâm hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, xa lìa các tâm khác; gây nghiệp thân, miệng, ý đều nên hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát trú vào nhất tâm ấy có thể phát sinh đạo giác ngộ.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp chẳng sinh, làm sao Bồ Tát có thể phát sinh đạo giác ngộ?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, hết thấy pháp không sinh. Vì sao không sinh? Vì không có gì làm, không có gì khởi, vì hết thấy pháp chẳng sinh.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, có Phật hay không có Phật thời thật tướng các pháp vẫn thường trú ư?

Phật dạy: Như vậy, như vậy. Thật tướng các pháp thường trú, vì chúng sinh chẳng biết thật tướng các pháp thường trú nên Bồ Tát vì chúng sinh mà phát sinh đạo giác ngộ, dùng đạo ấy kéo chúng sinh ra khỏi sinh tử.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, dùng đạo sinh được giác ngộ ư?

Phật dạy: không được.

Bạch đức Thế Tôn, dùng đạo không sinh được giác ngộ ư?

Phật dạy: Không được.

Bạch đức Thế Tôn, dùng đạo không sinh chẳng phải không sinh được giác ngộ chăng?

Phật dạy: không được.

Bạch đức Thế Tôn, làm thế nào được giác ngộ?

Phật dạy: Chẳng phải dùng đạo được giác ngộ, cũng chẳng phải dùng chẳng phải đạo được giác ngộ, vì tính giác ngộ tức là đạo, đạo tức là giác ngộ.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu giác ngộ tức là đạo, đạo tức là giác ngộ, nay đây Bồ Tát khi chưa làm Phật lẽ đáng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cứ sao nói các đấng Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao, Phật được giác ngộ chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Phật không được giác ngộ, vì sao? Vì Phật tức là giác ngộ, giác ngộ tức là Phật.

Như lời Tu Bồ Đề hỏi, khi còn Bồ Tát không nên được giác ngộ. Bồ Tát ấy đầy đủ sáu Ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười lực của Phật, bốn điều không

sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, tam muội Kim Cang, một niệm tương ưng với tuệ mới được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, khi ấy gọi là Phật, được tự tại đối với hết thảy pháp.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát nghiêm tịnh cõi Phật?

Phật dạy: Bồ Tát từ khi mới phát tâm trở lại đây tự trừ nghiệp thô nơi thân, tự trừ nghiệp thô nơi miệng, tự trừ nghiệp thô nơi ý, cũng làm thanh tịnh nghiệp thô nơi thân, miệng, ý của người khác.

Bạch đức Thế Tôn, thế nào là nghiệp thô nơi thân, miệng, ý của Bồ Tát?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nghiệp bất thiện: Hoặc sát sinh cho đến tà kiến là nghiệp thô nơi thân, miệng ý của Bồ Tát.

*Lại nữa, giới không thanh tịnh là nghiệp thô nơi thân, miệng của Bồ Tát.

*Lại nữa, nếu Bồ Tát xa lìa bốn niệm xứ mà tu hành, gọi là nghiệp thô của Bồ Tát; xa lìa bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, tam muội Không, Vô tướng, Vô tác cũng là nghiệp thô của Bồ Tát.

*Lại nữa, Bồ Tát tham chứng quả Tu Đà hoàn cho đến tham chứng quả A la hán, đạo Bích chi Phật là nghiệp thô của Bồ Tát.

Luận: Từ trước lại đây Tu Bồ Đề thường hỏi về pháp không. Bây giờ trong hội chúng nghi: Tu Bồ Đề đã thể ngộ pháp tịch tịnh không hý luận, cứ sao còn hỏi nhiều? Vì thế nên không hỏi mà chỉ tâm niệm.

*Lại nữa, có những Bồ Tát và chư thiên vào sâu thiền định, không ưa ngôn ngữ mà chỉ muốn được ích lợi của pháp, thế nên Tu Bồ Đề không phát ngôn mà chỉ tâm niệm.

Hỏi: Vì sao Tu Bồ Đề tuy không nói mà Thế Tôn vẫn dùng lời đáp?

Đáp: Sắc thân của Phật trông thấy không nhàm chán; thấy sắc không nhàm chán, nghe âm thanh cũng như vậy, nên tuy nói mà không chướng ngại hạnh thiền định vi tế; thế nên Phật dùng lời để đáp.

*Lại nữa, Phật an lập nơi tướng tịch diệt, trú trong Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không phân biệt hết thảy pháp hoặc thiện hoặc bất thiện. Chúng sinh có nghi mà hỏi, Phật theo chỗ hỏi, chỗ suy nghĩ mà đáp, vì thế nên không giống với

Tu Bồ Đề. Tu Bồ Đề nghe sáu Ba la mật nghĩa lý rất sâu, không thể nắm bắt được bờ mé của nó, nên hỏi: Thế nào là đạo Bồ Tát mà hành đạo ấy được thanh tịnh, không có chỗ đấm trước các thiện pháp, sáu Ba la mật trang nghiêm? Phật biết ý Tu Bồ Đề nghĩ nên đối với Tu Bồ Đề tuy lợi ích ít mà vì lợi ích cho các Bồ Tát nên đáp: Sáu Ba la mật là đạo Bồ Tát. Sáu Ba la mật là đạo của Bồ Tát mới phát tâm; tiếp đến hành bốn thiên, tám bội xả, định chín thứ lớp và ba mươi bảy pháp trợ đạo, chỉ cầu Niết bàn; hành mười tám không, mười lực của Phật, là các thiện pháp vi tế, chỉ vì cầu Phật đạo. Sáu đạo Ba la mật phần nhiều vì chúng sinh mà nói; ba mươi bảy pháp trợ đạo chỉ vì cầu Niết bàn; mười tám không, từ Niết bàn xuất ra, là đạo vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật mà vào Bồ Tát vị. Ba đạo ấy đều là sở hành của sinh thân Bồ Tát; vì không thấy các pháp có tốt xấu mà an lập tướng bình đẳng của các pháp. Trong Kinh này Phật tự nói nhân duyên: Bồ Tát nên học hết thầy, nếu có một pháp không học thì không thể được trí Nhất thiết chủng. Học hết thầy pháp là dùng hết thầy pháp môn, suy nghĩ, trừ lượng, tu quán mà được thông suốt.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu hết thầy pháp một tướng đó là không tướng thì Bồ Tát làm thế nào học hết thầy pháp mà bèn ở trong Không có hý luận khởi lên hý luận? Nghĩa là cho rằng có pháp này pháp kia!

Lược nói tướng hý luận là đây đông kia tây, đây trên kia dưới, là thường là vô thường, là thật là không, là thế gian là xuất thế gian, cho đến là pháp nhị thừa, là pháp Phật.

Phật hứa khả lời Tu Bồ Đề rằng: Hết thầy pháp tướng không; nếu pháp thật có định tướng chẳng không tức là không sinh không diệt; không diệt nên không có bốn đế; không có bốn đế nên không có Phật, Pháp, Tăng bảo; như vậy, Tam bảo đều bị phá hoại. Nay các pháp thật không có, cho đến tướng không, cũng không có, chỉ do chúng sinh ngu si điên đảo nên chấp trước. Thế nên đối với chúng sinh, Bồ Tát khởi tâm thương xót, muốn kéo ra khỏi chấp trước nên cầu sức thân Phật; muốn làm cho chúng sinh tin chịu lời kia để bỏ điên đảo, ngộ vào thật tướng. Thế nên Bồ Tát tuy biết các pháp không, mà vì lợi ích chúng sinh nên phân biệt nói. Nếu chúng sinh tự biết các pháp không, thì Bồ Tát chỉ tự trú trong tướng không ấy, không cần học phân biệt hết thầy pháp.

Bồ Tát khi hành đạo Bồ Tát, từ khi mới phát tâm trở lại đây suy nghĩ như vậy: Hết thầy pháp không có tính nhất định, chỉ do nhân duyên hòa hợp nên sinh khởi; các nhân duyên ấy cũng mỗi mỗi do hòa hợp sinh cho đến rốt ráo không. Rốt ráo không chỉ là một pháp thật, ngoài ra đều không có tự tính nên đều hư

dối. Ta từ vô thì lại đây chấp đấm pháp hư dối ấy chán việc thọ khổ não trong sáu đường. Ta nay là con của chư Phật trong mười phương ba đời, Bát nhã là mẹ ta, nay ta không nên trở lại đeo đuổi pháp hư vọng. Do vậy, Bồ Tát cho đến đối với rốt ráo không cũng không dính mắc, hưởng gì các pháp khác như Thí Ba la mật...

Bấy giờ Bồ Tát đầy đủ đạo Bồ Tát, tâm kia an ổn, tự nghĩ rằng: Ta chỉ dứt tâm chấp trước, còn đạo tự nhiên đến. Biết pháp ấy rồi nghĩ đến chúng sinh đang nhiễm trước thế gian mà rốt ráo không cũng không, không có tự tính, không có chỗ ở, nên chúng sinh ấy khó có thể tin chịu. Vì khiến chúng sinh tin chịu pháp ấy nên học hết thầy pháp, tu hành pháp phương tiện độ chúng sinh, quán tâm hành của chúng sinh đi về đâu, biết nó ưa pháp gì, nghĩ việc gì, có chí nguyện gì. Khi quán sát biết chỗ chấp trước của chúng sinh đều là hư vọng điên đảo, do ức tưởng phân biệt nên chấp trước chứ không có căn bản chắc thật. Bấy giờ Bồ Tát rất hoan hỷ, nghĩ rằng: chúng sinh dễ độ, vì sao? Vì chỗ đấm trước của chúng sinh đều là hư dối không thật, thí như người có một đứa con ưa giỡn chơi trong chỗ bất tịnh, nhóm đậy làm lúa, lấy cây cỏ làm chim thú mà sinh ra ưa đấm; bị có người giựt lấy liền nổi giận khóc la. Cha nó biết vậy rồi, nghĩ rằng: Đứa con ấy nay tuy ưa đấm nhưng việc ấy dễ bỏ, đến khi khôn lớn nó tự bỏ, vì sao? Vì vật ấy không chân thật. Bồ Tát cũng như vậy, xem thấy chúng sinh ưa đấm thân bất tịnh hôi hám, và năm dục là pháp vô thường, nguyên nhân của các khổ; biết chúng sinh ấy tuy có được năm thiện căn tín, tâm, niệm, định, tuệ thành tựu liền có thể xả bỏ. Nếu trẻ nhỏ đấm trước vật cho là thật thời tuy lớn đến trăm tuổi, lòng tham đấm càng sâu không thể xả bỏ. Nếu chúng sinh chấp trước vật cho là thật có nhất định thời tuy có được năm thiện căn song lòng chấp trước vẫn càng sâu nặng, cũng không thể xa lìa. Vì các pháp tính không, hư dối không thật, nên khi được mắt tuệ vô lậu thanh tịnh, xa lìa pháp chấp trước, lớn lên tự biết hổ thẹn. Thí như người bị bệnh cuồng làm điều sai trái, sau khi tỉnh ngộ thấy mất mặt xấu hổ.

Bồ Tát đã biết chúng sinh dễ độ nên an trú trong Bát nhã, dùng sức phương tiện giáo hóa chúng sinh rằng: các ông hãy nên bố thí, sẽ được của nhiều, chớ ý thị quả báo bố thí mà tự cao ngạo. Trong đây không có gì chắc thật, đều sẽ bị phá hoại, với khi chưa bố thí không khác nhau. Trì giới, nhẫn nhục cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy. Các pháp ấy tuy thanh tịnh, có ích rất lớn, nhưng đều là pháp hữu vi, do nhân duyên sinh, không có tự tính, các ông nếu đấm trước pháp ấy thời sinh ra khổ não; thí như thổi vàng nóng bỏng, tuy là vật báu mà nắm đến thời cháy tay. Như vậy, Bồ Tát giáo hóa chúng sinh, hành

đạo Bồ Tát, tự mình không chấp trước gì, cũng dạy chúng sinh không chấp trước; vì tâm không chấp trước hành bố thí nên không trú trong bố thí. Không trú là khi bố thí không chấp thủ ba tướng, cũng không chấp trước quả báo mà tự cao, sinh ra nghiệp tội, khi quả báo diệt hoại cũng không sinh ưu não. Giới Ba la mật cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác cũng như vậy. Trong đây Phật tự nói nhân duyên không trú: Một là Bồ Tát vào sâu tính không, không thấy các pháp có tự tính nên không trú; hai là không cho việc nhỏ là đủ không nên trú. Bồ Tát không có tâm khác, chỉ một mặt hướng đến việc phát sinh đạo giác ngộ. (trang 461)

Tu Bồ Đề bạch Phật: nếu hết thấy pháp không sinh thời Bồ Tát làm thế nào có thể phát sinh đạo giác ngộ?

Phật hứa khả ý Tu Bồ Đề và nói: Hết thấy pháp không sinh, Ta thật đã nhiều nơi nói pháp không sinh, chẳng phải vì hàng phàm phu nói, mà chỉ vì hàng được vô tác giải thoát, không khởi ba nghiệp mà nói.

Hỏi: Phật tự nói có Phật hay không có Phật thời tính của các pháp vẫn thường trú; như pháp tướng không của các bậc thánh, phàm phu cũng như vậy?

Đáp: Phật hứa khả lời nói ấy rằng: Thật tướng các pháp thường trú, vì chúng sinh không hiểu không biết nên khởi lên đạo giác ngộ, chỉ vì trừ điên đảo cho phàm phu nên gọi là đạo. Nếu chắc chắn có đạo có thể chấp trước thời trở lại là điên đảo. Đạo và chẳng phải đạo bình đẳng tức là đạo; thế nên không nên vấn nạn.

Tu Bồ Đề hỏi: Làm sao có thể được giác ngộ? Dùng đạo sinh được ư?

Phật dạy: Không được, vì sao? Vì nhân đạo sinh là Bồ Tát quán đó là pháp hữu vi sinh diệt nên cho rằng thật, thế nên đáp không; như trước nói thí dụ thổi vàng cháy đỏ. Còn pháp không sinh (tức đạo không sinh) tức là vô vi, vì pháp vô vi nên cũng không thể dùng để được giác ngộ. Đạo sinh và đạo không sinh cả hai đều có lỗi, vậy đạo chẳng phải sinh chẳng phải không sinh được giác ngộ chăng? - Đáp: Không được.

Hỏi: Nếu đạo sinh và đạo không sinh đều có lỗi, vậy đạo chẳng phải sinh chẳng phải không sinh không nên có lỗi, cứ sao nói không được?

Đáp: Nếu phân biệt chẳng phải sinh chẳng phải không sinh là tốt, là xấu, đó là vì thủ tướng sinh chấp trước, nên nói có lỗi; nếu không chấp trước thời là đạo giác ngộ.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu không do bốn cú được giác ngộ, vậy làm sao được đạo?

Phật dạy: Chẳng phải đạo không do chẳng phải đạo được giác ngộ, vì sao? Vì giác ngộ tức là đạo, đạo tức là giác ngộ; mà giác ngộ tức là thật tướng các pháp, là thật tướng của chư Phật chứng ngộ, không có đổi khác. Hết thấy pháp đều vào trong giác ngộ, là tướng tịch diệt, như hết thấy nước vào trong biển cả đều cùng làm một vị. Thế nên Phật nói tính giác ngộ tức là tính đạo. Nếu tính giác ngộ và tính đạo khác nhau thì không gọi là giác ngộ, vì tướng tịch diệt, không có hí luận; thế nên nói giác ngộ tức là đạo, đạo tức là giác ngộ.

*Lại nữa, nếu hai pháp ấy khác nhau thì hành đạo không thể đến giác ngộ, vì nhân quả chẳng phải một chẳng phải khác.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu như vậy thì Bồ Tát hành đạo lẽ đáng bèn là Phật, vì sao? Vì đạo tức là giác ngộ! Lại, Phật lẽ đáng là Bồ Tát, vì sao? Vì giác ngộ tức là đạo! Nay có gì nói có sai khác: Phật có mười lục, 32 tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình?

Tu Bồ Đề vì hàng Bồ Tát mới học nên phân biệt nạn hỏi Phật rằng: Bồ Tát lý đáng tức là Phật, Phật đáp bằng cách hỏi ngược lại rằng: Phật được giác ngộ chẳng?

Tu Bồ Đề đáp: Không được, vì sao? Vì giác ngộ không là Phật, Phật không là giác ngộ; hai pháp hòa hợp nên gọi là Phật, là giác ngộ. Thế nên không nên nạn rằng Bồ Tát tức là Phật. Đây là đáp tương chung vậy.

Hỏi: Phật thuộc chúng sinh hữu tình, giác ngộ thuộc pháp, có sao nói Phật tức là giác ngộ?

Đáp: Trước tiên có 32 tướng trang nghiêm thân và công đức sáu Ba la mật trang nghiêm tâm, nhưng không gọi là Phật, mà vì được giác ngộ nên mới gọi là Phật; thế nên nói Phật với giác ngộ không khác. Năm uẩn thanh tịnh vì diệu hòa hợp giả gọi là Phật; pháp tức là năm uẩn, năm uẩn không là giả danh. Giác ngộ tức là thật tướng năm uẩn; hết thấy pháp đều vào trong giác ngộ; thế nên Phật tức là giác ngộ, giác ngộ tức là Phật, chỉ vì trong tâm phàm phu phân biệt nên có sai khác.

Hỏi: Ông trước luận nghị nói giác ngộ với đạo chẳng một chẳng khác, còn trong Kinh nói đạo tức là giác ngộ, giác ngộ tức là đạo; Phật tức là giác ngộ, giác ngộ tức là Phật, chỉ vì trong tâm phàm phu phân biệt nên có sai khác.

Hỏi: Ông trước luận nghị nói giác ngộ với đạo chẳng một chẳng khác, còn trong kinh nói đạo tức là giác ngộ, giác ngộ tức là đạo; Phật tức là giác ngộ, giác ngộ tức là Phật?

Đáp: Một và khác tuy đều chẳng thật, nhưng phần nhiều dùng một, thế nên trong đây nói: Giác ngộ tức là đạo, đạo tức là giác ngộ, không có gì lỗi. Như hai bên thường và vô thường, vì thường phần nhiều sinh phiền não nên ít nhắc đến; vô thường có thể phá phiền não nên nói đến nhiều, mà khi việc thành tựu vô thường cũng xả bỏ. Trong đây cũng như vậy, nếu quán các pháp sai khác dễ sinh tâm chấp trước, nếu quán các pháp một tướng hoặc vô thường, khổ, không.. thời phiền não không sinh. Vì tâm chấp trước ít, thế nên phần nhiều dùng một tướng, còn ở trong thật nghĩa một tướng cũng vô dụng. Nếu chấp trước một tướng tức lại là tai họa.

*Lại nữa, vì sai khác không có nên một tướng cũng không thể có được, vì là tướng đối đãi nhau. Chỉ đem tâm chấp trước, không chấp thủ một tướng nên nói, không có gì lỗi; song vì một tướng không thật nên Bồ Tát không được tức là Phật.

*Lại nữa, nay Phật lại đáp với Tu Bồ Đề và tự nói nhân duyên: Giác ngộ tuy là tướng tịch diệt, nhưng Bồ Tát có thể đầy đủ các công đức Ba la mật, trú trong tam muội kim cương, do một niệm tương ứng với tuệ mà được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, bấy giờ đối với hết thảy pháp được tự tại, được gọi là Phật. Bồ Tát tuy biết được đạo và giác ngộ chẳng khác nhau, nhưng chưa đầy đủ đông đức nên không gọi là Phật; và Phật đã đầy đủ hạnh nguyện, mọi việc đã rốt ráo nên không gọi là Bồ Tát. Người được là Phật, pháp được là giác ngộ, người cầu giác ngộ là Bồ Tát.

Tu Bồ Đề theo Phật nghe nói tướng giác ngộ, tướng đạo, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh rồi, nay hỏi Phật việc nghiêm tịnh cõi Phật. Các A la hán, Bích chi Phật không có năng lực biết việc nghiêm tịnh cõi Phật cho nên hỏi: Thế nào là cõi Phật thanh tịnh?

Phật đáp: Cõi Phật là trăm ức mặt trời mặt trăng, trăm ức núi Tu di, trăm ức trời Bốn thiên vương; ấy gọi là thế giới ba ngàn đại thiên. Vô lượng vô biên thế giới ba ngàn đại thiên như vậy gọi là một cõi Phật. Phật ở trong đó khi làm Phật sự, thường thường ngày ba thời đêm ba thời dùng Phật nhãn nhìn khắp chúng sinh xem ai có thể gieo trồng căn lành, ai căn lành đã thành thực nên làm cho tăng trưởng, ai căn lành đã thành thực nên đáng được độ. Thấy rồi dùng sức thần

thông theo chỗ thấy mà giáo hóa. Tâm chúng sinh giống ruồi theo cảnh bên ngoài: Nếu được việc hợp ý thời không sinh tâm sân não; nếu được nhân duyên bất tịnh, vô thường thời không sinh phiền não tham dục; nếu được nhân duyên pháp không, không có sở hữu thời không sinh phiền não ngu si. Thế nên Bồ Tát trang nghiêm cõi Phật là vì làm cho chúng sinh dễ độ: trong cõi nước không có thiếu thốn gì, vì tâm không có ngã thời không sinh xan tham, sân giận. Có cõi nước Phật, hết thấy cây cối thường phát ra pháp âm thật tướng là không sinh, không diệt, không khởi, không làm, Chúng sinh chỉ nghe diệu âm ấy, không nghe âm thanh khác, vì chúng sinh lợi căn nên liền ngộ được thật tướng các pháp. Như vậy, cõi Phật trang nghiêm gọi là cõi Phật thanh tịnh, như trong Kinh A di đà nói.

Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây tự thanh tịnh nghiệp thô nơi thân, miệng, ý, cũng dạy người khác thanh tịnh nghiệp thô nơi thân, miệng, ý.

Hỏi: Nếu Bồ Tát trang nghiêm cõi Phật là Bồ Tát được vô sinh pháp nhẫn, trú trong Thần thông Ba la mật vậy sau có thể trang nghiêm cõi Phật, nay có gì nói từ khi mới phát tâm lại đây làm thanh tịnh nghiệp thô nơi thân, miệng, ý là có thể trang nghiêm cõi Phật?

Đáp: Ba nghiệp thanh tịnh chẳng phải chỉ là trang nghiêm cõi Phật, mà hết thấy đạo Bồ Tát đều được thanh tịnh. Ở đây, trước hết làm thanh tịnh ba nghiệp vậy sau làm trang nghiêm cõi Phật: tự làm thanh tịnh thân mình, cũng làm thanh tịnh người khác, vì sao? Vì chẳng phải một người sinh ra ở trong cõi nước, mà đều do nhân duyên nhiều người hợp lại sinh ra.

Nhân duyên hợp lại của pháp trong, pháp ngoài hoặc thiện, hoặc bất thiện là vì nghiệp ác khẩu nhiều nên đất sinh ra gai góc; vì tâm dua nịnh quanh co nhiều nên đất sinh ra không bằng phẳng; vì xan tham nhiều nên nước không điều hòa, đất sinh cát sạn; vì không gây các ác trên nên đất được bằng phẳng, có nhiều trân bảo. Như lúc đức Phật Di lặc ra đời, mọi người đều tu mười thiện nên đất có nhiều trân bảo.

Hỏi: Nếu nhờ các thiện pháp bố thí... được quả báo cõi Phật thanh tịnh, có gì chỉ nói thanh tịnh ba nghiệp?

Đáp: Tuy biết các pháp thiện ác là nhân duyên của khổ vui; như trong hết thấy tâm tâm số pháp, khi được đạo thời tâm sở trí tuệ là lớn; trong khi nhiếp tâm thời tâm sở định là lớn; trong khi tạo nghiệp thời tâm sở tư là lớn; có nghiệp của tâm sở tư ấy rồi thời khởi lên nghiệp của thân và miệng. Tu bố thí, thiền định... lấy

tâm sở tư làm đầu; thí như may áo lấy kim dẫn đường; khi thọ quả báo đời sau thời sức của nghiệp là lớn; thế nên nói ba nghiệp thu nhiếp tất cả nghiệp. Hết thấy tâm số pháp đều thu nhiếp vào trong ý nghiệp; hết thấy sắc pháp đều thu nhiếp vào trong nghiệp của thân và miệng. Hành nghiệp của thân có ba thứ, mỗi khi phước đức đầy đủ thời cõi nước thanh tịnh. Bên trong thân thanh tịnh nên cảnh giới bên ngoài cũng thanh tịnh; thí như mặt sạch nên bóng trong gương cũng sạch, như trong kinh Tỳ ma la cật nói: vì không sát sinh nên được làm người sống lâu...

Hỏi: Nghiệp thô của thân, miệng, ý là việc dễ biết, cứ sao Tu Bồ Đề còn hỏi:

Đáp: Thô hay tế đều không nhất định; như đối với người cầu đạo, việc bố thí là điều kiện thô, còn đối với kẻ bạch y, việc bố thí là điều kiện tế; như đối với Tiểu thừa, nghiệp bất thiện là thô, nghiệp thiện là tế, còn đối với Đại thừa, từ chấp thủ tướng thiện pháp cho đến chấp thủ tướng Niết bàn đều là thô. Vì thô tế không nhất định nên hỏi. Phật thứ lớp nói tướng thô tế: từ việc cướp mạng sống cho đến tà kiến; ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng, ba nghiệp của ý đều là thô. Lại, phá sáu Ba la mật thời tâm xan tham... đều là thô.

Hỏi: Trước kia nói mười đạo bất thiện đã thu nhiếp xan tham... cứ gì lại còn nói riêng?

Đáp: Sáu pháp ấy không nhiếp vào trong mười đạo bất thiện. Mười đạo bất thiện đều là pháp bức não chúng sinh, còn sáu pháp ấy chỉ không bức não chúng sinh; như tâm xan tham chỉ tự mình tiếc của mà không bức não chúng sinh. Tâm tham có hai: 1. chỉ tham của người khác mà chưa bức não chúng sinh; 2. tâm tham càng mạnh, tìm cầu không được thời muốn bức não hại; ấy gọi là nghiệp đạo, vì hay khởi nghiệp; sân giận cũng như vậy. Sân giận ít không gọi là nghiệp đạo, vì nó có thể đưa đến ác xứ nên gọi là đạo; thế nên nói riêng sáu pháp, không có gì lỗi.

Hỏi: Trong sáu Ba la mật đã nói có giới, nay cứ gì lại nói giới bất tịnh?

Đáp: Phá giới là tội thô nặng, như sát sinh... còn giới bất tịnh là tội vi tế, không bức não chúng sinh; như uống rượu không nhiếp vào mười đạo bất thiện.

*Lại nữa, phá năm tụ giới gọi là phá giới; không phá giới được thọ. Thường vì ba độc che tâm, không nhớ nghĩ giới, hồi hướng đến phước báo sinh cõi trời mà tà kiến giữ giới; như vậy gọi là giới bất tịnh.

*Lại nữa, nếu tâm Bồ Tát xa lìa ba mươi bảy pháp trợ đạo, ba môn giải thoát, ấy gọi là nghiệp thô, vì sao? Vì trong đây tâm đều quán thật pháp, theo Niết bàn, không theo thế gian; nếu ra ngoài bốn niệm xứ... thời tâm tán loạn; thí như rắn bò, bản tính thường ưa quanh co, nếu vào trong ống tre thời phải đi thẳng, ra khỏi ống lại quanh co.

*Lại nữa, nếu Bồ Tát tham chứng quả Tu đà hoàn, ấy là nghiệp thô; như người nghe Phật nói quả Tu đà hoàn không đọa vào ba đường ác, sạch hết vô lượng khổ; như ao nước rộng 50 do tuần, ngoài ra chỉ như một giọt hai giọt thời sinh tâm tham. Vì tâm kia không bền chắc, vốn cầu làm Phật, vì chúng sinh mà nay vì tự thân lại muốn thủ chứng quả Tu đà hoàn; như thế là dối Phật, mang tội với chúng sinh. Thế nên tham chứng quả Tu đà hoàn gọi là thô; thí như người mời khách, muốn thiết đãi ăn uống mà rốt cuộc không cho gì thời mắc tội nói dối với khách. Bồ Tát cũng như vậy, từ khi mới phát tâm lại đây phát nguyện; ta sẽ làm Phật độ hết tất cả chúng sinh, mà lại tham quả vị Tu đà hoàn, như thế là mang tội với chúng sinh. Như tham chứng của Tu đà hoàn cho đến tham đạo Bích chi Phật cũng như vậy.

(Hết cuốn 92 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 93

Kinh: Tu Bồ Đề, Bồ Tát thủ tướng sắc, thọ, tướng, hành, thức; tướng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; tướng, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; tướng nam, tướng nữ; tướng cõi Dục, tướng cõi Sắc, tướng cõi Vô sắc, tướng phá thiện, tướng pháp bất thiện, tướng pháp hữu vi, tướng pháp vô vi; ấy gọi là nghiệp thô của Bồ Tát. Bồ Tát đều xa lìa nghiệp thô như vậy; tự mình bố thí, cũng dạy người bố thí; cần ăn cho ăn, cần áo cho áo, cho đến các vật cần dùng để nuôi sống. Dạy người mỗi mỗi bố thí như vậy, đem phước đức bố thí ấy chia sẻ cho chúng sinh cùng hồi hướng đến cõi nước Thanh tịnh của Phật; tự mình trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng như vậy. Bồ Tát hoặc đem châu báu đầy cõi nước ba ngàn đại thiên cúng dường Tam bảo, phát nguyện rằng: Nhờ thiện căn này mà khiến cõi nước tôi đều do bảy báu tạo thành. Lại nữa, lấy nhạc trời làm vui nơi Phật và pháp, phát nguyện rằng: Nhờ thiện căn này mà khiến trong cõi nước tôi thường nghe nhạc trời. Lại nữa, lấy hương trời đầy cõi nước ba ngàn đại thiên cúng dường Phật và Pháp, phát nguyện rằng: Nhờ thiện căn này mà khiến trong cõi nước tôi thường có hương thơm trời. Lại nữa, lấy thức ăn trăm vị cúng dường Phật và chúng Tăng, phát nguyện rằng: Nhờ thiện căn này mà khiến chúng sinh trong cõi nước tôi hưởng hương thơm trời nhỏ mịn.

*Lại nữa, lấy năm dục theo ý muốn mà cúng dường Phật và Tăng, cùng thí cho hết thầy chúng sinh, phát nguyện rằng: Nhờ thiện căn này mà khiến đệ tử và chúng sinh trong cõi nước tôi đều được năm dục theo ý muốn. Bồ Tát ấy đem năm dục theo ý muốn, cùng chia cho chúng sinh, hồi hướng đến cõi nước thanh tịnh của Phật, phát nguyện rằng: Khi tôi thành Phật, trong cõi nước tôi có năm dục như cõi trời ứng theo lòng ước nguyện mà đến.

*Lại nữa, phát nguyện rằng: Tôi sẽ tự mình vào thiên thứ nhất, cũng dạy chúng sinh vào thiên thứ nhất; vào thiên thứ hai, thứ ba, thứ tư; vào tâm từ, bi, hỷ, xả cho đến ba mươi bảy pháp trợ đạo cũng như vậy. Khi tôi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, làm cho hết thầy chúng sinh không xa lìa bốn thiên cho đến không xa lìa ba mươi bảy pháp trợ đạo. Như vậy, Bồ Tát có thể nghiêm tịnh cõi Phật. Bồ Tát tùy theo bấy nhiêu thời gian hành đạo Bồ Tát, đầy đủ các ước nguyện; Bồ Tát tự thành tựu hết thầy thiện pháp, cũng thành tựu thiện pháp cho chúng sinh. Bồ Tát thọ thân tướng đẹp đẽ, chúng sinh được giáo hóa cũng được thân tướng đẹp đẽ, vì sao? Vì phước đức sâu dày. Nay Tu Bồ Đề, nên như vậy nghiêm tịnh cõi Phật. Trong cõi nước ấy cho đến danh từ ba ác đạo cũng không có, cũng không có danh từ ba độc, tà kiến, nhị thừa, Thanh văn,

Bích chi Phật. Tai không nghe có âm thanh về vô thường, khổ, không, cũng không có sở hữu, cho đến không có danh từ kiết sử phiền não, cũng không có danh từ phân biệt các đạo quả; gió thổi cây bầy bấu theo chỗ đáng độ thoát mà tuôn ra âm thanh nói về thật tướng không, vô tướng, vô tác; có Phật hay không có Phật thời hết thầy pháp, hết thầy pháp tướng vẫn không, trong không, không có tướng, không có tướng thời không có tạo tác. Xuất ra pháp âm như vậy thời hoặc ngày hoặc đêm, hoặc ngồi hoặc nằm, hoặc đứng hoặc đi vẫn thường nghe pháp âm ấy. Bồ Tát khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chư Phật trong mười phương các cõi nước đều tán thán; chúng sinh nghe danh hiệu Phật ấy chắc chắn đạt đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát ấy khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác bèn thuyết pháp, chúng sinh nghe được không có ai không tin sinh nghi, mà không tin nói rằng là pháp, là phi pháp, vì sao? Vì trong thật tướng các pháp đều là pháp, không có phi pháp. Những người phước mỏng đối với Phật và các đệ tử không gieo trồng căn lành, không theo thiện tri thức, chìm trong ngã kiến cho đến chìm trong hết thầy kiến chấp, rơi vào biên kiến, hoặc chấp đoạn chấp thường... Những người như vậy vì tà kiến nên chẳng phải Phật nói là Phật, Phật nói là chẳng phải Phật; phi Pháp nói là Pháp, Pháp nói là phi Pháp. Người như vậy vì phá pháp nên khi thân hoại mạng chung đọa vào đường ác địa ngục; khi chư Phật được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thấy chúng sinh ấy qua lại trong năm đường dạy khiến xa lìa nhóm tà định, an lập trong nhóm chính định, lại không đọa vào đường ác. Như vậy, chúng sinh trong cõi nước Phật thanh tịnh của Bồ Tát không có tâm tạp uế: hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi; cho đến chúng sinh trong cõi nước ấy đều rất ráo ở trong Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Tu Bồ Đề, ấy là Bồ Tát nghiêm tịnh cõi Phật.

Luận: Lại có nghiệp thô là đối với các pháp rốt ráo không, lại thủ tướng mà sinh tâm chấp trước là thủ tướng sắc, thủ tướng thọ, tướng, hành, thức; thủ tướng mắt cho đến tướng ý; thủ tướng sắc cho đến tướng pháp; thủ tướng nam nữ, tướng ba cõi, tướng thiện, bất thiện, hữu vi vô vi.

Hỏi: Tướng nam nữ có thể là hư vọng không thật, còn các tướng sắc, tướng pháp thiện, pháp bất thiện, hoặc không thủ tướng thời làm sao có thể nhàm chán sắc để thành tựu pháp thiện?

Đáp: Trong Phật pháp có hai thứ không: Một là chúng sinh không, hai là pháp không. Chúng sinh không thời phá tướng chúng sinh, là tướng nam, tướng nữ... Lấy pháp không phá tướng hư vọng trong sắc pháp, như trong phẩm "phá hết thầy pháp không" đã nói. Quán sắc, thọ... các thiện pháp như huyễn như hóa,

không thủ tướng nhất định có thật, thời tâm nhằm chán, bỏ hí luận thường, vô thường; ấy không gọi là thủ tướng. Lại, sắc... và các pháp thiện đều hòa hợp tính không mà tu hành nên không sinh phiền não.

Hỏi: Hết thấy pháp hữu vi giả danh hòa hợp nên không nên thủ tướng, còn pháp vô vi là pháp chân thật, đó là như, pháp tính, thật tế, có sao không thủ?

Đáp: Vì không thủ tướng là pháp vô vi vô tướng, gọi là pháp môn vô vi; nếu thủ tướng thời là hữu vi. Như vậy, tất cả thủ tướng đều hư vọng, không thật.

Xa lìa nghiệp thô nơi thân, miệng, ý là Bồ Tát muốn hành đạo, nghiêm tịnh cõi Phật, xa lìa nghiệp thô nơi thân, miệng, ý như vậy, tự mình hành sáu Ba la mật, cũng dạy người khác hành, do nhân duyên cùng thanh tịnh nên cõi nước Phật được thanh tịnh. Trên là nói tướng chung, dưới là nói tướng riêng. Bồ Tát đem bảy báu đầy thế giới ba ngàn đại thiên cúng Phật và Tăng, phát nguyện rằng: Nhờ bố thí này mà khiến cho cõi nước tôi đều do bảy báu trang nghiêm.

Hỏi: Nếu châu báu đầy thế giới ba ngàn đại thiên, thời từ chỗ nào có được? Lại, chư Phật, hiền thánh đều ít muốn, biết đủ, ai là người thọ hưởng? Nếu người phàm không biết nhằm đủ thời làm sao có thể thọ hưởng vật trong ba ngàn thế giới?

Đáp: Thân Bồ Tát là thân do pháp tính sinh, đầy đủ thần thông Ba la mật. Vì cúng dường mười phương Phật nên đem châu báu đầy thế giới ba ngàn đại thiên để cúng dường. Lại, bảo vật ấy do sức thần thông làm ra, nhẹ nhàng, không chướng ngại; như cõi trời Biến tịnh trong thiên thứ ba, 60 người ngồi trên đầu một cây kim mà nghe pháp, không chướng ngại nhau, hưởng gì đại Bồ Tát vào sâu trong thần thông tạo ra vật báu. Hoặc có Bồ Tát biến hóa thân như núi Tu di, khắp trước mười phương Phật để làm tim đèn cúng dường Phật hoặc pháp Phật, phát nguyện rằng: Khiến cõi nước tôi thường có ánh sáng, không cần mặt trời, mặt trăng, đèn đuốc. Hoặc có Bồ Tát mưa các hương hoa, phan lọng, anh lạc để cúng dường, phát nguyện rằng: Khiến chúng sinh trong cõi nước tôi đẹp đẽ như hoa, thân tướng sạch sẽ không có xấu xí. Như vậy là nhân duyên của các sắc tướng đẹp.

Lại có Bồ Tát đem kỹ nhạc trời làm vui nơi Phật hoặc pháp Phật. Bồ Tát ấy hoặc có khi dùng sức thần thông làm ra âm nhạc trời, hoặc làm ra âm nhạc của vua trời, âm nhạc của Chuyển luân Thánh vương, hoặc làm ra âm nhạc của A tu la, của vua rồng để cúng dường, nguyện rằng: Trong nước tôi thường nghe âm thanh tốt đẹp.

Hỏi: Chư Phật, hiền thánh là người lìa dục, không cần âm thanh ca múa, có sao đem âm nhạc cúng dường?

Đáp: Chư Phật tuy đối với hết thầy pháp, tâm không dính mắc, đối với pháp thế gian không cần dùng gì, song chư Phật vì thương chúng sinh mà ra đời nên tùy theo người cúng dường mà khiến cho họ được phước theo ước nguyện. Như lấy hoa hương cúng dường, cũng không phải là vật mà Phật cần dùng, vì thân Phật thường có hương thơm vi diệu, chư thiên không thể sánh kịp; song vì lợi ích chúng sinh mà Phật thọ nhận. Bồ Tát vì muốn nghiêm tịnh cõi Phật nên cầu âm thanh tốt, muốn khiến chúng sinh trong cõi nước mình nghe âm thanh tốt nên tâm nhu nhuyễn, tâm nhu nhuyễn nên dễ có thể chịu sự giáo hóa; thế nên dùng âm thanh để cúng dường Phật.

Lại có Bồ Tát đem hương thơm đầy khắp thế giới ba ngàn đại thiên cúng dường chư Phật và pháp Phật: Hoặc hương rễ, hương cành, hương lá, hương bột; hoặc hương trời; hoặc hương do biến hóa làm ra, hoặc hương từ quả báo sinh, phát nguyện rằng: Khiến trong cõi nước tôi thường có hương thơm mà không có người làm ra.

Hoặc có Bồ Tát dùng thức ăn trăm vị cúng dường chư Phật và Tăng là, có người nói rằng, lấy trăm thứ canh cúng dường, gọi là trăm vị. Có người nói rằng, Một thứ bánh mà đến đủ số trăm nên vị nó có một trăm, gọi là trăm vị. Có người nói rằng, trăm thứ cỏ thuốc, trái thuốc làm thành hòn hoan hỷ, gọi là trăm vị. Có người nói rằng, thức ăn, uống, canh, bánh tổng hợp làm thành trăm vị. Có người nói rằng, thức uống ăn mỗi mỗi đầy đủ nên gọi là trăm vị. Thức uống ăn của người có trăm vị; thức uống ăn của trời thời có trăm ngàn vị.

Thức uống ăn của Bồ Tát do quả báo phước đức sinh là, do sức thần thông biến hóa thời có vô lượng vị, có thể chuyển đổi lòng người khiến lìa dục được thanh tịnh. Bốn thứ uống ăn ấy Bồ Tát tùy theo nhân duyên cúng dường Phật và Tăng nên trong cõi nước tự nhiên có thức uống ăn trăm vị.

Hoặc có Bồ Tát dùng hương xoa của trời là, vì ở Ấn Độ nóng; và vì thân có mùi hôi nên dùng hương xoa thân để cúng dường Phật và Tăng. Do nhân duyên ấy khiến chúng sinh trong cõi nước tôi được thứ hương trời nhỏ mịn.

Hỏi: Giới Sa di cho đến giới thọ trì trong một ngày đêm còn không cho dùng hương xoa thân, có sao đem hương cúng dường Phật và Tăng?

Đáp: Bồ Tát lấy vật mà thân cần thiết và quý giá tùy theo lúc cần dùng để cúng dường. Hoặc đem phết trên đất, trên vách và chỗ đi, ngồi. Lại lấy năm dục theo ý muốn cúng dường Phật, Tăng và các chúng sinh. Bồ Tát dùng xe ngựa tốt, vợ con, âm nhạc, phan lọng, vàng bạc, y phục, châu báu là những thứ người xuất gia không thọ dụng mà cấp thí cho chúng sinh, phát nguyện rằng: Khiến chúng sinh trong cõi nước tôi thường được năm dục theo ý muốn.

Hỏi: Năm dục ấy Phật ví nó như lửa, như hầm, như mụn nhọt, như ngục, như oán, như giặc, hay cướp căn lành của người, có sao Bồ Tát nguyện cho chúng sinh được năm dục? Lại, Phật nói đệ tử Phật nên mặc áo vá, xin ăn, ngồi dưới cây rừng, có sao Bồ Tát vì chúng sinh mà cầu được năm dục?

Đáp: Năm dục trong cõi trời, cõi người là quả báo của phước đức. Nếu đời nay hoặc đời sau người phước mỏng nghèo cùng không thể tự mình nuôi sống thì làm những việc trộm cắp; hoặc vì bị chủ tài sản bức hại, vì của cải mà giết kẻ khác; hoặc bị cật vấn, nói dối là không làm. Như vậy, lần lượt làm mười điều bất thiện đều do nghèo cùng; nếu người có năm dục đầy đủ thì theo ý muốn liền có được nên không làm mười điều bất thiện. Chúng sinh trong cõi nước của Bồ Tát giàu vui thỏa thích, không bị thiếu thốn thì không có các việc ác, chỉ có các kiết sử ái và mạn... nếu nghe Phật thuyết pháp, hoặc nghe đệ tử Phật thuyết, do có tâm nhu nhuyễn nên nghe pháp có thể dễ đắc đạo. Tuy có tâm chấp trước nhiều mà vì lợi căn nên nghe nói vô thường, khổ, không liền được đạo; thí như chiếc áo nhơ bẩn thì dùng tro, bùn để ngâm cách đêm, dùng nước giặt một lúc sạch hết. Bồ Tát không muốn khiến chúng sinh tham đắm nên lấy năm dục bố thí, chỉ muốn khiến trong một lúc xả bỏ nên đem cho. Như ông trước nói, Phật dạy đệ tử mặc áo vá khát thực, vì tội đời trước mà phải sinh ở đời ác nên tâm nhiễm trước nhiều; nếu được áo đẹp, thức ăn ngon thì tâm nhiễm trước càng sâu; lại vì cầu áo đẹp, thức ăn ngon nên trở ngại việc hành đạo. Chúng sinh trong cõi Phật thanh tịnh của Bồ Tát thành tựu vô lượng phước đức, năm dục bằng nhau nên không còn tham đắm, cũng không còn tìm cầu nên không có gì ngăn ngại.

Lại, nếu hành giả xa lìa năm dục, tu khổ hạnh thì tăng trưởng sân giận. Lại, nếu nhớ nghĩ năm dục thì sinh phiền não, bấy giờ không hướng về đâu; do vậy mà Phật nói xả khổ, xả vui, dùng trí tuệ ở vào trung đạo. Thế nên ở cõi Phật nghiêm tịnh mà đem năm dục bố thí không có gì chướng ngại.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong Luật có gì Tỳ kheo A lê tra nói: "theo tôi biết nghĩa Phật dạy: hưởng thọ năm dục không chướng đạo". Tỳ kheo ấy bị quở trách, đến ba lần không bỏ, nên bị tấn xuất?

Đáp: Phật pháp có hai là Tiểu thừa và Đại thừa. Trong Tiểu thừa, người phước mỏng ba độc nhiều; như trong kinh Bà sa Phật dạy: "Hàng đệ tử bạch y của ta chẳng phải một, hai cho đến quá năm trăm người lấy hương Chiên đàn đỏ và hương của hoa thơm xoa thân, nằm chung với vợ con, sai nô tì ... mà dứt ba kiết sử, được quả Tu đà hoàn, hết khổ ba đời, ba độc mỏng, được quả Tư đà hàm". Tỳ kheo A lê tra ấy nghe vậy liền nói: "Mặc dù hưởng thọ năm dục mà không chướng đạo", chứ không biết việc ấy Phật vì ai mà nói. Phật chỉ vì hàng bạch y mà nói, còn Tỳ kheo này lại đối với pháp xuất gia mà nói. Các vị Tu đà hoàn, Tư đà hàm ấy không có phát nguyện rằng: Ta suốt đời không phạm dâm dục, vì còn có ba độc nên thường hay quên đạo mà khởi tâm dâm dục; còn người xuất gia ở giữa chúng Tăng miệng tự thề rằng: Ta suốt đời không phạm dâm dục. Vì thế nên Phật dạy, nếu người xuất gia phạm vào dâm dục thì bỏ. Tỳ kheo A lê tra tự thề suốt đời không phạm mà phạm, đó là một tội; biết Phật chế mà cố trái phạm, đó là hai tội. Tỳ kheo ấy vì thọ năm dục, thấy kẻ bạch y đắc đạo mà cho mình với họ đồng nhau, thế nên mắc tội.

Có hai hạng chúng sinh trong cõi Phật nghiêm tịnh: Hoặc xuất gia, hoặc tại gia. Tại gia tuy hưởng thọ năm dục mà không có tội, cũng không chướng ngại đạo; như trời Đâu suất, như người ở châu Uất đôn việt, tuy thọ năm dục mà không gây tội nặng, còn hạng chúng sinh xuất gia theo Phật cho phép thọ năm dục cũng không có tội lỗi (đây là nói ở cõi thanh tịnh, chứ không phải ở đời ác năm trược). Trong pháp Tiểu thừa, vì Tỳ kheo A lê tra nói người phước mỏng tội nặng, tâm có nhiều hối hận.

Nghiêm tịnh cõi Phật là đời đời tập hành sáu Ba la mật, ba môn giải thoát, tuy thọ năm dục cũng không nhiễm trược, như trong kinh nói: Bồ Tát hành Bát nhã nghĩ rằng: Ta sẽ tự mình vào thiên thứ nhất, cũng dạy chúng sinh vào thiên thứ nhất, cho đến vào thiên thứ tư, bốn tâm vô lượng, ba mươi bảy pháp trợ đạo cũng như vậy. Bồ Tát nguyện rằng: Khi ta làm Phật, do hành đủ bốn thiên cho đến ba mươi bảy pháp trợ đạo; vì phước đức như vậy nên chúng sinh tuy thọ năm dục không làm chướng ngại. Bồ Tát phát ra vô lượng vô số nguyện, theo bấy nhiêu thời gian hành đạo mà đầy đủ các nghiệp thiện. Bồ Tát thành tựu hết thấy pháp thiện và thành tựu được chúng sinh. Vì thành tựu hết thấy thiện pháp nên thân tướng đẹp đẽ, mọi người trông thấy không nhàm chán; cũng thành tựu

chúng sinh, khiến được thân tướng đẹp đẽ. Bồ Tát nghiêm tịnh cõi Phật như vậy.

*Lại nữa, nghiêm tịnh cõi Phật là cho đến ở đó không có danh từ ba ác, huống gì có ba đường ác.

Hỏi: Chư Phật vì lòng thương xót lớn thấy chúng sinh khổ não nên ra đời, nếu không có ba đường ác thời Phật thương xót gì?

Đáp: Phật ra đời vì độ chúng sinh, mà chúng sinh trong ba đường ác không thể độ, chỉ có thể dạy khiến trồng căn lành mà thôi. Thế nên Phật có danh hiệu là bậc thầy của trời và người. Nếu không có trời và người, chỉ có ba đường ác thời có thể nên nạn, nên hỏi.

Hỏi: Nói Phật thương xót chúng sinh, cơ sao trong cõi Thanh tịnh của Phật không có chúng sinh trong ba đường ác?

Đáp: Phật thương xót hết thấy chúng sinh bình đẳng không sai khác. Nhưng trong đây nói, vì nghiệp duyên thanh tịnh nên trong cõi nước ấy không có ba đường ác.

Lại, Phật chẳng phải chỉ nói một cõi nước, mà nói có số cõi nước trong mười phương nhiều như cát sông Hằng. Có cõi nước thanh tịnh, có cõi nước tạp uế. Ở cõi nước tạp uế thời có đủ năm đường; ở cõi nước thanh tịnh của Phật thời hoặc có người, có trời sai khác, hoặc không có người, trời sai khác. Như về quá khứ ở cõi Phật Thiên vương, chỉ có đức Phật Thế Tôn là bậc Pháp vương, vì thế mà gọi là Phật Thiên vương. Lại có cõi nước không có ba đạo tà kiến.

Hỏi: Chư Phật chỉ vì trừ phiền não cho chúng sinh nên ra đời; tà kiến, ba đạo tức là phiền não, nếu không có phiền não thời Phật ra đời làm gì?

Đáp: Có người nói rằng, trong cõi ấy vì nhân duyên phước đức lớn mà ba đạo tà kiến không hiện bày, nên nói là không có. Lại có người nói rằng, trong cõi ấy các Bồ Tát đều được vô sinh pháp nhẫn, thường tu các công đức sáu Ba la mật, thường dạo qua mười phương độ thoát chúng sinh, ở chỗ chư Phật tu tập các tam muội còn hơn giáo hóa vô số Thanh văn, Bích chi Phật, cũng hơn giáo hóa Bồ Tát bất thoái chuyển, thành tựu chúng sinh.

Cõi Phật thanh tịnh của Bồ Tát là vì Bồ Tát gần Phật đạo nên lợi ích cáng lớn, ở cõi nước ấy không có danh từ Nhị thừa.

Hỏi: Các đức Phật khác có giáo hóa ba thừa, đâu riêng ở cõi Ta bà?

Đáp: Phật xuất hiện ở đời ác năm trước, từ trong một đạo mà chia làm ba thừa.

Hỏi: Nếu như vậy, Phật A di đà, Phật A súc không sinh ở đời ác năm trước, có sao lại có ba thừa?

Đáp: Chư Phật khi xưa mới phát tâm, thấy chư Phật dùng pháp ba thừa độ chúng sinh nên tự phát nguyện rằng: Ta cũng sẽ dùng pháp ba thừa độ chúng sinh.

Không có danh từ vô thường, khổ, vô ngã là vì chúng sinh đã vào sâu điên đảo chấp trước thường, lạc... nên vì họ nói vô thường, khổ...; để giải cứu, còn trong cõi ấy không có điên đảo chấp thường, chấp lạc nên không cần nói vô thường, khổ... vì nếu không có bệnh thì không cần thuốc. Cũng không có ngã sở hữu cho đến không có kiết sử cũng như vậy. Vì không có nhị thừa nên cũng không có các quả Tu đà hoàn..., chỉ một mặt vào thật tướng các pháp.

Được vô sinh pháp nhãn là được các tam muội, các môn Đà la ni, dần dần tăng ích không dứt các địa vị.

Gió thổi cây bầy bấu theo chỗ đáng độ mà phát ra âm thanh là Bồ Tát muốn chúng sinh dễ nghe pháp nên cây bầy bấu phát ra tiếng pháp âm, vì cây bầy bấu cùng khắp cõi nước nên chúng sinh sinh ra đều nghe pháp, không khởi các tâm khác, chỉ sinh tâm nghe pháp.

Hỏi: Phật có vô lượng bất khả tư nghĩ lực thần thông, có gì không biến hóa làm vô lượng thân thuyết pháp độ chúng sinh, cần gì đến âm thanh, cây bầy bấu?

Đáp: Chúng sinh rất nhiều, nếu Phật nơi nơi đều hiện thân thời chúng sinh không tin, cho đó là huyền hóa, tâm không kính trọng. Có chúng sinh theo người nghe pháp tâm không khai ngộ, nếu theo súc sinh nghe pháp thì liền tin chịu. Như trong kinh Bồ đề nói: Bồ Tát thọ thân súc sinh vì người thuyết pháp, người cho là hy hữu nên ai nấy đều tin chịu. Lại bảo tâm súc sinh ngay thẳng, không dối. Có người bảo súc sinh là loài hữu tình, đều có dối trá, còn cây bầy bấu vô tâm mà có âm thanh thời đều tin chịu. Không, Vô tướng, Vô tác dù có Phật hay không có Phật, hết thấy pháp thường không, vì không nên vô tướng, vì vô tướng nên vô tác, vô khởi. Các pháp như vậy đêm ngày thường phát ra. Ở các quốc độ khác thời dùng sức thần thông, sức miệng mỗi mỗi biến hóa, còn trong đây thường phát ra âm thanh tự nhiên. Ở cõi Phật nghiêm tịnh, Phật thường được chư Phật tán thán, vì tạo công đức lớn nên được cõi nước thanh

tịnh như vậy; nếu nghe tên đức Phật ở cõi nước thanh tịnh thời chắc chắn được làm Phật.

Hỏi: Các đức Phật khác siêng năng, khổ nhọc thuyết pháp, chúng sinh còn không đắc đạo, còn đây vì sao chỉ nghe danh hiệu Phật bèn đắc đạo?

Đáp: Các nơi khác đức Phật thuyết pháp, chúng sinh hoặc được căn lành trọn không thuyết về tính không, nếu nghe danh hiệu Phật ấy chắc chắn đến địa vị bất thoái chuyển chứ không nói được thành Phật ngay.

Hỏi: Đối hết thầy đức Phật, nếu người có tâm tốt nghe danh hiệu đều sẽ đi đến Phật, như trong kinh Pháp hoa nói: Người có phước đức hoặc lớn hoặc nhỏ đều sẽ làm Phật, có gì trong đây riêng nói Phật ở cõi nước thanh tịnh.

Đáp: Người nghe danh hiệu các đức Phật khác cho rằng Phật thọ sinh giống như người không khác, chỉ có được đạo Nhất thiết trí là khác; vì tâm không kính trọng nên tuy gieo trồng căn lành cũng không thể sâu bền. Trong đây là nói về thân do pháp tính sinh. Thân Phật vô lượng vô biên, ánh sáng và âm thanh thuyết pháp biến khắp mười phương các cõi nước. Chúng sinh trong cõi nước ấy đều là những người gần đến Phật đạo, đối với chúng ở trong vô lượng vô số do tuần thuyết pháp hơn. Vô lượng vô số ánh sáng như mặt trời mặt trăng thường từ thân phát ra, nếu Phật cho chúng sinh thấy thời được thấy, nếu không cho thấy thời không thấy. Bên trên thân Phật, mỗi lỗ chân lông thường phóng ra vô lượng vô biên vô số Phật, mỗi mỗi đức Phật không khác nhau, nơi mỗi vị hóa Phật ấy lại triển chuyển phóng ra, tùy theo chúng sinh đáng được độ mà cho thấy Phật có hơn có kém, còn căn gốc của vị Phật thật thời không có phân biệt hơn kém. Như thế, hoặc thấy hoặc nghe danh hiệu, hoặc nghe công đức như vậy mà có lòng tin và kính trọng sâu xa; kính trọng nên gieo trồng căn lành, thời làm sao không chắc chắn được thành Phật?

*Lại nữa, khi Phật thuyết pháp không có người nghi, cho đến không có một người nói rằng pháp ấy chẳng phải miệng Phật nói ra, mà đều là pháp do Phật nói.

Hỏi: Nếu như vậy thời vì sao người theo Phật Thích ca nghe pháp sinh nghi nhiều?

Đáp: Trong kinh đây Phật tự nói nhân duyên: Có người phước mỏng, không gieo trồng căn lành, không gặp được thiện tri thức nên sinh nghi; chấp đắm ngã kiến, biên kiến, tà kiến, các phiền não che lấp tâm thời chẳng phải Phật nói là

Phật, Phật nói là chẳng phải Phật. Không gieo trồng căn lành sâu bền, không thuận theo thiện hữu tri thức, ba độc tà kiến một lần khởi lên, không có chỗ nương tựa, tự ý buông lung thời hoặc thấy việc tà kiến thuận với ý mình bèn cho đó là cái thấy của Nhất thiết trí; chư Phật nói rõ ràng không, không thuận với ý mình thời bèn cho đó là chẳng phải Phật; chẳng phải pháp nói là pháp, pháp nói là chẳng phải pháp. Người như vậy ở nơi chỗ Phật sinh nghi nhiều, vì sinh nghi nhiều nên tâm hối hận; trong cõi nước thanh tịnh của Phật không có hạng tội nhân ấy nên không sinh nghi. Phật nói hạng người có tội như vậy vì phá thật tướng các pháp nên chết đọa vào đường ác địa ngục. Các Bồ Tát được Vô thượng chánh đẳng chánh giác thấy người tội qua lại trong sinh tử thời dùng sức thần thông của Phật mà kéo chúng sinh ra khỏi, đặt vào trong nhóm chánh định, không còn bị đọa vào trong ba đường ác; ấy gọi là nghiêm tịnh cõi Phật. Trong cõi Phật ấy không có các lỗi như vậy, đầy đủ hết thảy; đối với thế gian, xuất thế gian, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi không có chướng ngại; đó là cõi nước bảy báu. Thân chúng sinh đẹp đẽ, tướng tốt trang nghiêm, có vô lượng ánh sáng, thường nghe âm thanh giáo pháp, thường không xa lìa sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung; chúng sinh trong ấy đều chắc chắn đạt đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Hỏi: Ở trên nói nghe danh hiệu Phật chắc chắn đạt đến quả Phật, nơi đây nói đối với các pháp không có chướng ngại thời chắc chắn được thành Phật, có gì sai khác?

Đáp: Chúng sinh ở đây thường thấy Phật, thường nghe pháp, gieo trồng căn lành sâu bền, chứa nhóm Phật pháp nhiều nên mau được làm Phật.

Nghe danh hiệu là tuy chắc chắn mà công đức ít không bằng. Như vậy gọi là tướng cõi nước thanh tịnh của Phật; như ở trong mười địa nói trang nghiêm cây Bồ đề.

Giải thích: Phẩm Chắc Chắn Thứ 83

(Kinh Đại Bát Nhã hội 2 ghi: Phẩm Chánh Định thứ 81)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát ấy chắc chắn hay là không chắc chắn?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát ấy chắc chắn, chẳng phải không chắc chắn.

Bạch đức Thế Tôn, ở chỗ nào chắc chắn? Ở trong đạo Thanh văn, ở trong đạo Bích chi Phật hay ở trong Phật đạo?

Phật dạy: Bồ Tát ấy chẳng phải ở trong đạo Thanh văn, đạo Bích chi Phật chắc chắn, mà ở trong Phật đạo chắc chắn.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, đó là Bồ Tát mới phát tâm chắc chắn ư? Hay là Bồ Tát thân sau cùng chắc chắn?

Phật dạy: Bồ Tát mới phát tâm cũng chắc chắn, Bồ Tát không thoái chuyển cũng chắc chắn, Bồ Tát thân sau cùng cũng chắc chắn.

Bạch Thế Tôn, Bồ Tát chắc chắn sinh trong ác đạo chăng?

Phật dạy: Không. Nay Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, hoặc hàng Bát nhân, hoặc hàng Tu đà hoàn, Tu đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật sinh trong ác đạo chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Phật dạy: Như vậy, Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ dứt tất cả nghiệp bất thiện, mà hoặc bị đọa ác đạo, hoặc sinh cõi trời sống lâu, hoặc không được ở chỗ tu thiện pháp, hoặc sinh nơi biên địa, hoặc sinh vào nhà tà kiến ác, nhà tà kiến không làm, là các nơi không có danh từ Phật, danh từ Pháp và danh từ Tăng, là không có lẽ ấy. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát mới phát tâm đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà lại đem tâm sâu xa hành mười đạo bất thiện, là không có lẽ ấy.

Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát thành tựu các công đức căn lành như vậy, như Phật tự nói: Nếu đời trước thọ quả báo bất thiện thời khi ấy thiện căn ở chỗ nào?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát vì lợi ích chúng sinh nên tùy chỗ thọ thân, đem thân ấy làm lợi ích chúng sinh. Khi Bồ Tát làm súc sinh có sức phương tiện lớn, nếu giặc oán muốn đến giết hại, vì tâm nhẫn nhục không gì cao hơn, tâm từ bi không có gì cao hơn nên Bồ Tát xả thân mà không não hại giặc oán, còn hàng Thanh văn, Bích chi Phật không có sức như vậy. Vì thế nên biết Bồ Tát muốn đầy đủ tâm từ bi lớn, vì thương xót mà làm lợi ích chúng sinh nên thọ thân súc sinh.

Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát trú ở trong căn lành nào mà thọ các thân như vậy?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, trong khoảng thời gian ấy không có căn lành nào không đầy đủ, đầy đủ rồi sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì thế nên Bồ Tát khi mới phát tâm hãy nên học hết thầy căn lành; học căn lành rồi sẽ được trí Nhất thiết chủng, sẽ dứt hết thầy phiền não và tập khí.

Bạch đức Thế Tôn, tại sao Bồ Tát thành tựu pháp vô lậu trắng sạch như vậy mà lại sinh trong các đường ác súc sinh?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao, Phật thành tựu pháp vô lậu trắng sạch chẳng?

Nếu Phật tự biến làm thân súc sinh để làm Phật sự, độ chúng sinh, thời đó thật là súc sinh chẳng?

Tu Bồ Đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn.

Phật dạy: Bồ Tát cũng như vậy, thành tựu pháp vô lậu trắng sạch; vì độ chúng sinh nên thọ thân súc sinh, cũng dùng thân ấy giáo hóa chúng sinh.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như A la hán thân làm biến hóa có thể khiến chúng sinh hoan hỷ chẳng?

Tu Bồ Đề thưa: Có thể.

Phật dạy: Như vậy, như vậy. Bồ Tát dùng pháp vô lậu trắng sạch ấy, tùy theo chúng sinh đáng được độ mà thọ thân; dùng thân ấy làm lợi ích chúng sinh, cũng không chịu sự thống khổ. Nay Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Vị thầy huyền thuật huyền làm các hình dạng: Hoặc voi ngựa, trâu dê, nam nữ để chỉ cho mọi người thấy, mà voi ngựa, trâu dê, nam nữ ấy có thật chẳng?

Tu Bồ Đề thưa: Không thật, bạch Thế Tôn.

Phật dạy: Như vậy, Bồ Tát thành tựu pháp vô lậu trắng sạch, hiện ra mỗi mỗi thân để chỉ bày cho chúng sinh; dùng thân ấy làm lợi ích tất cả, cũng không chịu các thống khổ.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát có sức phương tiện lớn, được trí tuệ vô lậu bậc thánh, tùy theo thân chúng sinh đáng được độ mà hiện mỗi mỗi thân hình để độ chúng sinh.

Luận. Hỏi: Trong phẩm Tướng Thoái Chuyển ở trên nói: Tướng như vậy là tướng mạo chẳng thoái chuyển, tướng như vậy là tướng mạo chẳng phải chẳng thoái chuyển. Chẳng thoái chuyển tức là chắc chắn, nay có sao Tu Bồ Đề lại hỏi?

Đáp: Bát nhã ba la mật có nhiều môn, có nhiều đạo. Chẳng thoái chuyển là nói về môn một tướng, nay hỏi chắc chắn là hỏi về môn hai tướng.

*Lại nữa, ở trong tâm Phật, hết thấy chúng sinh và hết thấy pháp đều chắc chắn, vì trí người không sánh kịp nên nói là không chắc chắn. Phật tuy biết vô lượng vô số kiếp chứa nhóm công đức lớn, chắc chắn thoái chuyển làm hàng Tiểu thừa, cũng biết cơn trùng vi tế, tuy chưa có tâm từ nhưng trải qua bấy nhiêu kiếp phát tâm sau sẽ được làm Phật. Chắc chắn biết hết thấy pháp đều như vậy, từ nhân ấy được quả ấy. Thế nên nói Phật đối với hết thấy pháp không còn chướng ngại, vì Phật biết chắc chắn.

*Lại nữa, vì Tu Bồ Đề nghe trong kinh Pháp Hoa nói ở chỗ Phật làm chút ít công đức: Hoặc giỡn cười mà xưng một tiếng Nam mô Phật, dần dần chắc chắn sẽ làm Phật. Lại vì nghe trong phẩm Chẳng thoái chuyển nói, có thoái chuyển và không thoát chuyển. Lại vì nghe nói hàng Thanh văn đều sẽ làm Phật; nếu như vậy thì không nên có thoái chuyển? Như trong kinh Pháp hoa nói chắc chắn, còn các kinh khác nói không chắc chắn, hoặc có thoái chuyển, hoặc không có thoái chuyển; thế nên nay hỏi là chắc chắn hay không chắc chắn. Như vậy, do các nhân duyên ấy nên hỏi chắc chắn hay không chắc chắn.

Phật dạy: Bồ Tát là chắc chắn.

Tâm Tu Bồ Đề vì cầu vào Niết bàn là chắc chắn, thế nên hỏi: Ở trong đạo nào chắc chắn?

Phật dạy: Chẳng phải chắc chắn trong Nhị thừa, chỉ chắc chắn trong Đại thừa.

Vì người cầu Phật đạo có cao, vừa, thấp, thế nên hỏi: Hoặc Bồ Tát mới phát tâm chắc chắn hay Bồ Tát không thoái chuyển chắc chắn, hay Bồ Tát thân sau cùng chắc chắn? Ý của Tu Bồ Đề là từ địa vị chẳng thoái chuyển trở lên chắc chắn an lập trong Phật đạo chăng?

Phật đáp: Ba hạng Bồ Tát nói trên đều chắc chắn. chắc chắn là chắc chắn sẽ làm Phật.

Hỏi: Phật dùng mắt Phật thấy Bồ Tát trong mười phương, người cầu Phật đạo nhiều như cát sông Hằng, người chẳng thoái chuyển hoặc một hoặc hai, nay có gì nói ba hạng Bồ Tát trên đều chắc chắn thành Phật?

Đáp: Trước tôi đã nói: Bát nhã sâu xa có vô lượng môn. Có nơi nói Bồ Tát thoái chuyển mà không chắc chắn, có nơi nói Bồ Tát chắc chắn không thoái chuyển. Như trong phẩm Chẳng thoái chuyển, Tu Bồ Đề hỏi Phật: Bồ Tát thoái chuyển là thoái chuyển ở trong pháp nào? Là từ sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung, vì rốt ráo không, nên các pháp đều không thoái chuyển. Trong đây Phật lại nói không thoái chuyển.

Hỏi: Hai nghĩa ấy, nghĩa nào thật?

Đáp: Hai việc đều thật, từ miệng Phật nói ra đều là thật. Như Phật hoặc nói các pháp không, không có sở hữu: Hoặc nói bố thí, trì giới ... là hữu vi. Đối người mới phát tâm thời nói các pháp hữu vi, với người học đạo lâu ưa đắm thiện pháp thời nói các pháp không, không có sở hữu, còn người giải đãi đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác tâm không bền chắc, những người như vậy nên theo Thanh văn đạo được độ mà không cầu Thanh văn, phải ở trong sinh tử lâu chịu khổ. Thế nên nói người phát tâm nhiều như cát sông Hằng mà người được chẳng thoái chuyển thời hoặc một hoặc hai. Chúng sinh nghe việc ấy rồi có thể kham chịu mọi khổ, chắc chắn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác; nếu không thể kham chịu thời thủ chứng đạo Thanh Văn, Bích chi Phật. Có người có thể được làm Phật mà vì tâm đại bi mỏng, tự ưa thân mình nặng, người ấy nghe việc làm Phật khó được thời phần nhiều thoái chuyển, nghĩ rằng: Ta không thể được làm Phật, chẳng bằng sớm thủ chứng Niết bàn, cần gì phải đời siêng khổ! Phật vì hạng người ấy nên nói hết thầy Bồ Tát cho đến Bồ Tát mới phát tâm, đều chắc chắn sẽ làm Phật, như trong kinh Pháp Hoa nói.

Hỏi: Nếu hết thầy Bồ Tát đều chắc chắn, có gì Phật mỗi mỗi quở trách hàng nhị thừa mà không cho Bồ Tát thủ chứng nhị thừa?

Đáp: Người cầu Phật đạo nên biết khắp pháp tính, song người ấy vì sợ già bệnh chết nên ở trong pháp tính thủ chứng phần ít, bèn ngưng nghỉ, bỏ Phật đạo, không độ chúng sinh, bị chửi Phật, Bồ Tát quở trách rằng, ông muốn bỏ đi, hội hợp không được xa lìa. Khi được chúng A la hán thời không còn cầu tam muội sâu xa của Bồ Tát, lại không rộng độ chúng sinh, thời bị quanh co, đối với Phật đạo thời trở ngại.

Hỏi: A la hán do nhân duyên đời trước được thọ thân, chắc chắn phải diệt, vậy ở chỗ nào mà đầy đủ Phật đạo?

Đáp: Khi được thành A la hán, nhân duyên các lậu hoặc ba cõi dứt hết, không còn trở lại sinh trong ba cõi. Có cõi nước thanh tịnh của Phật ra ngoài ba cõi, không có danh từ phiền não, ở chỗ Phật nơi cõi nước ấy nghe kinh Pháp Hoa thời đầy đủ Phật đạo. Như kinh Pháp Hoa nói: Có A la hán hoặc không nghe kinh Pháp Hoa mà tự mình được diệt độ; tôi ở nước khác vì họ nói việc ấy rằng: Ông đều sẽ làm Phật.

Hỏi: Nếu A la hán đi đến cõi nước thanh tịnh của Phật thọ thân pháp tính, như vậy nên chóng được làm Phật, có sao nói quanh co, trở ngại?

Đáp: Người ấy vì nhân duyên tham đắm Tiểu thừa mà bỏ chúng sinh, bỏ Phật đạo, lại dối nói được đạo. Vì nhân duyên ấy nên tuy không thọ khổ não sinh tử, mà vẫn ở địa vị Bồ Tát độn căn, không thể chóng thành Phật đạo, không như vị Bồ Tát tu hành đi thẳng.

*Lại nữa, Phật pháp là điều thứ nhất trong năm điều không thể nghĩ bàn. Nay nói vị A la hán lậu hoặc sạch hết, trở lại làm Phật, điều đó chỉ có Phật biết được. Người luận nghị chính có thể luận việc ấy mà không thể lường biết, thế nên không nên hí luận. Nếu khi cầu được làm Phật thời mới có thể hiểu rõ, còn những người khác có thể tin mà chưa thể biết.

Chắc chắn Bồ Tát đọa trong ba đường ác chẳng là Tu Bồ Đề khi nghe Phật nói vô lượng nhân duyên đời trước: Hoặc thọ thân voi, nai, rùa, bò cạp, công, oanh vũ chịu các khổ, thế nên hỏi Phật: Nếu Bồ Tát chịu làm thân súc sinh như vậy thời vì sao nói hết thảy Bồ Tát chắc chắn? Chắc chắn tức là chẳng thoái chuyển, chẳng thoái chuyển là không đọa trong ba đường ác.

Phật hỏi ngược lại Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao, các bậc thánh trong hàng Bát nhân... đọa vào ba đường ác chẳng?

Tu Bồ Đề suy nghĩ: Các thánh nhân ấy đã vào thánh đạo nên không có nhân duyên đọa vào ba đường ác. Suy nghĩ rồi đáp rằng: Thừa không.

Phật dạy: Bồ Tát cũng như vậy, nhân duyên đọa vào ba đường ác đã hết thời làm sao Bồ Tát đọa vào ba đường ác? Nhân duyên đọa vào ba đường ác là các pháp bất thiện. Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây tu tập các pháp thiện bố thí, trì giới... dứt mười pháp bất thiện là giết hại, trộm cắp... thời nếu người ấy còn đọa vào ba đường ác là không có lẽ ấy, vì sao? Vì đã dứt hết pháp ác, tăng ích

pháp lành. Pháp bất thiện có nặng, vừa và nhẹ. Nặng thời đọa địa ngục, vừa thời đọa súc sinh, nhẹ thời đọa ngã quỷ. Ba độc bất thiện ấy Bồ Tát đã dứt hết, tâm thương xót sâu xa nghĩ đến chúng sinh, thế nên không đọa.

Hỏi: Nếu như thế thời có thể không sinh trong ba đường ác. Vậy là phước đức của Bồ Tát ấy nhiều, cơ sao không sinh trong cõi trời sống lâu?

Đáp: Bồ Tát vì thương xót chúng sinh mà hành sáu Ba la mật, tuy có thể vào thiên đĩnh, hòa hợp với tâm từ bi tu hành, song không đắm thiên vị, nên khi mạng sắp hết, nghĩ đến cõi Dục nên thoái mất thiên đạo, vì trong cõi trời sống lâu không có khổ não, đắm sâu thiên vị thời khó có thể được độ, nên không sinh vào trong ấy.

Sinh ở biên địa thời bị chướng ngại, không thể tu pháp thiện nên không sinh đến đó, vì sao? Vì Bồ Tát đã nhổ sạch cội gốc tâm lẩn tiếc giáo pháp; vì lẩn tiếc giáo pháp nên mới sinh ở biên địa, là chỗ không biết pháp.

*Lại nữa, Bồ Tát thường ưa trung đạo, lìa bỏ hai bên nên không sinh chốn biên địa. Chốn biên địa không có danh từ Tam bảo, không biết đến bảy chúng, chỉ quý việc hiện tại, không quý phước đức đạo pháp, thế nên gọi là chốn biên địa, chứ không riêng chỉ sinh chốn biên địa thời gọi là chốn biên địa. Nếu biết Tam bảo, biết nhân duyên tội phước tương tục, biết thật tướng các pháp thời người ấy dù sinh bên ngoài cõi Diêm phù đề cũng không gọi là chốn biên địa, huống gì sinh giữa cõi Diêm phù đề.

Do Bồ Tát thường ưa thích vì chúng sinh thuyết pháp, cũng rất ưa thích thiện pháp, cho nên gặp được chúng sinh hiền lành, vừa ý cùng sinh một nơi, gọi là trung tâm của cõi nước; ở trung tâm cõi nước lại không sinh vào nhà tà kiến, vì sao? Vì Bồ Tát ấy đời đời thường tự mình hành chánh kiến, cũng dạy người hành chánh kiến, tán thán pháp chánh kiến, hoan hỷ tán thán người hành chánh kiến; thế nên không sinh vào nhà ác tà kiến.

Hỏi: Bồ Tát ấy có sức phước đức và trí tuệ lớn thời nên sinh vào chốn biên địa, nhà tà kiến để giáo người khác, cơ sao lại sợ mà không sinh?

Đáp: Bồ Tát có hai hạng: 1. Bồ Tát đã thành tựu đại nguyện; 2. Bồ Tát mới có nhân duyên phát tâm. Bồ Tát đã thành tựu đại nguyện có sức lớn nên tùy theo nơi chúng sinh có thể độ mà thọ thân, không tránh chốn biên địa, nhà tà kiến, còn Bồ Tát mới phát tâm nếu sinh vào các nơi ấy thời đã không thể độ người lại

còn tự hủy hoại mình, thế nên không sinh. Thí như vàng thật ở trong bùn trộn không bị hủy hoại, mà đồng thiết thời bị hủy hoại.

Tà kiến là tà kiến không làm. Tuy 62 thứ đều là tà kiến nhưng tà kiến không làm là nặng nhất, vì sao? Vì không làm là nói rằng, không nên làm công đức hay cầu Niết bàn. Như nói trời làm hoặc nói thế giới có đầu, tuy là tà kiến mà không chướng ngại làm việc phước đức, còn tà kiến không làm rất ác, nên không sinh nơi đó.

*Lại nữa, Bồ Tát mới phát tâm mà có tâm nhiễm ác hành đạo bất thiện thời không có lẽ ấy, vì sao? Vì Bồ Tát ấy nhất tâm hồi hướng, quý trọng Vô thượng chánh đẳng chánh giác chứ không quý trọng pháp thế gian. Bồ Tát ấy do chưa lìa dục nên tuy khởi lên các phiền não mà trộn không có tâm ô nhiễm làm việc ác, tuy có dùng roi gậy gây khổ mà trộn không cướp mạng sống, không lấy của người khác làm họ mất mạng. Bồ Tát ấy dứt hết thầy pháp bất thiện, tu tập hết thầy pháp thiện nên không sinh vào chỗ có tám nạn, thường sinh vào chỗ có tám điều tốt.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu Bồ Tát thành tựu các căn lành như vậy, có gì nhân duyên đời trước lại làm thân nai, ngựa...?

Phật đáp: Bồ Tát thật có thành tựu thiện căn phước đức, song vì lợi lạc chúng sinh nên thọ thân súc sinh, cũng không có tội súc sinh. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ Tát ở trong súc sinh mà biết thương xót giặc oán, là điều mà A la hán, Bích chi Phật không có được. A la hán, Bích chi Phật khi giặc oán đến hại, tuy không đáp trả nhưng không thể thương xót, nhớ nghĩ, cúng dường, cung cấp. Như tiền thân Bồ Tát làm voi trắng sáu ngà, có một người thợ săn dùng tên độc bắn vào ngực. Bấy giờ voi trắng, tiền thân Bồ Tát lấy vôi bao che cho thợ săn, không để các voi khác làm hại, nói với voi cái rằng: Em là vợ của Bồ Tát, có gì sinh ác tâm? Đó là tội phiền não ấy. Thí như người bị quỷ ám, vị thầy chú thuật đến chỉ trị quỷ mà không giận người; thế nên chớ tìm tội người ấy. Rồi từ từ hỏi thợ săn: Vì sao ông bắn ta? Thợ săn đáp: Ta cần cặp ngà của người. Voi liền đến hốc đá bẻ ngà trao cho, máu thịt tuôn ra mà không cho là thống khổ; lại còn cung cấp lương thực, chỉ đường cho đi. Những việc từ bi như vậy hàng Thanh văn, Bích chi Phật không thể có được. Có tâm tốt như vậy thời làm sao thọ thân súc sinh được? Nên biết đây là biến hóa để độ chúng sinh.

Hỏi: Vì có gì không làm thân người vì họ thuyết pháp mà lại làm thân thú?

Đáp: Có khi chúng sinh thấy thân người thuyết pháp thời không tin chịu, thấy thân súc sinh thuyết pháp thời tin vui, nhận lãnh lời giáo hóa. Lại, Bồ Tát muốn đầy đủ lòng từ bi lớn nên muốn thi hành việc ấy. Chúng sinh trông thấy vừa sợ vừa mừng mà đều được vào đạo.

(Hết cuốn 93 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 94

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát trú ở pháp trắng sạch gì có thể làm các phương tiện như vậy mà không bị ô nhiễm?

Phật dạy: Bồ Tát dùng Bát nhã ba la mật làm các phương tiện như vậy, hiện thân trong mười phương cõi nước nhiều như cát sông Hằng làm lợi ích chúng sinh, cũng không tham đắm thân ấy, vì sao? Vì người tham đắm pháp tham đắm và chỗ đắm đều không thể có được, vì tự tính không. tính không, không tham đắm tính không, trong tính không, không có người tham đắm cũng không có chỗ tham đắm, vì sao? Vì trong không, tướng không không thể có được; ấy gọi là bất khả đắc không. Bồ Tát trú trong ấy có thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát chỉ trú trong Bát nhã ba la mật được Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà không trú trong các pháp ư?

Này Tu Bồ Đề, và chẳng có pháp không vào trong Bát nhã?

Tu Bồ Đề thưa: Nếu Bát nhã tự tính không, thì vì sao hết thấy pháp đều vào trong Bát nhã ba la mật, trong không, không có pháp hoặc vào hoặc không vào?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Hết thấy pháp, hết thấy pháp tướng không chẳng?

Này Tu Bồ Đề, nếu hết thấy pháp, hết thấy pháp tướng không, có sao nói hết thấy pháp không vào trong không?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát làm thế nào khi hành Bát nhã ba la mật, trú trong hết thấy pháp không, mà có thể khởi lên thần thông Bát nhã ba la mật; trú trong Thần thông Ba la mật rồi đi đến mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng cúng dường chư Phật hiện tại, nghe Phật thuyết pháp, ở chỗ Phật gieo trồng căn lành?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, quán mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng ấy đều tính không, trong các cõi nước ấy chư Phật cũng tính không, chỉ có tên giả, nên tên giả về chư Phật hiện thân cũng tính không. Nếu mười phương các cõi nước và chư Phật tính chẳng không, thì tính không ấy có thiên lệch. Vì tính không, không thiên lệch nên hết thấy pháp, hết thấy pháp tướng không; vì thế, hết thấy pháp, hết thấy pháp tướng không. Thế nên Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện phát sinh thần thông Ba la mật, trú trong thần thông Ba la mật ấy khởi lên thiên nhãn, thiên nhĩ, như ý

túc, trí biết tâm người khác, trí biết đời trước, trí biết sinh tử của chúng sinh. Nếu Bồ Tát xa lìa thần thông Ba la mật thì không thể làm lợi ích chúng sinh, cũng không thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Thần thông Ba la mật là đạo làm lợi ích của Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì sao? Vì dùng thiên nhãn thì tự mình thấy được các pháp lành, cũng dạy người được các pháp lành, đối với các pháp lành cũng không nhiễm trước, vì các pháp lành tự tính không. Tự tính không, không nhiễm trước gì, nếu nhiễm trước thì đả mất vị, trong không có vị. Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật có thể phát sinh thiên nhãn như vậy, dùng thiên nhãn ấy quán hết thấy pháp không, thấy pháp không ấy không thủ tướng, không tạo nghiệp, cũng vì người khác nói pháp ấy, cũng không thấy có tướng chúng sinh, không thấy có danh từ chúng sinh.

Như vậy, Bồ Tát dùng pháp không có sở đắc nên khởi lên thần thông Ba la mật, dùng thần thông Ba la mật ấy, việc đáng làm nên làm. Bồ Tát dùng thiên nhãn sáng suốt hơn mắt người thấy mười phương các cõi nước; thấy rồi bay đến mười phương làm lợi ích chúng sinh: Hoặc lấy việc bố thí, hoặc lấy việc trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định; hoặc lấy trí tuệ; hoặc lấy ba mươi bảy pháp trợ đạo; hoặc lấy các thần thông, giải thoát, tam muội, pháp Thanh văn, pháp Bích chi Phật hoặc pháp Phật làm lợi ích chúng sinh.

Vì hạng người xan tham mà nói như vậy: Nay các chúng sinh, các người nên bố thí; nghèo cùng là khổ não. Người nghèo cùng còn không làm lợi ích mình được, huống nữa làm lợi ích người khác! Vì thế nên các người nên siêng bố thí để tự mình được vui, cũng làm cho người khác được vui; chớ vì nghèo cùng mà ăn nuốt lẫn nhau, không lìa khỏi ba đường ác.

Vì hạng người phá giới thuyết pháp rằng: Nay các chúng sinh, việc phá giới rất khổ não, người phá giới còn không làm lợi ích mình được, huống nữa làm lợi ích người khác! Việc phá giới thọ quả báo khổ: Hoặc ở địa ngục, hoặc ở ngã quỷ, hoặc ở súc sinh. Các ông đọa trong ba đường ác tự mình còn không cứu được, làm sao cứu người khác? Thế nên các ông không nên theo tâm phá giới để đến khi chết hối hận.

Nếu gặp người sân giận tranh đấu lẫn nhau, nói pháp như vậy: Nay các chúng sinh, chớ sân giận tranh đấu lẫn nhau. Người sân giận loạn tâm không thuận theo pháp lành, các người đem tâm rối loạn sân giận lẫn nhau thì hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào ngã quỷ, hoặc đọa vào súc sinh; thế nên các người không nên sinh một niệm sân giận, huống nữa là nhiều.

Vì hạng chúng sinh giải đãi thuyết pháp khiến được tinh tấn, vì hạng chúng sinh tán loạn khiến được thiền định, vì hạng chúng sinh ngu si khiến được trí tuệ cũng như vậy. Đối với người hành dâm dục khiến quán bất tịnh; đối với người sân giận khiến quán lòng từ; đối với người ngu si khiến quán mười hai nhân duyên; đối với chúng sinh hành phi đạo khiến vào chánh đạo là đạo Thanh văn, đạo Bích chi Phật và Phật đạo. Vì các chúng sinh ấy thuyết pháp như vậy: Điều các ông chấp trước, pháp ấy tính không; trong pháp tính không thể chấp trước được; tướng không chấp trước cũng là tướng không. Như vậy, Bồ tát khi hành Bát nhã ba la mật trú trong Thần thông Ba la mật, làm lợi ích chúng sinh.

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát nếu xa lìa thần thông thời không thể theo ý chúng sinh thuyết pháp lành cho họ. Vì thế, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật nên khởi lên thần thông. Thí như chim không có cánh thời không thể bay cao; Bồ Tát không có thần thông thời không thể tùy ý giáo hóa chúng sinh. Do vậy, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật nên khởi lên các thần thông, khởi lên các thần thông rồi nếu muốn làm lợi ích chúng sinh thời tùy ý lợi ích được.

Bồ Tát dùng thiên nhãn thấy mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng và chúng sinh trong các cõi nước ấy, thấy rồi dùng thần thông qua đến chỗ đó, biết tâm của chúng sinh, theo điều thích ứng với họ mà nói pháp: Hoặc nói về bố thí, nói về trì giới, nói về thiền định, cho đến nói về Niết bàn.

Bồ Tát dùng thiên nhĩ nghe hai thứ âm thanh: Hoặc của người, hoặc của chẳng phải người; nghe mười phương chư Phật thuyết pháp và đều có thể nắm giữ, đúng như pháp đã được nghe mà vì chúng sinh nói pháp: Hoặc nói về bố thí cho đến hoặc nói về Niết bàn.

Bồ Tát được trí thanh tịnh biết tâm người khác, dùng trí biết tâm người khác mà biết tâm của chúng sinh, theo điều thích ứng của họ mà nói pháp, hoặc nói về bố thí cho đến hoặc nói về Niết bàn.

Bồ Tát được trí biết mạng sống đời trước, nhớ biết nơi nguồn gốc sinh ra, cũng tự nhớ biết đời trước của mình và nhớ biết đời trước của người khác. Dùng trí nhớ biết mạng sống đời trước ấy, nhớ quá khứ ở chỗ nào, nơi nào; biết danh tự của chư Phật và chúng đệ tử. Gặp chúng sinh tin ưa việc của mạng sống đời trước thời hiện việc đời trước mà nói pháp: Hoặc nói về bố thí cho đến hoặc nói về Niết bàn.

Dùng sức thần thông như ý, đi đến vô lượng cõi nước của chư Phật cúng dường chư Phật, theo chư Phật gieo trồng căn lành rồi trở lại cõi nước của mình.

Bồ Tát chứng được trí sạch hết các lậu, dùng trí sạch hết các lậu ấy vì chúng sinh nói pháp: Hoặc nói về bố thí cho đến hoặc nói về Niết bàn.

Như vậy, Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật nên khởi lên thần thông như vậy. Bồ Tát dùng việc tu thần thông ấy mà tùy ý thọ thân, khổ vui không nhiễm đắm; thí như người của Phật biến hóa, hóa làm ra mọi việc, khổ vui không nhiễm đắm. Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật nên dùng thần thông như ý như vậy, có thể làm nghiêm tịnh cõi Phật và thành tựu tuệ giác cho chúng sinh.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát không nghiêm tịnh cõi Phật, không thành tựu tuệ giác cho chúng sinh thì không thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì sao? Vì nhân duyên không đầy đủ, không thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát làm thế nào đầy đủ nhân duyên rồi được thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Hết thảy pháp lành là nhân duyên của Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, những pháp lành nào mà do pháp lành ấy nên được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây, Thí Ba la mật là nhân duyên của pháp lành, nơi đó không có phân biệt người thí, người nhận thí, vì tính không. Do Thí Ba la mật ấy có thể tự mình làm lợi ích, cũng có thể làm lợi ích cho chúng sinh, từ trong sinh tử kéo ra, khiến được Niết bàn. Các pháp lành ấy đều là nhân duyên của Vô thượng chánh đẳng chánh giác, của đại Bồ Tát. Nhờ hành đạo ấy mà các Bồ Tát quá khứ, vị lai, hiện tại được thoát qua khỏi sinh tử; đã qua khỏi, nay qua khỏi và sẽ qua khỏi. Do Giới Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, mười tám không, tám bội xả, định chín thứ lớp, các môn Đà la ni, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, các công đức như vậy đều là đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác; ấy gọi là pháp lành. Bồ Tát đầy đủ pháp lành ấy rồi, sẽ được trí Nhất thiết chủng. Được rồi sẽ chuyển pháp luân; chuyển pháp luân rồi sẽ độ chúng sinh.

Luận: Bây giờ Tu Bồ Đề hỏi: Trú vào căn lành nào nên có thể thọ thân này?

Phật đáp: Bồ Tát đầy đủ hết thầy pháp lành cho đến Tu Bồ Đề nghe rồi rất hoan hỷ bạch Phật: Bồ Tát thành tựu sức phương tiện lớn, trú vào thánh pháp vô lậu nào có thể thọ thân này mà không nhiễm trước? Theo thân ấy, thí như vị thầy huyền thuật, cũng như việc biến hóa? Trú ở pháp trắng sạch nào mà có thể làm các phương tiện như vậy?

Phật đáp: Bồ Tát do sức Bát nhã ba la mật nên có thể thành tựu phương tiện như vậy, hiện mỗi mỗi thân làm lợi ích cho chúng sinh trong mười phương các cõi nước và cũng không tham đắm thân ấy. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ Tát có ba pháp không thể có được: Một là thân Bồ Tát; hai là nai ngựa được làm ra, ba là pháp được dùng, vì sao? Vì pháp ấy đều tính không; tính không cũng không tham trước tính không; trong tính không cũng không có người tham trước; vì pháp không có nên chúng sinh không có; chúng sinh không có nên pháp cũng không có. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Trong tính không, tính không thể có được; vì không thể có được thời Bồ Tát làm sao tham trước trí tuệ ấy? Ấy gọi là không, không có sở đắc.

Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật có thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì không chướng ngại nên dễ được.

Tu Bồ Đề hỏi: Bồ Tát trú ở sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung, nay có sao chỉ nói trú trong Bát nhã ba la mật không có sở đắc, được thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề, pháp gì không vào trong Ba la mật? Tất cả pháp đều vào trong Bát nhã ba la mật. Nếu trú trong Bát nhã ba la mật tức là trú trong hết thầy pháp.

Lại hỏi: Nếu Bát nhã ba la mật tính không, làm sao hết thầy pháp đều vào trong đó? Trong đây Tu Bồ Đề tự nói nhân duyên: Trong hết thầy pháp tính không không có pháp ra, không có pháp vào.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Hết thầy pháp, hết thầy pháp tướng không chướng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Nay Tu Bồ Đề, nếu hết thầy pháp, hết thầy pháp tướng không, vậy hết thầy pháp đều vào trong không, có sao ông nói trong không không có pháp ra vào?

Bấy giờ Tu Bồ Đề hiểu rõ nên tâm phục mà lãnh thọ. Nghe việc Bồ Tát hóa thân độ chúng sinh, nên hỏi: Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát làm thế nào trú trong hết

thầy pháp tính không mà có thể khởi lên thần thông Ba la mật, đi đến mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng cúng dường Phật, nghe pháp, gieo trồng căn lành sâu dày?

Căn lành là các môn Đà la ni, các môn tam muội, là căn bản của giải thoát không ngại. Ý của Tu Bồ Đề là nếu Bát nhã ba la mật tính không, thì làm sao Bồ Tát an trú trong Bát nhã ba la mật lại có thể hành thần thông là pháp có?

Phật dạy: Vì tính không cho nên có thể hành, vì có sao? Vì khi Bồ Tát hành Bát nhã, quán mười phương các cõi nước đều không, chư Phật trong các cõi nước ấy cũng không.

Hỏi: Nếu cõi nước không thời Phật cũng phải không, có gì nói riêng?

Đáp: Phật do vô lượng vô số công đức chơn thật mà được thân ấy, có thể lấy một ngón chân làm chấn động mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng. Lại, Bồ Tát đời đời đầy lòng yêu thích, kính trọng Phật sâu xa, không thể quán sát Phật chóng làm cho không, thế nên không hợp chung với cõi nước đề nói. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Nếu mười phương các cõi nước và chư Phật chẳng không, thì là tính không có thiên lệch, có thiên lệch thì gọi là có chỗ không và chẳng không. Nay thật không có thiên lệch nên hết thầy pháp, hết thầy pháp tướng không. Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, đối với hết thầy pháp không ngại, song vì mắt thịt thấy sắc không thông:: Thấy trên thời không thấy dưới, thấy trước thời không thấy sau, chỗ rộng suốt thời thấy, chỗ chướng ngại thời không thấy, ban ngày thời thấy, ban đêm thời không thấy; biết sức mắt thịt kém như vậy nên vì sức phương tiện mà lại cầu mắt trời.

Sức phương tiện là khiến bốn đại ở thế giới khác đến trú trong thân. Nghĩa là dùng thiên nhãn như trước đã nói. Thiên nhãn, như ý túc, trí biết tâm người khác, trí biết đời trước, trí biết chúng sinh, sinh về đâu, chết về đâu. Bồ Tát nếu không có thần thông thời không thể làm lợi ích chúng sinh, vì sao? Vì nếu không có thần thông thời làm sao có thể khiến nhiều người phát tâm? Bồ Tát có thần thông mà còn không thể khiến tất cả chúng sinh phát tâm, huống nữa là không có! Thế nên thần thông Ba la mật là chỗ hành đạo sở hành của Bồ Tát. Bồ Tát tự thấy pháp lành, cũng dạy người khác được pháp lành mà không tham đắm pháp lành ấy, vì sao? Vì pháp ấy tính đều không.

Hỏi: Thiên nhãn chỉ có thể thấy sắc, làm sao thấy pháp lành mà lại nói hết thầy pháp tính không?

Đáp: Đây là trong nhân nói quả. Do thiên nhãn ấy tự thấy thân mình, lại thấy mười phương chúng sinh, vậy sau dùng trí biết tâm người khác, trí biết mạng sống đời trước, tìm căn lành đời nay đời sau, thấy căn lành và quả báo lâu ngày đều tiêu diệt, tiêu diệt nên thấy nó không. Căn lành ấy đều là pháp hữu vi nên không có tự tính, không có tự tính nên không; vì không nên không thể tham trước, cũng không thể thọ khí vị, không thể thọ khí vị nên không tham trước; thí như ruồi không chỗ nào không đậu, chỉ trừ không đậu trong lửa. Chúng sinh ái trước cũng như vậy, đối với pháp lành, pháp chẳng lành đều ái trước, cho đến ái trước Phi hữu tướng Phi vô tướng nên không thể vào Niết bàn, chỉ trừ không thể ái trước lửa Bát nhã ba la mật tính không, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tướng không; nếu Bát nhã ba la mật chẳng không tức là có khí vị, là chỗ có thể ái trước. Bồ Tát trú trong trí tuệ ấy không khởi nghiệp hữu lậu, chỉ vì chúng sinh mà thuyết pháp, cũng biết chúng sinh là giả danh, không thể có được. An trú trong Bát nhã không có sở đắc ấy mà có thể đầy đủ các việc thần thông. Nếu Bồ Tát không được Bát nhã vô ngại ấy thời không thể được thần thông vô ngại. Bồ Tát được thần thông vô ngại nên có thể bay đến mười phương các cõi nước làm lợi ích chúng sinh, như trong Kinh nói rộng: Hoặc nói về bố thí, hoặc nói về trì giới...; đối với người xan tham thời dạy bố thí... như trong đây nói ví dụ: Ví như chim không có cánh thời không thể bay cao; Bồ Tát cũng như vậy, không có Thần thông Ba la mật thời không thể giáo hóa chúng sinh. Bồ Tát dùng thiên nhãn thấy mười phương các cõi nước của chư Phật cùng hết thấy chúng sinh, dùng thiên nhĩ theo chư Phật nghe pháp, dùng thần thông như ý phóng hào quang lớn, hoặc biến hóa hiện ra các thứ nước lửa, các việc kỳ lạ khiến chúng sinh phát tâm cho là việc hy hữu mà tôn trọng. Dùng trí biết tâm người khác, biết tâm tâm số của người khác tham đắm gì, chán gì, có thể độ hay không thể độ, là lợi căn hay là độn căn, đã thành tựu căn lành hay chưa thành tựu. Biết tâm của chúng sinh khác như vậy thời nhiếp thủ những ai đã thành tựu căn lành. Gặp người có thể độ thời dùng trí biết mạng sống đời trước, trí biết sinh tử quán nguồn gốc của người kia từ đâu đến, gieo trồng căn lành gì, và ưa làm hạnh gì; từ đây mệnh chung sẽ sinh chỗ nào, lúc nào sẽ được giải thoát. Trừ lượng suy nghĩ như vậy biết nghiệp duyên quá khứ và biết quả báo vị lai của người có thể độ.

Lại dùng thần thông biết người ấy cần vì sợ hãi mà được độ, thời đem việc địa ngục chỉ bày rằng: Ông sẽ sinh vào trong ấy; biết người cần vì hoan hỷ mà được độ, thời chỉ bày thiên đường, mắt thấy việc ấy tâm sinh ra sợ hãi, vui mừng, nhằm chán thế gian. Bấy giờ đem trí thông suốt vô lậu nói pháp dứt hết lậu, chúng sinh nghe pháp ấy phá bỏ tâm tham trước, lại dùng pháp ba thừa mà

được Niết bàn; tí như chim nhận trắng khi muốn bắt cá thời trù lượng tới lui, không để mất cơ hội; biết có thể bắt được liền bắt, không để lỡ qua. Bồ Tát cũng như vậy, dùng sức thần thông quán nguồn gốc của chúng sinh, thấy nhân duyên có thể độ: Hoặc thấy cõi nước thời biết; biết các căn tín, tấn... của các chúng sinh ấy mãnh lợi, các nhân duyên đầy đủ nên vì họ thuyết pháp, không để lỡ uổng. Thế nên nói: Bồ Tát lìa thần thông thời không thể lợi ích chúng sinh, như chim không có cánh. Các thần lực khác như Phật tự nói: Dùng thiên nhãn thấy việc sống chết của mười phương chúng sinh, cũng biết tâm chúng sinh, tùy ý thuyết pháp, cho đến khéo tu sức thần thông, vì chúng sinh mà thọ thân, không vị khổ vui làm ô nhiễm. Bồ Tát đối với chúng sinh hoặc làm cha, hoặc làm con, hoặc làm thầy, hoặc làm đệ tử, làm chủ, làm tớ, làm voi ngựa, hoặc làm người cõi voi ngựa, có khi giàu sang thế lực, có khi nghèo hèn; đối với các việc ấy cũng không bị ô nhiễm; thí như người của Phật biến hóa, hóa làm các việc mà không bị ô nhiễm bởi khổ vui. Hóa làm các việc là như trước đây: Hóa làm vô lượng vô số thân để độ chúng sinh. Khổ vui không nhiễm trước là đối với vui không sinh tâm ái, đối với khổ không sinh tâm sân, không như chúng sinh tùy theo chỗ mà khởi phiền não. Bồ Tát nên đem thần thông du hí như vậy thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật.

Hỏi: Sức thần thông của Bồ Tát có sở tác, cứ sao gọi là du hí?

Đáp: Hí là như huyền sư huyền làm ra các việc, thần thông của Bồ Tát cũng hóa hiện các việc nên gọi là hí.

*Lại nữa, trong Phật pháp có ba tam muội: Không tam muội là thượng hành, vì sao? Vì giống như Niết bàn không bị dính mắc, không có sở đắc. Các hành pháp khác đều gọi là hạ hành, như trẻ nhỏ. Thế nên nói sức thần thông gọi là du hí; đối với việc thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật là rất cần yếu. Thành tựu tuệ giác cho chúng sinh như trong đây nói: Cùng nhau tu căn lành ở cõi Phật thanh tịnh.

Hỏi: Vì sao phải cần dùng việc thành tựu tuệ giác cho chúng sinh và nghiêm tịnh cõi Phật?

Đáp: Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Không thành tựu tuệ giác cho chúng sinh và nghiêm tịnh cõi Phật thời không được đạo vô thượng, vì sao? Vì nhân duyên không đầy đủ thời không được đạo vô thượng. Nhân duyên là hết thầy pháp lành; từ khi mới phát tâm tu thí Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung; đối với pháp tu hành ấy không có ước tưởng phân biệt là người thí, là vật

bồ thí, là người nhận thí, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy. Nếu Bồ Tát tâm không dính mắc, không phân biệt gì mà hành sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung; ấy là nhân duyên của Vô thượng chánh đẳng chánh giác; do đạo ấy được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng có thể tự độ, lại có thể độ chúng sinh.

Hỏi: Nếu Bồ Tát đem tâm chấp trước bồ thí thời có lỗi gì mà không gọi là đầy đủ; đem tâm chấp trước bồ thí thời người nhận thí mang ơn nặng?

Đáp: Tuy có lợi nhỏ mà lỗi lớn; như đồ ăn ngon có lẫn chất độc, tuy có ngon mà tự làm mất mạng.

Hỏi: Lỗi ấy là những gì?

Đáp: Nếu đem tâm chấp trước mà bồ thí, hoặc gặp việc không vừa ý thời sinh sân nộ, hoặc người nhận thí không cảm ơn liền thành oán hiềm. Nếu đem tâm chấp trước cúng dường người lành, hoặc khi gặp chút suy tổn thời oán hiềm việc đã bồ thí cho người không xứng đáng, hối tiếc việc đã thí. Nếu bồ thí mà tâm hối hận thời thọ quả báo không thanh tịnh.

*Lại nữa, người đem tâm chấp trước bồ thí, trong tâm ham trước tài vật, nếu gặp kẻ xâm đoạt liền gia hại, nghĩ rằng: Ta vì phước đức muốn làm việc tốt nên chừa của, có sao người xâm đoạt? Trước tham tài vật là việc đời nay, có thể bồ thí là việc đời sau. Tâm thương tiếc càng sâu, vì ái trước sâu nên nếu gặp bị xâm đoạt thời hay gây tội nặng; nhân tội nặng nên thọ khổ trong ba đường ác.

*Lại nữa, vì lòng tham trước nên sinh sân hận; vì sân hận nên dùng dao gậy sát hại, chịu các khổ não.

*Lại nữa, người tạo nghiệp ngu si rất không được yên ổn; làm việc dối trá không thật ấy, nên lâu chắc chắn bị hoạn lớn. Mười phương chư Phật đều dạy môn giải thoát vô tướng. Tướng vô tướng của các pháp là thật, nếu người chấp thủ tướng tài vật hư dối không thật ấy, vậy sau sinh tâm chấp trước, vì tâm chấp trước nên mong cầu quả báo lớn mà bồ thí; thí như người muốn thu hoạch nhiều nên dùng hạt giống nhiều. Như vậy, tâm chấp trước bồ thí được quả báo ít mà không thanh tịnh, chung quy đi về diệt tận, chịu các ưu não, không thể kể hết, đều do chấp thủ tướng nên có các lỗi như vậy. Nếu đúng như thật tướng mà hành bồ thí, thời không có lỗi như vậy, trải qua vô lượng vô số kiếp thọ các

phước lạc cũng không cùng tận, cho đến được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

*Lại nữa, như người đem tâm chấp trước hành pháp lành, người ấy nếu nghe nói các pháp rốt ráo không, tức thời bỏ pháp tu hành, đấm trước thủ tướng pháp không ấy, cho đó là thật, trước kia là hư dối. Người ấy mất cả hai thứ, mất pháp lành trước kia và rơi vào tà kiến. Người có tâm chấp trước có lỗi như vậy; thí như người mang bệnh nặng, tuy có các thứ thuốc chữa mà không giảm bớt, thuốc trở lại thành bệnh. Đem tâm chấp trước tu các công đức có tội lỗi như vậy. Bồ Tát bỏ tâm chấp trước, chẳng thủ tướng không, như: Như, pháp tính, thật tề, đối với pháp bố thí cũng thấy đúng như vậy, vì hết thấy chúng sinh mà hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

*Lại nữa, khi Bồ Tát bố thí, nghĩ rằng: Như trí rốt ráo thanh tịnh của mười phương chư Phật trong ba đời biết thật tướng các pháp, cũng biết tướng bố thí, ta nay cũng nên vì tính ấy mà hồi hướng.

*Lại nữa, Bồ Tát ấy là không dùng, không hành năm căn và tâm tâm số pháp, vì nó không thể biết thật tướng các pháp, là pháp ấy đều do nhân duyên sinh, hư dối, không có tự tính. Ta nay muốn biết thật tướng các pháp để hồi hướng, các pháp hư dối ấy vào trong thật tướng đều không có sai khác. Ta nay vì chưa được trí tuệ thanh tịnh chơn thật, nên còn có chỗ phân biệt là hư, là thật. Dùng trí huệ thanh tịnh để biết, thời đều thành đệ nhất nghĩa đế, vào trong đệ nhất nghĩa đế đều là thanh tịnh, không có sai biệt. Bố thí như vậy mà hồi hướng, thẳng đến Phật đạo; thế nên nói tâm không phân biệt, có thể hành bố thí, ấy gọi là chơn Bồ Tát đạo.

Giải Thích: Phẩm Bốn Đế Thứ 84

(Có bản ghi: Phẩm Sai Biệt; kinh Đại Bát nhã hội hai ghi: Phẩm Phật Pháp thứ 82)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu các pháp ấy là pháp Bồ Tát, thời thế nào là pháp Phật?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như lời ông hỏi, các pháp ấy là pháp Bồ Tát, vậy thế nào là pháp Phật? Nay Tu Bồ Đề, pháp Bồ Tát cũng là pháp Phật. Nếu biết hết thấy chúng là được trí Nhất thiết chủng, dứt hết thấy phiền não tập khí, Bồ Tát sẽ được pháp ấy. Phật do một niệm tương ưng với tuệ, biết hết thấy pháp rồi được

Vô thượng chánh đẳng chánh giác; ấy là sai khác giữa Bồ Tát và Phật. Thí như người đắc quả và người hướng đạo khác nhau, hai người ấy đều là thánh nhân mà có đắc có hướng sai khác. Như vậy, Bồ Tát hành trong đạo vô ngại gọi là đại Bồ Tát, hành trong đạo giải thoát không có hết thảy hắc ám che lấp; ấy gọi là Phật.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu hết thảy pháp tự tướng không, thời trong pháp tự tướng không vì sao có sai khác là địa ngục, là ngạ quỷ, súc sinh, người, trời? Là người Tánh địa, là người Bất địa, là người Tu Bồ Đề cho đến là Bồ Tát? Là Như lai, Ứng cúng, Chánh biến tri? Bạch đức Thế Tôn, những người như vậy không thể có được, nghiệp nhân duyên của những người ấy cũng không thể có được, quả báo của các người ấy cũng không thể có được.

Phật dạy: Như vậy, như vậy, như lời ông nói, trong pháp tự tướng không, không có chúng sinh, không có nghiệp nhân duyên, không có quả báo. Chúng sinh không biết các pháp tự tướng không ấy, nên nghiệp nhân duyên hoặc lành hoặc dữ, hoặc nghiệp bất động; vì nhân duyên tội nghiệp nên đọa trong ba đường ác, vì nhân duyên phước nghiệp nên sinh cõi trời, cõi người; vì nhân duyên nghiệp bất động nên sinh cõi sắc, cõi vô sắc. Bồ Tát khi hành Thí Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung là nhận hành tất cả pháp trợ đạo. Như tam muội kim cương được Vô thượng chánh đẳng chánh giác; được rồi lợi ích chúng sinh, cái lợi ấy thường không mất nên không đọa vào sáu đường sinh tử.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Phật được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi có được sáu đường sinh tử chăng?

Phật dạy: Không được.

Bạch đức Thế Tôn, Phật có nghiệp hoặc đen hoặc trắng, hoặc đen trắng, hoặc chẳng đen chẳng trắng chẳng?

Phật dạy: không được.

Bạch đức Thế Tôn, nếu không có được thời vì sao Phật nói đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời, Tu đà hoàn cho đến Bồ Tát, chư Phật?

Này Tu Bồ Đề, nếu chúng sinh biết các pháp tự tính không, thời Bồ Tát không cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng không cứu chúng sinh ra khỏi ba đường ác, cho đến không qua lại trong sáu đường sinh tử. Song vì chúng sinh thật không biết các pháp tự tính không, nên không được thoát khỏi sáu đường sinh tử. Vì vậy nên Bồ Tát theo Phật nghe pháp tự tính không, phát tâm cầu Vô

thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Tu Bồ Đề, các pháp không như vậy không như chỗ phạm phu chấp trước, chúng sinh đối với pháp không có sở hữu, mà điên đảo vọng tưởng phân biệt thủ đắc pháp, không có chúng sinh lại tưởng có chúng sinh, không có sắc lại tưởng có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức lại tưởng có thọ, tưởng, hành, thức, cho đến hết thấy pháp hữu vi không có sở hữu lại dùng tâm điên đảo vọng tưởng khởi lên nghiệp thân, miệng, ý, nên phải qua lại sáu đường sinh tử không được thoát khỏi. Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, hết thấy pháp lành đều vào trong Bát nhã nên hành đạo Bồ Tát được Vô thượng chánh đẳng chánh giác; được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi vì chúng sinh thuyết bốn thánh đế: Khổ, khổ tập, khổ diệt và khổ diệt đạo. Hết thấy pháp lành trợ đạo khai thị phân biệt đều vào trong bốn thánh đế; dùng pháp lành trợ đạo ấy phân biệt có Tam bảo là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo; vì trái nghịch không tin Tam bảo nên không được lìa khỏi sáu đường sinh tử.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, dùng khổ thánh đế được qua khỏi hay dùng khổ trí được qua khỏi? Do tập thánh đế được qua khỏi hay do tập trí được qua khỏi? Do diệt thánh đế được qua khỏi hay do diệt trí được qua khỏi? Do đạo thánh đế được qua khỏi hay do đạo trí được qua khỏi?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Chẳng phải do khổ thánh đế được qua khỏi, cũng chẳng phải do khổ trí được qua khỏi, cho đến chẳng phải do đạo thánh đế được qua khỏi, cũng chẳng phải do đạo trí được qua khỏi. Vì bốn thánh đế ấy bình đẳng nên Ta nói tức là Niết bàn, không do khổ thánh đế, không do tập, diệt, đạo thánh thế; cũng không do khổ trí, không do tập, diệt, đạo trí được Niết bàn.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, thế nào là tướng bốn thánh đế bình đẳng?

Nay Tu Bồ Đề, nếu không có khổ, không có khổ trí, không có tập, không có tập trí, không có diệt, không có diệt trí, không có đạo, không có đạo trí, ấy gọi là bốn thánh đế bình đẳng.

*Lại nữa, bốn thánh đế ấy là như, chẳng khác; là pháp tướng, pháp tính, pháp trụ, pháp vị, thật tế dù có Phật hay không có Phật thì pháp tính vẫn thường trú, vì không đổi không mất. Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật do thông đạt thật đế nên hành Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, thế nào là Bồ Tát do thông đạt thật đế nên khi hành Bát nhã ba la mật, như thông đạt thật đế, chứ không đọa vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật mà thẳng vào Bồ Tát vị?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu Bồ Tát như thật thấy các pháp, thấy rồi ngộ được pháp không có sở hữu, ngộ được pháp không có sở hữu rồi thấy hết thấy pháp không, pháp nhiếp thuộc vào bốn thánh đế, pháp không nhiếp thuộc vào bốn thánh đế đều không. Nếu quán như vậy liền vào Bồ Tát vị; ấy là Bồ Tát trú trong tánh địa không từ đánh địa bị thoái đọa. Vì đánh địa bị thoái đọa nên đọa vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Bồ Tát trú trong Tánh địa có thể phát sinh bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc. Bồ Tát trú trong địa của định ban đầu ấy phân biệt hết thấy pháp mà thông đạt bốn thánh đế: Biết khổ không sinh tâm duyên khổ, cho đến biết đạo không sinh tâm điên đảo, chỉ thuận theo tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà quán tưởng như thật của các pháp.

Bạch đức Thế Tôn, làm thế nào quán tưởng như thật của các pháp?

Phật dạy: Quán các pháp tính không.

Bạch đức Thế Tôn, là pháp không nào?

Phật dạy: Là tự tướng không. Bồ Tát dùng trí tuệ như pháp quán hết thấy pháp không, không có tính có thể thấy. Trú trong tính ấy được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì sao? Vì tướng vô tính là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chẳng phải chư Phật làm, chẳng phải Bích chi Phật làm, cũng chẳng A la hán làm, cũng chẳng phải người đác quả làm, cũng chẳng phải Bồ Tát làm, chỉ vì chúng sinh không thấy không biết tướng như thật của các pháp nên Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện vì chúng sinh ấy mà thuyết pháp.

Luận. Hỏi: Pháp Phật và pháp Bồ Tát rất có sai khác. Phật là bậc Nhất thiết trí, Bồ Tát chưa phải là bậc Nhất thiết trí, Tu Bồ Đề vì có gì sinh nghi mà hỏi Phật: Thế nào là pháp Bồ Tát, thế nào là pháp Phật?

Trong đây Phật dạy chỗ hành của Bồ Tát như Phật là hành sáu Ba la mật như vậy, cho đến trí Nhất thiết chủng. Thế nên Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hành như Phật thì với Phật khác gì? Phật hứa khả ý ấy nên nói như vậy: Chỗ hành của sắc pháp là đồng nhưng trí tuệ lợi độ có khác nhau. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ Tát tuy như thật hành sáu Ba la mật mà chưa thể cùng khắp, chưa thể vào tất cả các môn, thế nên không gọi là Phật. Nếu Bồ Tát đã vào trong hết thấy môn, vào trong thật tướng các pháp, do một niệm tương ưng với trí tuệ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, dứt hết thấy phiền não tập khí, được tự tại đối với các pháp, lúc bấy giờ gọi là Phật. Như mặt trăng ngày 14 và ngày rằm, tuy đồng là trăng, nhưng ngày 14 không thể làm cho nước biển dâng lớn. Bồ Tát cũng như vậy, tuy có trí tuệ thanh tịnh thật, song vì chưa đầy đủ Phật

pháp nên không thể làm chấn động mười phương chúng sinh. Ánh sáng của trăng ngày rằm sung mãn, có thể làm cho nước biển dâng lớn. Khi Bồ Tát thành Phật cũng như vậy, phóng hào quang lớn, làm chấn động mười phương các cõi nước chúng sinh. Trong đây Phật tự nói: Như người hướng đạo và người đắc quả, tuy đồng là bậc thánh mà có sai khác. Bồ Tát cũng như vậy, hành giả gọi là Bồ Tát, là từ khi mới phát tâm cho đến khi được tam muội Kim cương; còn Phật đã được quả, dứt hết nghi hoặc, đối với các pháp không có pháp gì không rõ, nên gọi là Phật.

Tu Bồ Đề hỏi: Trong pháp tự tướng không, sự sai biệt không thể có được, rằng đó là địa ngục cho đến trời, đó là Tánh nhân, Bát nhân, Tu đà hoàn cho đến Phật. Bạch đức Thế Tôn, như chúng sinh địa ngục... không thể có được, nghiệp nhân duyên cũng phải không thể có được, vì sao? Vì người tạo nghiệp không thể có được. Nghiệp đã không thể có được thì quả báo cũng không thể có được, có sao Phật nói Phật với Bồ Tát có sai khác?

Phật hứa khà ý Tu Bồ Đề lại dùng câu hỏi mà đáp lại Tu Bồ Đề: Vì chúng sinh không biết tự tính không nên khởi lên nghiệp lành dữ, như trong Kinh đây nói rộng. Chúng sinh là kẻ phàm phu chưa vào chính vị. người ấy có tâm điên đảo chấp ngã, nhân phiền não mà khởi lên các nghiệp.

Nghiệp có ba thứ là thân, miệng và ý. Ba nghiệp ấy có hai là hoặc lành, hoặc dữ, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu. Vì nghiệp dữ nên đọa vào ba đường ác; vì nghiệp lành nên sinh vào cõi người cõi trời. Nghiệp lành lại có hai: Một là ràng buộc vào cõi dục, hai là ràng buộc vào cõi sắc và cõi vô sắc. Nghiệp ràng buộc sinh vào cõi sắc và cõi vô sắc gọi là nghiệp bất động; vì nghiệp bất động nên sinh vào cõi sắc, cõi vô sắc. Như chúng sinh tự biết các pháp tính không tức thời không sinh tâm chấp trước; tâm chấp trước không sinh nên không khởi nghiệp, cho đến không sinh vào cõi sắc, cõi vô sắc. Song vì thật không biết cho nên sinh, do việc ấy mà Bồ Tát suốt đời hành bố thí cho đến mười tám pháp không chung không mất không thiếu, cho đến dùng tam muội như kim cương được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, làm lợi ích chúng sinh. Chúng sinh được lợi ích ấy nên không còn qua lại trong năm đường sinh tử.

Tu Bồ Đề hỏi: Khi Phật được Vô thượng chánh đẳng chánh giác thật có được sáu đường ấy chăng?

Phật dạy: Không được.

Hỏi: Trước Phật nói vì lợi ích lớn nên không đọa vào sáu đường, sao nay nói không được?

Đáp: Vì tà kiến quyết định thủ tướng nên rơi vào tà kiến, chứ sáu nẻo sinh tử không có được, chỉ vì người phàm phu do điên đảo mà khởi nghiệp nên giả danh có sáu đường sinh tử, chứ kỳ thật như huyễn, như mộng.

Hỏi: Phật có được bốn thứ nghiệp là đen, trắng, đen trắng và chẳng đen chẳng trắng chẳng?

Đáp: Chẳng được. Nghiệp đen là nghiệp chẳng lành, quả báo của nó là đọa địa ngục, nơi chịu khổ não; chúng sinh trong ấy vì khổ não làm mê muội cùng cực nên gọi là đen. Chỗ thọ quả báo của nghiệp lành là cõi trời, vì thọ vui theo ý tự tại sáng suốt, nên gọi là nghiệp trắng; nghiệp ấy là nghiệp của các cõi trời trong ba cõi. Chỗ thọ quả báo của nghiệp lành và chẳng lành là cõi người, cõi A tu la... nơi đó cũng thọ vui, cũng thọ khổ nên gọi là nghiệp trắng đen. Nghiệp vô lậu có thể phá nghiệp hữu lậu chẳng lành, có thể cứu chúng sinh ra khỏi quả báo lành, dữ nên gọi là nghiệp chẳng phải trắng chẳng phải đen.

Hỏi: Nghiệp vô lậu có sao chẳng phải trắng chẳng phải đen?

Đáp: pháp vô lậu tuy trong sạch không như bản, song vì là không, vô tướng, vô tác nên không có phân biệt; không có phân biệt nên không được nói là trắng. Vì đen đối đãi với trắng, mà trong đây không có tướng đen đối đãi nên không được nói trắng.

*Lại nữa, nghiệp vô lậu có thể dứt hết các quán niệm. Trong quán niệm vì phân biệt cho nên có đen trắng, trong vô lậu nghiệp không có quán niệm nên không có đen trắng.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu không có được bốn nghiệp ấy thì vì sao phân biệt đây là địa ngục cho đến đây là A la hán? Nếu không có nghiệp đen thì vì sao nói đây là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ? Nếu không có nghiệp trắng thì vì sao nói đây là trời, là người? Nếu không có nghiệp đen trắng thì vì sao nói đây là A tu la? Nếu không có nghiệp chẳng đen chẳng trắng thì vì sao nói đây là Tu đà hoàn cho đến A la hán?

Phật dạy: Nếu hết thầy chúng sinh tự biết các pháp tự tính không, thì Bồ Tát không cần phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng không ở trong sáu đường kếp chúng sinh ra, vì sao? Vì chúng sinh tự biết các pháp tính không thì không có gì phải độ; thí như không có bệnh thì không cần thuốc, không có

bóng tối thời không cần đèn sáng. Nay vì chúng sinh thật không biết pháp tự tính không, cứ theo tâm sinh mà chấp trước thủ tướng. Vì chấp trước nên ô nhiễm; vì ô nhiễm nên theo nam dục; vì theo nam dục nên bị lòng tham che lấp; vì lòng tham nên xan lẫn, hư dối, ganh ghét, sân giận, đấu tranh; vì sân giận nên khởi các nghiệp tội mà không hay biết. Thế nên khi mệnh chung theo nghiệp duyên mà sinh vào chỗ dữ, tiếp tục tạo nghiệp sinh tử, thường qua lại trong sáu đường không biết lúc nào cùng. Do vậy mà Bồ Tát ở chỗ chư Phật và đệ tử nghe nói các pháp tính không, vì thương xót chúng sinh, thấy chúng sinh do ngu cuồng điên đảo mà sinh tâm chấp trước, nên nguyện rằng: Ta sẽ làm Phật phá điên đảo cho chúng sinh, khiến được hiểu rõ các pháp tính không, vì sao? Vì các pháp không như chỗ phàm phu chấp trước vậy. Chúng sinh chắc chắn không có thật, chỉ từ trong chỗ không có sở hữu ức tướng phân biệt mà vọng có sở đắc. Trong không có chúng sinh khởi lên tướng chúng sinh; trong không có sắc khởi lên tướng sắc; trong không có thọ, tưởng, hành, thức, khởi lên tướng thức, song vì si cuồng điên đảo nên khởi lên nghiệp thân, miệng, ý, phải qua lại sáu đường sinh tử, không thể thoát khỏi. Nếu chỉ khởi lên tướng chúng sinh thời kiết phược còn nhẹ, có thể dễ độ. Nếu khởi lên tham dục, sân giận, tạo các nghiệp nặng, đó là kiết phược nặng, chịu quả báo của nghiệp ấy thời khó có thể độ được; thí như nhóm vi trần làm thành núi, khó có thể di động. Bồ tát vì chúng sinh ấy nên muốn phá nghiệp nhân duyên quả báo cho chúng sinh mà đối với Bát nhã tuy biết hết thấy thiện pháp, hành Bồ Tát đạo, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì chúng sinh nên nói bốn thánh đế là khổ, khổ tập, khổ diệt, khổ diệt đạo, dùng mỗi mỗi nhân duyên chỉ bày diễn nói.

Hỏi: Phật từ vô lượng vô số kiếp lại đây thực hành pháp vi diệu là mười tám pháp không chung cho đến vô ngã, giải thoát, đủ các nghiệp sâu xa, có sao chỉ nói cho chúng sinh khổ, tập, diệt, đạo?

Đáp: Điều chúng sinh sợ hãi cấp bách không gì hơn thống khổ. Vì thế nên trước trừ khổ rồi sau mới chỉ bày Phật đạo; như có người bị bệnh nặng, trước phải lấy việc trị bệnh làm gấp vậy sau mới lấy báu vật, y phục trang nghiêm thân họ.

Khổ là thọ thân năm thọ uẩn, là gốc của hết thảy khổ, vì tính của nó chính là khổ. Khổ ấy nói lược là sinh, già, bệnh chết... như trong các Kinh nói rộng.

Khổ tập là các phiền não tham ái... Ái là pháp cũ ở trong tâm, vì vậy mà Phật nói ái có thể làm sinh ra thân sau, nên nói ái là nguyên nhân của khổ. Nhân của khổ là tập. Nếu người muốn bỏ khổ thì trước tiên phải dứt ái. Ái dứt thì khổ dứt; dứt

ái tức là dứt khổ, mà khổ diệt tức là đạo. Quán mỗi mỗi nhân duyên của năm uẩn thấy tội lỗi của khổ và khổ tập là vô thường, khổ, không và vô ngã; như bệnh, như ung, như oán, như giặc, đây là chánh kiến ở trong tám phần thánh đạo; bảy thánh đạo khác giúp phát khởi thành chánh kiến, có thể dứt ái đối với hết thấy pháp; như dùng rượu dẫn thuốc. Người ấy đối với hết thấy thế gian không còn tham, được lìa khỏi lửa khổ vậy sau mới chỉ bày cho họ diệu pháp.

*Lại nữa, trong đây Phật tự nói nhân duyên: Trong bốn thánh đế đã thu nhiếp hết thấy pháp lành. Vì có người nói rằng, có gì Phật chỉ nói bốn thánh đế? Thế nên Phật nói hết thấy pháp lành trợ đạo đều thu nhiếp vào trong bốn thánh đế. Do nhân duyên của pháp lành trợ đạo nên phân biệt có ba ngôi báu, chỉ vì chúng sinh không tin Tam bảo nên không được lìa khỏi sáu đường sinh tử.

Hỏi: Có gì Tu Bồ Đề hỏi một cách thô thiển rằng: Do khổ thánh đế diệt hay do khổ trí diệt; do tập thánh đế diệt hay do tập trí diệt?

Đáp: Đây chẳng phải là câu hỏi thô, mà ý hỏi rằng: Do thấy thể tính bốn thánh đế mà diệt hay do trí diệt được? Vì các phiền não ái... diệt nên gọi là hữu vi Niết bàn. Nếu do khổ thánh đế được đạo thời hết thấy chúng sinh trâu, ngựa cũng lẽ đáng được đạo? Nếu do khổ trí được đạo thời lìa khổ không có trí; mà trí lìa khổ thời không gọi là khổ đế, chỉ gọi là khổ? Do khổ trí, khổ đế hòa hợp phát sinh nên không được nói chỉ do khổ đế diệt hay chỉ do trí diệt; cho đến đạo đế cũng như vậy.

Phật đáp: không do khổ đế diệt, cũng không do khổ trí diệt, cho đến không do đạo đế diệt, cũng không do đạo trí diệt cũng như vậy. Ta nói bốn đế ấy bình đẳng tức là diệt, không do khổ đế diệt cho đến đạo đế diệt, vì sao? Vì khổ, tập... đều từ nhân duyên sinh, hư dối không thật, không có tự tính nên không gọi là thật. Vì không thật nên làm sao có thể diệt?

Hỏi: Hai đế khổ và tập thuộc pháp hữu lậu, là pháp của phàm phu hành nên có thể là hư dối không thật, còn đạo đế là pháp vô lậu, không có dính mắc, tuy từ nhân duyên hòa hợp sinh mà không hư dối? Lại, diệt đế là pháp vô vi, vô lậu, không từ nhân duyên mà có, làm sao nói bốn đế đều là hư dối?

Đáp: Người mới đắc đạo biết hai đế là hư dối; sắp vào Vô dư Niết bàn cũng biết đạo đế hư dối, vì không. Không tam muội lìa bỏ đạo đế; như bỏ chiếc bè. Diệt đế cũng không có pháp nhất định, như trong kinh đây nói: Lìa pháp hữu vi không có pháp vô vi; nhân pháp hữu vi nên nói pháp vô vi; khổ diệt như đèn tắt,

không nên hý luận tìm chỗ đèn tắt ở đâu. Thế nên Phật nói không do khổ để cho đến không do đạo để diệt được.

Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào là bốn thánh đế bình đẳng?

Phật dạy: Như không có tám pháp và bốn đế và trí biết bốn đế thời là bình đẳng.

*Lại nữa, bốn đế như thật không dối, không khác. Như như, pháp tính, pháp tướng, pháp vị, thật tế hoặc có Phật hay không có Phật thời pháp tính vẫn thường trú, không do tâm tâm số pháp và các quán niệm, chỉ vì không dối chúng sinh nên thường trụ. Còn hết thấy pháp khác đều điên đảo, hư vọng, do chấp trước quả báo điên đảo mà phát sinh nên tuy có thể cùng với người vui mừng lớn mà lâu ngày đều đổi khác, hư dối. Chỉ có một pháp đó là thật tướng các pháp, vì không hư dối nên thường trú bất diệt.

Như vậy, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật thông đạt thật đế của các pháp.

Tu Bồ đề hỏi: Bồ Tát làm thế nào thông đạt được thật đế, vượt quá địa vị Thanh Văn, Bích chi Phật mà vào Bồ Tát vị?

Phật dạy: Nếu Bồ Tát tư duy, trừ lượng, suy tìm các pháp thời không có một pháp nào có thể có được định tướng, mà thấy hết thấy pháp hoặc ở trong bốn đế, hoặc không ở trong bốn đế đều không. Pháp không ở trong bốn đế là hư không, và phi trạch diệt vô vi, ngoài ra đều ở trong bốn đế. Nếu quán pháp không như vậy, liền vào Bồ Tát vị.

Hỏi: Cớ gì không nói không cũng không quán không, vào Bồ Tát vị?

Đáp: Không cần nói, vì sao? Vì nếu nói các pháp không tức là không, không cũng không; nếu không ấy chẳng không thời không gọi là hết thấy không; vì thế nên hành trong ấy được vào Bồ Tát vị. Bồ Tát trú trong Tánh địa không đọa vào Đảnh địa. Tánh địa là pháp vị của Bồ Tát. Như trong pháp Thanh văn, noãn pháp, đảnh pháp, nhẫn pháp, thế đệ nhất pháp gọi là Tánh địa; vì pháp ấy tùy thuận đạo vô lậu nên gọi là tánh, trú ở trong ấy hy vọng chắc chắn được đạo. Bồ Tát cũng như vậy, trú trong Tánh địa hy vọng chắc chắn được làm Phật, có thể phát sinh bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc. Bồ Tát nhiếp tâm ở trong thiên định, phân biệt, tư duy, trừ lượng mà phân biệt các pháp, thông đạt bốn đế. Nghĩa là thấy biết khổ cũng chẳng phải duyên khổ sinh tâm; biết khổ là biết thọ thân của phàm phu, do chấp trước khổ nên chịu các ưu não. Người ấy đều như giặc, như oán, vô thường, không. Thấy được như vậy rồi khi ấy liền xả bỏ, không chấp thủ tướng khổ, cũng không duyên khổ để; do sức pháp vị của Bồ

Tát, cho đến đạo đế cũng như vậy, chỉ nhất tâm hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Biết bốn đế ấy như thuốc và bệnh đối đãi nhau, nên cũng không chấp trước bốn đế ấy, chỉ quán tướng như thật của các pháp, không khởi bốn thứ quán phân biệt.

Tu Bồ Đề hỏi: Làm thế nào như thật quán các pháp?

Phật dạy: Quán không. Nếu Bồ Tát quán hết thấy pháp hoặc lớn hoặc nhỏ đều không, ấy gọi là như thật quán.

Lại hỏi: Dùng không gì. Phật dạy: Dùng tự tướng không.

Hỏi: Trong mười tám không có gì chỉ dùng tự tướng không?

Đáp: Vì đó là Không trung đạo. Nội không, ngoại không... là tiểu không; rất ráo không, vô sở đắc không là Không sâu xa; tự tướng không là Không bậc trung, vì tự tướng có lý phá mà tâm không thối mất, thời có thể vào trong Không sâu xa. Bồ Tát được pháp như vậy thời quán hết thấy pháp đều không, cho đến không thấy một pháp có tính, có thể trú trong đó mà được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Quán các pháp như Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Vô thượng chánh đẳng chánh giác tự tính cũng không; chẳng phải Phật làm, chẳng phải Bồ Tát làm; chẳng phải Bồ Tát, A la hán, Bích chi Phật làm; tướng nó thường vắng lặng, không có ngôn ngữ hý luận. Do chúng sinh không thấy biết tướng như thật ấy nên Bồ Tát hành Bát nhã, dùng sức phương tiện vì chúng sinh thuyết pháp. Sức phương tiện là Bồ Tát biết pháp vô sinh nhẫn, vào Bồ Tát vị, thông đạt đệ nhất nghĩa đế. Quán tướng đạo ấy rất sâu xa, vi diệu, không được, không bỏ, thời dùng trí tuệ vi diệu còn không thể biết được hướng gì miệng có thể nói!

Tâm đại bi thương xót chúng sinh là vì "việc không" nên đọa vào ba đường ác, chịu khổ cực lớn. Nếu ta chỉ nói thẳng pháp không ấy, thời chúng sinh không tin, không chịu, mắc tội phá pháp mà đọa vào địa ngục. Ta nay sẽ thành tựu hết thấy pháp lành, trang nghiêm thân với 32 tướng mà dẫn đường cho chúng sinh, khởi lên vô lượng vô số thần thông, được thành Phật đạo, làm chủ giữa hết thấy hội chúng, tự tại đối với hết thấy pháp. Nếu tán thán pháp ác, chúng sinh còn lãnh thọ hưởng nữa là nói pháp thật! Vì thế Bồ Tát hành theo dư duy như sở nguyện mà vì chúng sinh thuyết pháp khiến đều được độ thoát.

(Hết cuốn 94 theo bản Hán)

Cuốn 95

Giải Thích: Phẩm Bảy Thí Thứ 85

(Kinh Ma ha Bát Nhã ghi: Phẩm Bảy Dụ thứ 85;

Kinh Đại Bát Nhã Hội 2 ghi: Phẩm Bảy Việc thứ 83)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu các pháp tự tính không có sở hữu, chẳng phải Phật làm, chẳng phải Bích chi Phật làm, chẳng phải A la hán làm, chẳng phải A na hàm, Tư đà hàm, Tu đà hoàn làm, chẳng phải người hướng đạo làm, chẳng phải người đắc quả làm, chẳng phải các Bồ Tát làm, như vậy làm sao phân biệt có các pháp khác nhau là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ? Là người, là trời Bốn thiên vương cho đến trời Phi hữu tướng Phi vô tướng? Vì nhân duyên của nghiệp nên biết có kẻ sinh địa ngục, kẻ sinh súc sinh, kẻ sinh ngạ quỷ; vì nhân duyên của nghiệp nên biết có kẻ sinh cõi người, sinh cõi trời cho đến sinh cõi trời Phi hữu tướng Phi vô tướng; do nhân duyên nghiệp nên biết có người được Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật; do nhân duyên nghiệp nên biết có các vị A la hán; do nhân duyên nghiệp nên biết có Như Lai, Ứng cúng, Chánh Biến tri. Bạch đức Thế Tôn, trong pháp không có tự tính thời không có nghiệp dụng; vì nhân duyên tạo nghiệp nên hoặc đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; hoặc sinh vào cõi người cõi trời cho đến trời Phi hữu tướng Phi vô tướng; do nhân duyên tạo nghiệp nên được Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật; Bồ Tát hành đạo Bồ Tát nên được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng nên có thể cứu vớt chúng sinh ra khỏi sinh tử?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy. Trong pháp không có tự tính thời không có nghiệp, không có quả báo. Người phạm phu vì không vào thánh pháp, không biết các pháp tướng không có tự tính, điên đảo ngu si nên khởi tạo các nghiệp nhân duyên. Các chúng sinh ấy theo nghiệp thọ thân: Hoặc thân địa ngục, thân súc sinh, thân ngạ quỷ, thân người thân trời cho đến thân trời Phi hữu tướng Phi vô tướng. pháp không có tự tính thường không có nghiệp, không có quả báo; pháp không có tự tính thường là không có tự tính. Như lời Tu Bồ Đề nói: Nếu hết thấy pháp không có tự tính thời làm sao phân biệt đó là Tu đà hoàn cho đến chư Phật được trí Nhất thiết chủng. Nay Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, đạo không có tự tính chẳng? Tu đà hoàn quả cho đến trí Nhất thiết chủng của chư Phật là không có tự tính chẳng?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, đạo không có tự tính; quả Tu đà hoàn cũng không có tự tính, cho đến trí Nhất thiết chủng của chư Phật cũng không có tự tính.

Này Tu Bồ Đề, pháp không có tự tính có thể được pháp không có tự tính chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Pháp có tự tính có thể được pháp có tự tính chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Này Tu Bồ Đề, pháp không có tự tính và đạo đều không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng. Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện thấy chúng sinh o điên đảo nên đấm trước năm uẩn; trong vô thường tưởng thường, trong khổ tưởng vui, trong không tịnh tưởng tịnh, trong vô ngã tưởng ngã nên đấm trước vào chỗ không có sở hữu. Bồ Tát nhờ dùng sức phương tiện nên ở trong chỗ không có sở hữu mà kéo chúng sinh ra khỏi.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, chỗ phàm phu đấm trước và chẳng có thật chẳng khác ư? Chỉ vì đấm trước nên tạo nghiệp, do nhân duyên của nghiệp nên không thoát khỏi năm đường sinh tử?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Chỗ phàm phu đấm trước, khởi nghiệp thật sự không có may mắn như lông tóc, mà chỉ do điên đảo nên thấy có. Nay Ta vì ông nói ví dụ, người trí do ví dụ mà được hiểu. Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, như trong mộng thấy người hưởng thọ cái vui năm dục, thật có nơi chốn chăng?

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, mộng còn hư dối, không thể có được, hưởng nữa là ở trong mộng hưởng vui năm dục!

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, các pháp hoặc hữu lậu, vô lậu, hoặc hữu vi, vô vi, và chẳng có pháp nào không như mộng?

Bạch đức Thế Tôn, các pháp hoặc hữu lậu, vô lậu, hoặc hữu vi, vô vi, không có pháp nào không như mộng.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao, trong mộng có qua lại năm đường sinh tử chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ý ông nghĩ sao, trong mộng có tu đạo, dùng tu đạo ấy hoặc vướng nhơ, hoặc được sạch chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn, vì sao? Vì mộng không có thật sự, không thể nói nhơ sạch.

Ý ông nghĩ sao, tượng trong gương thật sự có khởi tạo nghiệp nhân duyên, do nhân duyên của nghiệp ấy mà đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; hoặc làm người, trời Bốn thiên vương cho đến trời Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ chăng?

Tu Bồ Đề đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Tượng ấy không có thật sự, chỉ dối trẻ nít thời việc ấy làm sao có nghiệp duyên, do nghiệp duyên ấy sẽ đọa vào địa ngục cho đến sinh vào cõi trời Phi hữu tướng Phi vô tướng được!

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, tượng trong gương có tu đạo, dùng tu đạo ấy hoặc vướng nhơ, hoặc được sạch chăng?

Tu Bồ Đề đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn, vì sao? Vì tượng trong gương là không, không có thật sự, không thể nói là nhơ, sạch.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Như trong hang sâu có tiếng vang, tiếng vang ấy có nhân duyên tạo nghiệp, do nghiệp duyên ấy hoặc đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi hữu tướng, Phi vô tướng chăng?

Tu Bồ Đề đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Việc ấy không, không thật có âm thanh, làm sao có nghiệp duyên, do nghiệp duyên ấy đọa địa ngục cho đến sinh vào cõi trời Phi hữu tướng Phi vô tướng?

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, tiếng vang ấy vả chăng có tu đạo, dùng tu đạo ấy hoặc vướng nhơ, hoặc được sạch chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Việc ấy không thật, không thể có nhơ, sạch.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, sóng nắng chăng phải tướng nước, chăng phải tướng sông; sóng nắng ấy vả chăng có nhân duyên tạo nghiệp, do nghiệp duyên ấy mà đọa vào địa ngục cho đến sinh vào cõi trời Phi hữu tướng Phi vô tướng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Nước trong sóng nắng ấy rất ráo không thể có được, chỉ dối hoặc mắt người vô trí thời làm sao có nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi hữu tướng Phi vô tướng?

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, sóng nắng ấy có tu đạo, do tu đạo ấy hoặc vấy nhơ hoặc được sạch chẳng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Sóng nắng ấy không có thật sự, không thể nói là nhơ sạch.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, thành Càn thát bà, như khi mặt trời mọc có thành Càn thát bà; người vô trí nơi chỗ không có thành tưởng có thành, nơi chỗ không có quán xá tưởng có quán xá, nơi chỗ không có vườn tưởng có vườn; thành Càn thát bà ấy và chẳng có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy nên đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi hữu tưởng Phi vô tưởng chẳng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Thành Càn Thát bà ấy rất ráo không thể có được, chỉ dối hoặc mắt người ngu, thời làm sao có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi hữu tưởng Phi vô tưởng!

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, thành Càn thát bà ấy có tu đạo, do tu đạo ấy hoặc vấy nhơ, hoặc được sạch chẳng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Thành Càn thát bà ấy không có thật sự nên không thể nói là có nhơ sạch.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, vị thầy huyễn thuật huyễn làm ra các vật hoặc voi ngựa, trâu dê, trai gái v.v... Ý ông nghĩ sao, các vật huyễn ấy có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy mà đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi hữu tưởng Phi vô tưởng chẳng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Vật huyễn hóa ấy không có thật sự thời làm sao có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy nên đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi hữu tưởng Phi vô tưởng!

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, các vật huyễn ấy có tu đạo, do tu đạo ấy hoặc vấy nhơ hoặc được sạch chẳng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Vật huyễn ấy không có thật sự, nên không thể nói là nhơ sạch.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, như người của Phật biến hóa, người biến hóa ấy có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy mà đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi hữu tưởng Phi vô tưởng chẳng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Người biến hóa ấy không có thật sự thời làm sao có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy mà đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi hữu tướng Phi vô tướng.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, người biến hóa ấy có tu đạo, do tu đạo ấy hoặc vầy nhơ hoặc được sạch chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Việc ấy không có thật nên không thể nói là nhơ, sạch.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao, ở trong tướng không ấy có kẻ nhơ, người sạch chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Trong ấy không có sở hữu, không có người vầy nhơ, không có người được sạch.

Này Tu Bồ Đề, nếu không có kẻ vầy nhơ, không có người được sạch, vì nhân duyên ấy nên cũng không có nhơ, sạch, vì sao? Vì chúng sinh do chấp ngã và ngã sở nên có nhơ, có sạch, chứ người thật thấy thời không nhơ, không sạch. Người thật thấy không nhơ, không sạch như vậy cũng không có nhơ, sạch.

Luận. Hỏi: Ở nhiều nơi Phật đã đáp việc ấy, nay có sao Tu Bồ Đề còn hỏi:

Đáp: Nghĩa tuy một mà chỗ nhân duyên có sai khác. Nghĩa là hết thảy pháp hoặc có Phật hay không có Phật thời thật tính của các pháp vẫn thường trú: Không, không có sở hữu, chẳng phải hiện thánh làm ra. Bát nhã ba la mật sâu xa vi diệu, khó lường khó hiểu, không thể lấy hữu lượng mà biết được. Chư p, hiện thánh vì thương xót chúng sinh nên dùng mỗi mỗi ngôn ngữ, danh từ, thí dụ để nói cho họ hiểu. Người lợi căn thời hiểu ý thánh nhân còn người độn căn thời mỗi mỗi sinh chấp trước. Chấp trước nơi ngôn ngữ, văn tự nên hoặc nghe nói không thời chấp trước không, nghe nói không cũng không thời sinh ra chấp trước; hoặc nghe nói pháp tịch diệt bật dứt đường ngôn ngữ thời cũng lại chấp trước. Vì tự tâm không thanh tịnh nên nghe pháp của thánh nhân cho là không thanh tịnh; như người mắt lòa nhìn ngọc trong suốt, thấy bóng con mắt lòa của mình trong ấy liền cho rằng ngọc không sạch. Phật dùng mỗi mỗi nhân duyên thuyết pháp, chúng sinh thấy có lỗi nên sinh nghi, nói rằng: Nếu hết thảy pháp không, không cũng không, thời làm sao phân biệt có sáu đường? Vì thường sinh nghi nạn như vậy nên Tu Bồ Đề do thấy thời giảng kinh sắp hết, vì thương chúng sinh nên mỗi mỗi hỏi việc ấy. Vì thế lập đi lập lại hỏi nhiều lần. Phật hứa khả ý của Tu Bồ Đề.

Hỏi: Tu Bồ Đề lấy có mà nạn không, có sao Phật hứa khả ý ấy?

Đáp: Phật chỉ hứa khả Tu Bồ Đề nói "Các pháp không, thường trú, cù có Phật hay không có Phật vẫn không sai khác", chứ không hứa khả Tu Bồ Đề về vấn nạn: "Làm sao phân biệt có sáu đường", vì sao? Vì ông ấy vấn nạn để muốn phá tính không vậy. Trong đây Phật giải chỗ nạn vấn của Tu Bồ Đề rằng: Người phạm phu không vào thánh pháp, chưa được thánh đạo, không biết tự tính không có sở hữu, không khéo tu tập Không tam muội nên phân biệt có sáu đường.

Điên đảo là có bốn điên đảo.

Ngu si là vô minh ràng buộc vào ba cõi.

Tuy không nói các phiền não khác nhưng hai pháp điên đảo và ngu si đều là hư dối không thật. Diên đảo tức là vọng ngữ hư dối, như nghiệp và quả báo từ diên đảo mà sinh ra. Vì căn gốc không có thật nên chúng sinh tuy nhiễm trước cũng chắc chắn không có thật; vì thế nên năm đạo đều không, chỉ có giả danh.

Lại, ông nạn các hiền thánh. Các hiền thánh vì dứt diên đảo sai biệt nên có tên gọi khác nhau, vì diên đảo không có thật nên không có gì dứt. Lại, diệt mất không có sở hữu nên gọi là dứt. Nếu có thật pháp có thể dứt còn không có cách gì dứt được, huống nữa là diên đảo! Thế nên tất cả quả vị của hiền thánh đều không có sở hữu. Dứt diên đảo là quả hiền thánh, nên quả tức là dứt. Vì quả của tu đạo cũng đồng không có sở hữu, thế nên khi tu đạo, chắc chắn dùng không, vô tướng, vô tác, vì đạo và quả phân biệt mà có hiền và thánh sai khác. Nay đây pháp không có sở hữu thật không thể có được; không có sở hữu thời làm sao có sai khác? Thế nên không nên vấn nạn.

Ý Tu Bồ Đề muốn nói: Nếu chỉ vì diên đảo nên có thế gian, nếu đã có diên đảo thời cũng nên có sự thật, vì hư và thật đối đãi nhau! Thế nên hỏi: Chỗ phạm phu đấm trước và chẳng thật có sinh ra chấp trước, tạo nghiệp, do nghiệp duyên ấy nên không giải thoát khỏi sáu đường sinh tử?

Phật đáp: Không, vì sao? Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Chỉ vì diên đảo nên sinh chấp trước; nếu không có diên đảo thời làm sao có thật pháp đối đãi nhau, cho đến thật sự mảy may không có, vì rốt ráo không có.

Hỏi: Đây là thật nghĩa sở hành của chư Phật, tức rốt ráo không, vậy rốt ráo không ấy chẳng phải thật ư?

Đáp: Đây là đệ nhất nghĩa không, cũng vì phàm phu điên đảo mà nói. Nếu không có điên đảo, cũng không có đệ nhất nghĩa; nếu cho rằng điên đảo của phàm phu ít nhiều có thật thời đệ nhất nghĩa cũng nên có thật!

Hỏi: Nếu cả hai đều không thật thời làm thế nào được giải thoát? Như người tay nhơ lại rửa nước nhơ, làm sao sạch được?

Đáp: Thật tướng các pháp rốt ráo không, đó là thật thanh tịnh bậc nhất. Vì có pháp điên đảo không thanh tịnh của phàm phu nên có pháp thanh tịnh này; không thể phá hoại, không thể đổi khác. Vì người đối với thật tướng các pháp sinh chấp trước, muốn sinh phiền não, nên nói pháp tính ấy không, không có sở hữu, do không có sở hữu nên không thật. Tuy hai pháp đều không thật mà trong sự không thật có sai khác; như mười điều thiện và mười điều bất thiện, hai việc đều là pháp hữu vi nên hư dối không thật. Nhưng thiện và bất thiện có sai khác: Bất thiện là sát sinh v.v... nên đọa ác đạo; thiện là không sát sinh v.v... nên sinh cõi trời. Như bố thí và trộm cắp hai việc, tuy đều là tâm chấp thủ tướng, hư dối không thật, mà cũng có sai khác. Như chúng sinh cho đến kẻ biết, kẻ thấy, không có sở hữu, mà bức não đối với chúng sinh thời có tội lớn và từ bi với chúng sinh thời có phước lớn. Như từ bi phá sân hận, bố thí phá xan tham, tuy hai việc đều không thật mà có thể phá nhau. Thế nên Phật nói các pháp không có sở hữu căn bản chắc thật như mây lông. Để chứng minh việc ấy nên Phật ví dụ: Như ở trong mộng mà hưởng thọ cái vui năm dục.

Ý Tu Bồ Đề muốn nói: Nếu hết thấy pháp rốt ráo không, không có tính sở hữu, có sao nay hiện có mắt thấy, tai nghe pháp? Vì thế mà Phật nói ví dụ như mộng: Như người do sức mộng nên tuy việc không thật mà mỗi mỗi có nghe, thấy; chỗ giận, chỗ mừng v.v... người thức ở một bên thời cũng không thấy gì. Như vậy, phàm phu do sức vô minh điên đảo nên vọng thấy có, còn thánh nhân giác ngộ thời không thấy gì. Hết thấy pháp hoặc hữu lậu vô lậu, hoặc hữu vi, vô vi đều không thật; vì hư dối nên có nghe, thấy. Lại như trong mộng thấy qua lại sáu đường sinh tử, thấy Tu đà hoàn cho đến A la hán, trong mộng không thật có các việc ấy mà mộng vẫn thấy; trong mộng không thật có sạch nhơ, nghiệp quả báo sáu đường cũng như vậy. Vì nhân duyên điên đảo nên tạo nghiệp; nghiệp và quả báo cũng không, chỉ vì trừ điên đảo mà gọi là đạo. Điên đảo không thật nên đạo cũng không thật. Tượng trong gương, tiếng vang, sóng nắng cho đến như huyễn hóa cũng vậy. Phật hỏi ngược lại Tu Bồ Đề: Trong pháp ấy có kẻ nhơ kẻ sạch chăng? Ý Tu Bồ Đề nói: Hết thấy pháp vô ngã thời làm sao có kẻ nhơ, kẻ sạch; thế cho nên trả lời không. Phật dạy: Nếu không có người chịu nhơ, sạch, vậy nên nhơ sạch cũng không có!

Hỏi: Nếu phân biệt các pháp theo như trong A Tỳ Đàm nói thời có nhớ có sạch, chỉ người chịu nhớ chịu sạch không có: Phiền não ba độc là nhớ; ba môn giải thoát, các pháp trợ đạo là sạch?

Đáp: Tuy có nói như vậy mà việc ấy không đúng. Vì nếu không có chúng sinh thời pháp nhớ, sạch thuộc về cái gì? Cũng không có người làm? Nếu không có người làm, cũng không có pháp làm, nên không trối không mở? Như người sợ bị lửa đốt mà tránh xa, chứ chẳng phải lửa tránh lửa. Chúng sinh cũng như vậy, sợ khổ năm uẩn nên lìa bỏ, chẳng phải khổ lìa khổ. Nếu không có người nhớ, người sạch thời giải thoát cũng không có.

*Lại nữa, trong đây Phật tự nói nhân duyên: Vì ở trong ngã và ngã sở mà chúng sinh chịu nhớ chịu sạch; vì ngã rất ráo không có nên nhớ sạch không có chỗ trú; chỗ trú không có nên không nhớ, không sạch.

Hỏi: Ngã tuy không có mà ngã kiến thật có, phàm phu ở nơi đó khởi lên các phiền não?

Đáp: Nếu không có ngã thời ngã kiến không có chỗ duyên; không có chỗ duyên thời làm sao phát sinh ngã kiến?

Hỏi: Tuy không có ngã, song đối với năm uẩn có tà hạnh cho là có ngã nên sinh ngã kiến, và năm uẩn là ngã, ngã sở?

Đáp: Nếu cho năm uẩn chắc chắn là nhân duyên sinh ra ngã kiến, vậy đối với năm uẩn của thân người khác có sao không sinh ra ngã kiến? Nếu đối với thân người khác sinh ngã kiến thời là rối loạn lớn! Thế nên ngã kiến không có nơi chốn nhất định, chỉ vì điên đảo mà phát sinh.

Hỏi: Nếu vì điên đảo mà phát sinh, thời có sao chỉ đối với thân mình sinh ra ngã kiến?

Đáp: Vì điên đảo cuồng quấy nên không nên tìm sự thật của nó. Lại, từ sinh tử vô thì lại đây tự mình đối với thân năm uẩn tương tục mà sinh ra chấp trước, thế nên Phật nói chúng sinh tâm trụ vào chấp ngã nên chịu nhớ, sạch. Lại, thật thấy là không có nhớ, không có sạch. Nếu ngã chắc chắn thấy thật có thời nên có nhớ sạch, còn như thật thấy là không nhớ không sạch. Vì nhân duyên ấy nên không nhớ không sạch, thấy không nhớ không sạch là thấy thật tướng các pháp. Lại, vì đối với thật tướng các pháp không có chấp trước, thế nên không nhớ; thật tướng các pháp không có tướng có thể chấp thủ, nên cũng không sạch.

*Lại nữa, đối với tám phần thánh đạo v.v... không chấp trước, ấy gọi là không sạch; trừ các phiền não như chấp trước điên đảo v.v..., ấy gọi là không nhớ.

Giải Thích: Phẩm Bình Đẳng Thứ 86

(Có bản ghi phẩm Kiến Thật; kinh Đại Bát Nhã, hội 2 ghi: Phẩm Thật Thuyết thứ 84)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, thấy như thật là không có nhớ, không có sạch, thấy không như thật cũng không có nhớ, không có sạch, vì sao? Vì hết thảy pháp tính không có sở hữu. Bạch đức Thế Tôn, trong pháp không có sở hữu không có nhớ, không có sạch; trong pháp có sở hữu cũng không có nhớ, không có sạch; trong pháp không có sở hữu, có sở hữu cũng không có nhớ, không có sạch. Bạch đức Thế Tôn, vì sao nói như thật là không nhớ, không sạch, nói không như thật cũng không nhớ, không sạch?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Vì các pháp ấy tương bình đẳng nên Ta nói sạch. Thế nào là các pháp bình đẳng? Đó là như như, không khác, không cưỡng, pháp tướng, pháp tính, pháp trụ, pháp vị, thật tế, dù có Phật hay không có Phật thời pháp tính ấy vẫn thường trú; ấy gọi là sạch, vì đây theo thế đế nên nói, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa thời vượt qua hết thảy ngôn ngữ, âm thanh, luận nghị.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu hết thảy pháp không, không thể nói, như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảnh, như huyễn, như hóa thời Bồ Tát làm thế nào dùng pháp như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảnh, như huyễn, như hóa ấy? Căn gốc chắc thật không có thời làm sao phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nguyện rằng ta sẽ đầy đủ Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; ta sẽ đầy đủ thần thông Ba la mật, Thí Ba la mật, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo; ta sẽ đầy đủ ba môn giải thoát, tám bội xả cho đến mười tám pháp không chung; ta sẽ đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, các môn Đà la ni, các môn tam muội; ta sẽ phóng hào quang lớn chiếu khắp mười phương, biết tâm các chúng sinh theo điều thích ứng thuyết pháp?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao, các pháp ông nói đó như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảnh chẳng? Năm thần thông, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo như huyễn như hóa chẳng?

Tu Bồ Đề thưa: Phải vậy, bạch Thế Tôn.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy. Pháp hư vọng không thật không thể đầy đủ Thí Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung; hành pháp hư vọng không thật ấy không thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Tu Bồ Đề, hết thấy pháp đều do ức tưởng, suy nghĩ, tạo tác, dùng pháp tạo tác và suy nghĩ ức tưởng ấy không thể được trí Nhất thiết chủng. Nay Tu Bồ Đề, hết thấy pháp có thể làm trợ đạo, không thể tăng ích quả vị kia; nghĩa là các pháp ấy không sinh, không xuất, không tướng. Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây làm các nghiệp lành: Hoặc bố thí, cho đến trí Nhất thiết chủng, vì sao? Vì biết các pháp đều như mộng cho đến như hóa. Các pháp như vậy không đầy đủ Thí Ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng; không thể thành tựu được tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát làm các nghiệp lành như Thí Ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng, biết như mộng cho đến như hóa, cũng biết chúng sinh như đi trong mộng cho đến biết như đi trong hóa. Bồ Tát không chấp thủ Bát nhã ba la mật là pháp có, dùng không chấp thủ ấy nên được trí Nhất thiết chủng; biết các pháp như mộng, không có chỗ chấp thủ, cho đến các pháp như hóa, không có chỗ chấp thủ, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật là tướng không thể chấp thủ; Thiên Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung là tướng không thể chấp thủ. Bồ Tát biết hết thấy pháp là tướng không thể chấp thủ rồi phát tâm cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì sao? Vì hết thấy pháp tướng không thể chấp thủ, không có căn bản chắc thật nên như mộng cho đến như hóa. Dùng pháp tướng không thể chấp thủ không thể được pháp tướng không thể chấp thủ, chỉ vì chúng sinh không biết không thấy các pháp tướng như vậy, nên Bồ Tát cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây có bố thí gì đều vì hết thấy chúng sinh, cho đến có tu tập trí tuệ đều vì hết thấy chúng sinh, không vì thân mình. Bồ Tát không vì việc gì khác nên cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, mà chỉ vì chúng sinh. Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật thấy chúng sinh không có chúng sinh, trú trong tướng chúng sinh, cho đến không có kẻ biết kẻ thấy, trú trong tướng biết thấy, khiến chúng sinh xa lìa điên đảo, xa lìa rồi an trú trong tính cam lồ; an trú trong ấy không có vọng tưởng; cho rằng đó là tướng chúng sinh cho đến tướng kẻ biết kẻ thấy. Khi ấy Bồ Tát đều xả hết tâm động, tâm nhớ nghĩ, tâm hý luận; thường hành tâm không động, tâm không nhớ nghĩ, tâm không hý luận. Nhờ sức Phật ấy nên Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật tự mình không có dính mắc, cũng dạy hết thấy chúng sinh khiến không được dính mắc. Ở đây nói theo nghĩa thế đế, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, khi Thế Tôn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, được các Phật pháp, do thế đế nên được hay do đệ nhất nghĩa nên được?

Phật dạy: Do thế đế mà nói Phật được pháp ấy, chứ trong pháp ấy không có pháp có thể được và không có người ấy được pháp ấy, vì sao? Có người ấy được pháp ấy thời là có sở đắc lớn; dùng hai sở đắc ấy thời không có đạo, không có quả.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu hành hai pháp ấy không có đạo, không có quả thời hành không hai pháp có đạo, có quả chăng?

Phật dạy: Hành hai pháp không có đạo không có quả, hành không hai pháp cũng không có đạo không có quả. Nếu không có hai pháp và không có không hai pháp tức là đạo, tức là quả, vì sao? Vì dùng pháp như vậy được đạo, được quả, hay dùng pháp như vậy không được đạo, không được quả, đều là hý luận. Trong các pháp bình đẳng không có hý luận, tướng không có hý luận là tướng bình đẳng của các pháp.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu các pháp không có tính sở hữu thời trong ấy cái gì là bình đẳng?

Phật dạy: Nếu không có pháp có, không có pháp không, cũng không nói tướng các pháp bình đẳng, trừ bình đẳng lại không có pháp khác, lìa ngoài tướng bình đẳng của hết thảy pháp. Bình đẳng là hoặc phạm phu, hoặc thánh nhân không thể hành, không thể đến.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, cho đến Phật cũng không thể hành, không thể đến ư?

Phật dạy: Các pháp ấy bình đẳng. Hết thảy thánh nhân đều không thể hành, cũng không thể đến; đó là các Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật, các Bồ Tát và Phật.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Phật là bậc có sức tự tại hành đối với tất cả pháp, vì sao nói Phật không thể hành không thể đến?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu chư Phật với pháp bình đẳng có khác nhau thời ông nên hỏi như vậy. Nay người phạm phu bình đẳng, các Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật, các Bồ Tát, chư Phật và thánh pháp đều bình đẳng, một bình

đẳng không có hai. Nghĩa là người phạm phu và Tu đà hoàn cho đến Phật, hết thảy pháp ấy trọn đều không thể có được.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu trong các pháp bình đẳng đều không thể có được đây là phạm phu cho đến đây là Phật, như vậy thời người phạm phu, Tu đà hoàn cho đến Phật không có phân biệt.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy. Trong các pháp bình đẳng, không có phân biệt đây là phạm phu, là Tu đà hoàn cho đến Phật.

Bạch đức Thế Tôn, nếu không có phân biệt những người phạm phu, Tu đà hoàn, Bích chi Phật v.v... thời vì sao phân biệt có Tam bảo xuất hiện ở thế gian là Phật bảo, Pháp bảo, và Tăng bảo?

Phật dạy: Ý ông nghĩ sao, Tam bảo và các pháp bình đẳng có khác nhau chăng?

Tu Bồ Đề đáp: Như con theo Phật được nghe Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo cùng với các pháp bình đẳng không có sai khác. Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo là bình đẳng, pháp ấy đều không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng tức là vô tướng. Phật có lực ấy nên có thể phân biệt xử sở các pháp vô tướng: Đây là phạm phu, đây là Tu đà hoàn cho đến đây là Bích chi Phật, đây là Bồ Tát, đây là chư Phật.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy. Chư Phật được Vô thượng chánh đẳng chánh giác không phân biệt các pháp nên biết đây là địa ngục, đây là nạ quỷ, súc sinh, người, trời, trời Bốn thiên vương cho đến trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thiên cho đến trời Phi hữu tướng Phi vô tướng; là bốn niêm xứ cho đến tám phần thánh đạo, là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, là mười lực của Phật cho đến mười tám pháp không chung chăng?

Tu Bồ Đề đáp: Không biết, bạch Thế Tôn.

Vì thế, này Tu Bồ Đề, nên biết Phật có ân lớn, Phật đối với các pháp bình đẳng, không lay động, mà phân biệt các pháp.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, như Phật đối với các pháp bình đẳng không lay động, người phạm phu đối với các pháp bình đẳng không lay động; Tu đà hoàn cho đến Bích chi Phật cũng đối với các pháp bình đẳng không lay động; nếu tướng các pháp bình đẳng tức là tướng phạm phu, tức là tướng Tu đà hoàn cho đến chư Phật, tức là tướng bình đẳng, nhưng nay các pháp mỗi mỗi tướng

có sai khác: Sắc tướng khác; thọ, tưởng, hành thức tướng khác; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tướng khác; đất tướng khác; nước, lửa, gió, không, thức tướng khác; tham dục tướng khác; sân nhuế, ngu si, tà kiến tướng khác; thiền tướng khác; tâm vô lượng tướng khác, định vô sắc tướng khác, bốn niệm xứ tướng khác, cho đến tám phần thánh đạo tướng khác; Thí Ba la mật tướng khác, cho đến Bát nhã ba la mật tướng khác; ba môn giải thoát, mười tám không, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, tính pháp hữu vi, tính pháp vô vi tướng khác; phàm phu tướng khác, cho đến Phật tướng khác. Các pháp có mỗi mỗi tướng khác, thời làm thế nào Bồ Tát khi tu Bát nhã ba la mật, phân biệt đối với các pháp tướng khác mà không khởi phân biệt? Nếu không khởi, thời không thể hành Bát nhã? Nếu không hành Bát nhã thời không thể từ một địa đến một địa? Nếu không thể từ một địa đến một địa thời không thể vào Bồ Tát vị? Nếu không vào Bồ Tát vị thời không thể vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật? Vì không thể vượt qua địa vị Thanh văn, Bích chi Phật nên không thể đầy đủ thần thông Ba la mật? Không thể đầy đủ thần thông Ba la mật nên không thể đầy đủ Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, ở chỗ chư Phật gieo trồng căn lành, dùng căn lành ấy có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như lời ông hỏi, tướng các pháp ấy cũng là tướng phàm phu, cũng là tướng Tu đà hoàn cho đến Phật.

Bạch đức Thế Tôn, các pháp ấy mỗi mỗi tướng khác nhau, nghĩa là tướng sắc khác cho đến tướng pháp hữu vi, vô vi khác, làm thế nào Bồ Tát quán một tướng mà không khởi phân biệt?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, tướng sắc không chẳng? Cho đến tướng Phật không chẳng?

Thật không, bạch Thế Tôn.

Này Tu Bồ Đề, trong không, tướng mỗi mỗi pháp có thể có được chẳng? Nghĩa là có thể có được tướng sắc cho đến tướng chư Phật?

Tu Bồ Đề thưa: không có thể được.

Phật dạy: Vì nhân duyên ấy nên biết trong các pháp bình đẳng, chẳng phải phàm phu, cũng chẳng phải là phàm phu, cho đến chẳng phải Phật cũng chẳng phải là Phật.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bình đẳng ấy là pháp hữu vi hay pháp vô vi?

Phật dạy: Chẳng phải hữu vi, cũng chẳng phải pháp vô vi, vì sao? Vì lìa pháp hữu vi thời pháp vô vi không thể có được; lìa pháp vô vi thời pháp hữu vi không thể có được. Nay Tu Bồ Đề, tính hữu vi, vô vi, hai pháp ấy không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng tức là vô tướng. Phật do thế để nên nói; chẳng phải do đệ nhất nghĩa để, vì trong đệ nhất nghĩa không có thân hành, không có miệng hành, không có ý hành; cũng chẳng lìa thân, miệng, ý hành mà được đệ nhất nghĩa. Các pháp hữu vi, vô vi ấy tướng bình đẳng, tức là đệ nhất nghĩa.

Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, đối với đệ nhất nghĩa không lay động mà hành việc của Bồ Tát, lợi ích chúng sinh.

Luận: Tu Bồ Đề suy nghĩ: Phật đáp người thật thấy và người vọng thấy không khác nhau, vì nhớ hay sạch đều thấy không có. Suy nghĩ rồi hỏi Phật rằng: Người thấy thật không nhớ không sạch; người thấy không thật cũng không nhớ không sạch, vì hết thấy pháp tính không có sở hữu. Trong không có sở hữu, không nhớ, không sạch, trong có sở hữu cũng không nhớ, không sạch? Vì trong không có sở hữu là đoạn diệt kiến nên chẳng nên có nhớ sạch, trong sở hữu là thường kiến chẳng nên có nhớ sạch. Nếu trong sở hữu chắc chắn là có, thời không từ nhân duyên sinh. Vì không từ nhân duyên sinh nên thường, vì thường nên không có nhớ, sạch?

Tu Bồ Đề bạch Phật: Thật thấy và không thật thấy, nghĩa ấy thế nào?

Phật dạy: Nhớ và sạch tuy không có tướng riêng có thể nói, song vì các pháp bình đẳng nên gọi là sạch; nếu phân biệt nói tướng nhớ sạch việc ấy không đúng. Vì hết thấy pháp bình đẳng nên ta nói là sạch.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Thật tướng các pháp là như như, pháp tính, pháp trụ, pháp vị, thật tế là bình đẳng. Bồ Tát vào trong bình đẳng ấy thời tâm không thương ghét. Pháp ấy dù có Phật hay không có Phật vẫn thường trú. Các pháp tạo tác đều là hư vọng, thế nên nói pháp không có tạo tác dù có Phật hay không có Phật vẫn thường trú. Người nghe tâm liền sinh ra chấp thù tướng, chấp trước các bình đẳng ấy; như người lấy tay chỉ mặt trăng, kẻ không biết chỉ xem ngón tay mà cho là xem mặt trăng. Thế nên Phật nói tướng các pháp bình đẳng cũng như vậy, đều là theo thế để mà nói. Thế để chẳng thật, chỉ vì muốn được việc nên nói; thí như lấy vàng đổi cỏ, người không biết nói vì sao lấy quý đổi hèn? Đáp rằng: Vì tôi cần dùng nói. Nghĩa bình đẳng ấy không thể nói; hết thấy ngôn

ngữ, danh từ, âm thanh đều dứt, vì sao? Vì các pháp bình đẳng, là tướng tịch diệt, không có hý luận, chỉ ở trong tâm tán loạn giác quán, vì có ngữ ngôn nên có nói. Tu Bồ Đề theo Phật nghe nói tướng các pháp bình đẳng, hiểu được ý chỉ nên vì các hàng Bồ Tát mới phát tâm mà hỏi rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp không, không thể nói, như mộng cho đến như hóa, thời Bồ Tát làm thế nào ở trong pháp không có căn bản ấy mà sinh tâm nguyện rằng: Tôi sẽ đầy đủ Thí Ba la mật cho đến sẽ vì chúng sinh như điều họ mong muốn mà thuyết pháp?

Phật đáp bằng cách hỏi ngược lại Tu Bồ Đề rằng: bố thí, cho đến môn Đà la ni nói là bình đẳng, thời các pháp ấy chẳng phải như huyền, như mộng chẳng?

Tu Bồ Đề thưa: Thật vậy. Các pháp ấy tuy lợi ích mà không ra khỏi như mộng.

Lại hỏi: Bạch đức Thế Tôn, mộng đều hư dối không thật, Bồ Tát vì cầu thật pháp nên hành Bát nhã được Phật đạo, cứ sao lại hành pháp không thật; vì pháp không thật không thể hành Thí Ba la mật?

Phật chấp nhận lời Tu Bồ Đề nói: "Như vậy, như vậy, pháp bố thí v.v... đều là do suy nghĩ ức tướng phân biệt mà sinh khởi, thành pháp có tạo tác, không được trú trong pháp như vậy mà thành trí Nhất thiết chủng" Tức thời thính chúng tâm sinh giải đãi. Thế nên Phật lại nói: Hết thấy pháp ấy đều là nhân duyên trợ đạo; nếu đối với pháp mà tà hạnh sai quấy, ấy gọi là không thật; nếu chánh hành không sai quấy, tức là pháp trợ đạo. Pháp ấy là trợ đạo, không phải là đạo quả... là pháp hữu vi, đạo cũng là hữu vi, đồng tướng nên giúp ích nhau.

Đạo quả là các pháp thật; không xuất, không sinh, một tướng là vô tướng, tịch diệt Niết bàn; thế nên đối với Niết bàn, pháp ấy không có giúp ích; như mưa đúng thời giúp ích cây cỏ, không giúp ích hư không. Do vậy Bồ Tát biết pháp trợ đạo và đạo quả ấy, từ khi mới phát tâm lại đây tu các pháp lành bố thí v.v.. biết đều là rất ráo không, như mộng cho đến như hóa.

Hỏi: Nếu Bồ Tát biết thật tướng các pháp thời cần gì tu bố thí?

Đáp: Trong đây Phật tự nói: bố thí v.v.. không đầy đủ thì không thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Bồ Tát trang nghiêm thân và dùng âm thanh ngôn ngữ, được sức thần thông của Phật, dùng các sức phương tiện mới có thể dẫn dắt chúng sinh. Thế nên Bồ Tát vì thành tựu tuệ giác cho chúng sinh nên hành Thí Ba la mật, cũng không thủ tướng Thí Ba la mật hoặc có hoặc không có tướng, cũng không hý luận các pháp như mộng, chánh hành cho đến được Vô thượng

chánh đẳng chánh giác, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật không thể thủ tướng, cho đến mười tám pháp không chung cũng không thể thủ tướng. Vì biết hết thấy pháp không thể thủ tướng nên phát tâm cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nghĩ rằng: Hết thấy không có căn gốc không thể thủ tướng như mộng cho đến như hóa. Vì pháp không thể thủ tướng không thể được pháp không thể thủ tướng, chỉ do chúng sinh không biết pháp ấy nên ta vì chúng sinh ấy cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm lại đây, có bố thí gì đều vì chúng sinh, nghĩa là làm pháp lành bố thí vì hết thấy chúng sinh nên tu, chứ không vì thân mình.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: không vì các việc khác mà cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, mà chỉ vì chúng sinh, vì sao? Vì nếu Bồ Tát xa lìa tâm thương xót chúng sinh, chỉ hành Bát nhã ba la mật mà cầu thật tướng các pháp, thời hoặc bị rơi vào tà kiến, người ấy chưa được Nhất thiết trí mà cầu việc Nhất thiết trí, tâm chưa nhu nhuyễn nên bị rơi vào hai bên, khó được thật tướng các pháp. Thế nên Phật nói: Bồ Tát từ khi mới phát tâm, vì thương xót chúng sinh nên tâm chấp trước dần dần mỏng, không hý luận về rốt ráo không; nếu như bảo không thời có lỗi này, nếu chẳng không thời có lỗi kia.

Hỏi: Như các chỗ khác nói Bồ Tát tự mình làm lợi ích, cũng làm lợi ích chúng sinh, có gì trong đây chỉ nói lợi ích chúng sinh, không nói lợi ích mình; vậy làm lợi ích mình, lợi ích người có lỗi gì?

Đáp: Bồ Tát hành các pháp lành đều vì hết thấy chúng sinh, điều ấy là thật. Các nơi khác nói tự mình làm lợi ích, cũng lợi ích chúng sinh là vì đối với người phàm phu nên nói lời ấy, sau đó họ mới có thể dạy hành đạo Bồ Tát. Người vào đạo có ba bậc hạ, trung và thượng. Bậc hạ chỉ vì tự độ nên hành pháp lành; bậc trung vì mình

cũng vì người; bậc thượng chỉ vì người khác nên hành pháp lành.

Hỏi: Việc ấy không đúng. Bậc hạ chỉ tự vì mình; bậc trung chỉ vì chúng sinh; bậc thượng vì lợi mình và lợi người; nếu chỉ làm lợi người, không thể tự làm lợi mình thời sao nói là bậc thượng?

Đáp: Không phải vậy. Pháp của thế gian như vậy: Tự cúng dường mình không có phước đức và tự hại thân mình cũng không mắc tội; vì lẽ ấy nên tự làm lợi mình mà hành đạo gọi là bậc hạ. Tất cả người đời chỉ vì tự lợi thân mình, không thể lợi người. Nếu tự vì thân mình mà hành đạo ấy thời là sát giảm, vì tự ưa đắm mình. Nếu có thể tự xả cái vui của mình, chỉ vì chúng sinh nên hành pháp

lành mới là người bậc thượng, vì khác với chúng sinh vậy. Nếu chỉ vì chúng sinh nên hành pháp lành mà chúng sinh chưa được thuần thực, thời cũng là đầy đủ tự lợi. Nếu lợi ích mình, lại cũng vì chúng sinh, ấy là hành tạp hành.

Người cầu Phật đạo có ba hạng: Một là chỉ ưa niệm Phật, tự cầu lợi mình, được thành Phật; hai là vì thân mình, cũng vì chúng sinh; ba là chỉ vì chúng sinh, người ấy thanh tịnh hành đạo, phá được điên đảo chấp ngã. Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật không thấy có chúng sinh cho đến không có kẻ biết kẻ thấy, an trú trong ấy kéo chúng sinh đưa đến trú trong tính cam lồ. Tính cam lồ là hết thấy pháp trợ đạo, vì sao? Vì hành pháp ấy được đến Niết bàn, Niết bàn gọi là tính cam lồ. Trong tính cam lồ ấy các vọng tưởng chấp ngã v.v... không còn sinh trở lại. Bồ Tát tự mình được không dính mắc, cũng khiến chúng sinh được không dính mắc, ấy gọi là lợi ích chúng sinh bậc nhất.

Hỏi: Ở trên chỉ nói lợi ích chúng sinh nên hành đạo, đây có gì nói tự mình được không dính mắc và khiến chúng sinh được không dính mắc?

Đáp: Vì bất đắc dĩ. Nếu tự mình không có trí tuệ thời làm sao làm lợi người? Thế nên trước phải tự mình được có trí tuệ không dính mắc vậy sau mới dạy người. Nếu công đức có thể đem cho người khác như của cải v.v.. thời chư Phật Bồ Tát đã đem công đức cho chúng sinh cho đến những người oán tặc như Đề Bà Đạt Đa v.v.. vậy sau mới tự mình tu tập công đức. Nhưng việc ấy không thể làm được; không thể mình làm mà người khác được công đức. Đây cũng là nói theo thế tục đế, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa, vì trong đệ nhất nghĩa không có chúng sinh, không có một, không có khác, không có phân biệt các pháp tướng. Trong đây nói không có chỗ dính mắc.

*Lại nữa, như trước đã nói, tướng không thể nói là đệ nhất nghĩa. Ở đây tướng có thể nói là thế tục.

Tu Bồ Đề hỏi: Phật ở đạo tràng được pháp là dùng thế đế được hay dùng đệ nhất nghĩa đế được? Ý Tu Bồ Đề là: Nếu dùng thế đế được tức là hư dối không thật; nếu dùng đệ nhất nghĩa đế được thời trong đệ nhất nghĩa không có được, không có người được, nên không thể nói, không thể lãnh thọ?

Phật dạy: Vì theo ngôn ngữ thế tục nên nói Phật được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, trong ấy không có người được, không có pháp được, vì sao? Vì nếu người ấy được pháp ấy tức là có hai pháp, mà trong hai pháp thời không có đạo, không có quả! Hai pháp là Bồ Tát và được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hai pháp như vậy đều nói theo thế đế. Nếu là hai thời Phật pháp đâu được

không hư dối? Nếu có người không được đệ nhất nghĩa mà chỉ do hai pháp phân biệt, ấy thời là hư vọng. Chư Phật, Bồ Tát do được đệ nhất nghĩa nên vì độ chúng sinh mà khiến được đệ nhất, tuy phân biệt các pháp mà chẳng phải hư vọng.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu dùng pháp hai thời không có đạo, không có quả; nay dùng pháp không hai nên có đạo, có quả chăng?

Phật dạy: Pháp hai không có đạo không có quả; pháp không hai cũng không có đạo không có quả.

Hỏi: Chỗ khác nói, pháp hai là pháp phàm phu, pháp không hai là pháp hiền thánh, như phẩm pháp môn Vào không hai nói ở kinh Tỳ ma la cát?

Đáp: Pháp không hai là pháp chơn thật của bậc thánh. Hoặc có Bồ Tát mới phát tâm chưa ngộ được thật tướng các pháp, nghe pháp không hai ấy liền thủ tướng sinh chấp trước, nên hoặc khen ngợi, hoặc chê bai pháp không hai.

Lại, Phật ngăn chặn hai bên mà nói trung đạo; nghĩa là chẳng phải hai, chẳng phải không hai. Pháp hai gọi là mỗi mỗi tướng sai khác, pháp không hai gọi là một tướng không. Vì một tướng không ấy phá mỗi mỗi tướng sai khác, phá xong lại bỏ luôn tướng không hai; ấy tức là đạo, là quả, vì sao? Vì các hiền thánh tuy tán thán pháp không hai, song không chấp trước rằng dùng pháp ấy được đạo được quả, hay dùng pháp ấy không có đạo không có quả, tức là hí luận; mà không hí luận là pháp bình đẳng.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu các pháp không có tính sở hữu thời làm thế nào bình đẳng?

Phật dạy: Như lìa hữu tính và vô tính nên giả gọi là bình đẳng. Nếu Bồ Tát không nói hết thấy pháp có, không nói hết thấy pháp tính, không nói hết thấy pháp tướng, để chỉ bày cho chúng sinh; cũng không nói không có pháp, không có pháp tính, không có pháp tướng, để chỉ bày cho chúng sinh; cũng không nói lìa hai bên ấy lại có tướng bình đẳng. Đối với hết thấy chỗ không thủ tướng bình đẳng cũng không lo buồn nói rằng không có bình đẳng mà không ngại tu các pháp thiện; ấy gọi là các pháp bình đẳng.

*Lại nữa, các pháp bình đẳng là vượt qua hết thấy pháp.

Hỏi: Trước đây mọi nơi đều nói các pháp tức là tướng bình đẳng, bình đẳng tức là thật tướng các pháp, tên khác mà nghĩa đồng; như sắc như như, chẳng phải sắc chẳng phải lìa sắc, nay có sao nói bình đẳng vượt qua hết thảy pháp?

Đáp: Hết thảy pháp có hai thứ: Một là thể của sắc pháp v.v..., hai là hành trong sắc pháp; thánh nhân hành chơn chánh, phàm phu hành tà vạy. Trong đây nói bình đẳng là nói vượt ra ngoài phàm phu chứ không nói ra ngoài sắc pháp v.v... Lại, bình đẳng không thể hành, không thể đến.

Bấy giờ Tu Bồ Đề kinh ngạc hỏi: Phật cũng không thể hành, không thể đến ư? Ý Tu Bồ Đề là, pháp ấy tuy sâu xa, vi diệu, khó hành, song việc đó Phật có thể hành được?

Phật đáp: Từ Tu đà hoàn cho đến Phật đều không thể hành, không thể đến. Ý Phật là, ba đời mười phương Phật không thể hành, không thể đến, huống nữa là một đức Phật, vì tính bình đẳng tự nó như vậy!

Tu Bồ Đề hỏi: Phật có sức tự tại hành đối với hết thảy pháp và có trí tuệ không ngại, không chỗ nào không đến, có sao nói Phật không thể hành, không thể đến?

Phật đáp: Nếu Phật với bình đẳng khác nhau thì nên có vấn nạn có sao không thể hành, không thể đến. Nay phàm phu bình đẳng, Tu đà hoàn bình đẳng, Phật bình đẳng, đều là một bình đẳng, không hai, không phân biệt. Phàm phu cho đến Phật, tự tính không thể hành trong tự tính, không thể đến trong tự tính, mà tự tính nên hành trong tha tính. Thế nên Phật nói: Nếu Phật với bình đẳng sai khác, thì Phật nên hành bình đẳng. Nhưng vì Phật tức là bình đẳng nên không hành, không đến chẳng phải vì trí tuệ ít.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu bình đẳng, thì phàm phu cho đến Phật không thể được khác nhau, nên nay phàm phu và thánh nhân không thể có sai khác? Phật hứa khả câu của Tu Bồ Đề hỏi: Trong bình đẳng không có sai khác, mà vì theo thế đế nên đối với phàm phu có sai khác.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu phàm phu cho đến Phật không có sai khác, thì vì sao hiện có Tam bảo khác nhau ở giữa thế gian làm lợi ích cho chúng sinh?

Phật đáp: Bình đẳng tức là Pháp bảo; mà Pháp bảo tức là Phật bảo và Tăng bảo, vì sao? Vì khi chưa được pháp bình đẳng thì không gọi là Phật; khi được pháp bình đẳng rồi nên gọi là Phật. Và vì được pháp bình đẳng ấy nên phân biệt có Tu đà hoàn v.v... sai khác.

Tu Bồ Đề lãnh thọ lời Phật dạy: Pháp ấy đều không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng và vô tướng. Duy chỉ có Phật mới có lực đối với không, vô tướng mà phân biệt đây là phàm phu, đây là thánh nhân.

Này Tu Bồ Đề, nếu chư Phật không phân biệt có pháp ấy, thì làm sao biết địa ngục cho đến mười tám pháp không chung!

Hỏi: Như mặt trời mọc không thể làm cho chỗ cao thành thấp, chỗ thấp thành cao, mà chỉ có thể chiếu sáng vạn vật khiến người có mắt thấy biết. Chư Phật cũng như vậy, không thể chuyển tướng các pháp thế này ra thế khác, chỉ dùng Nhất thiết trí chiếu rõ, vì người đần nói cho họ biết; cứ sao ông nói nếu không phân biệt các pháp thì làm sao biết có địa ngục cho đến mười tám pháp không chung? Như nay mắt hiện thấy có súc sinh v.v.. người đều biết rõ, cần gì Phật nói?

Đáp: Phật tuy không làm ra các việc xấu tốt mà đần nói việc tốt xấu để chỉ bày cho người. Song hiểu biết có hai: Một là người phàm phu hiểu biết một cách hư vọng; hai là hiểu biết một cách như thật. Tướng súc sinh v.v... là phàm phu hiểu biết hư vọng; Phật vì hiểu biết thật tướng nên nói Phật không phân biệt các pháp, cứ sao biết có địa ngục v.v...!

*Lại nữa, pháp của chư Phật, tướng thường tịch diệt, không có hý luận. Trong đây nếu phân biệt có tướng địa ngục v.v... thì không gọi là tướng tịch diệt, không hai, không có hý luận. Nên biết, tuy Phật biết tướng tịch diệt, không hai, cũng có thể từ trong tướng tịch diệt phân biệt các pháp mà không rời vào hý luận. Lìa thật tướng các pháp thì tuy mắt thấy súc sinh v.v.. cũng không thể như thật biết tướng đó. Như trâu, sừng, chân, đuôi, các phần ấy hòa hợp có tướng trâu sinh ra là một, các phần kia là nhiều. Trâu là một, một không thể làm nhiều, nhiều không thể làm một!

Có người nói: Nói vậy là sai, vì trừ các phần ra ngoài nên còn có trâu, có sức cử động, có thể thấy được. Các phần của trâu hòa hợp sinh ra, mà trâu không khác với các phần ấy, vì sao? Vì thấy các phần ấy hợp gọi là thấy trâu, chứ không thấy vật khác gọi là thấy trạu. Khác là phá một, một là phá khác, chẳng một chẳng khác là phá một, khác. Nếu không có một, khác thì làm sao có chẳng một, chẳng khác? Nếu vào trong các pháp bình đẳng thì bấy giờ mới như thật biết được các pháp, không nói hai để, thì làm sao khéo nói tướng súc sinh v.v...? Nghĩa là đối với pháp bình đẳng bất động mà phân biệt các pháp.

Bất động là khi phân biệt các pháp không chấp trước tướng một, tướng khác.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Như Phật đối với các pháp bình đẳng bất động, Bích chi Phật đối với các pháp bình đẳng cũng bất động, vì sao? Vì tướng chư Phật bình đẳng cho đến tướng phàm phu cũng bình đẳng? Bạch đức Thế Tôn, nếu như vậy Phật làm thế nào phân biệt các pháp: Sắc khác, tính sắc khác; thọ tính khác, cho đến tính hữu vi, vô vi khác; nếu không phân biệt các pháp khác, thời Bồ Tát khi hành Bát nhã, không được từ một địa đến một địa, cho đến làm nghiêm tịnh cõi Phật?

Phật dạy: Ý ông nghĩ sao, suy tìm tướng sắc là không chằng?

Bạch đức Thế Tôn, thật không.

Trong không có pháp khác chằng?

Thưa không, vì sao? Vì rất ráo không. Vì trí tuệ vô tướng có thể hiểu được thời trong ấy làm sao có tướng khác?

Này Tu Bồ Đề, nếu trong không, không có tướng khác, không bèn là thật; thế thời ông vì sao đối với không, phân biệt tướng các pháp mà vấn nạn? Trong rất ráo không, không cũng không thể có được, mỗi mỗi tướng cũng không thể có được, cứ sao ông đem các không mỗi mỗi tướng mà vấn nạn? Do nhân duyên ấy, nên biết, trong các pháp bình đẳng vì không có phân biệt nên không có người phàm phu, chỉ vì người phàm phu không phải là thật tướng, cũng không lìa thật tướng, mà thật tướng phàm phu tức là tướng thánh nhân. Thế nên nói không chỉ phàm phu không lìa phàm phu, cho đến Phật cũng như vậy.

Tu Bồ Đề vì tướng bình đẳng mà có lợi ích lớn nên muốn biết tướng nhất định của bình đẳng mà hỏi Phật: Tướng bình đẳng ấy là hữu vi hay vô vi?

Phật dạy: Chẳng phải hữu vi, cũng chẳng phải vô vi, vì sao? Vì nếu là hữu vi thời đều là pháp tạo tác hư vọng; nếu là vô vi thời pháp vô vi không có sinh, trụ, diệt, cho nên không có pháp! Vì không có pháp nên không được gọi là vô vi, mà nhân hữu vi nên có vô vi! Như trong Kinh đây nói: Lìa hữu vi, thời vô vi không thể có được, như lìa dài không có ngắn; đó là nghĩa đối đãi.

Hỏi: Pháp hữu vi là vô thường, pháp vô vi là thường, cứ sao nói lìa hữu vi thời vô vi không thể có được?

Đáp: Vì pháp vô vi không có phân biệt nên không có tướng. Nếu nói tướng thường thời không được nói là không tướng! Pháp pháp hữu vi nên gọi là vô vi, chứ không phải có pháp vô vi riêng biệt. Như người bị nhốt trong lao ngục nên

đục vách thoát ra. Chỗ vách đục trống là trống không, chứ không có trống không nào khác. Chỗ trống không ấy cũng chẳng từ nhân duyên sinh; pháp vô vi cũng như vậy. Trong pháp hữu vi trước có tính hữu vi, mà pháp hữu vi tức là vô vi! Thế nên nói, lia hữu vi thời vô vi không thể có được. Tính hữu vi, vô vi ấy đều không hợp, không tán, chỉ một tướng tức là vô tướng. Phật theo nghĩa thế đế nên nói việc ấy, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa, vì sao? Vì Phật tự nói nhân duyên: Trong đệ nhất nghĩa không có thân hành, miệng hành, ý hành. Pháp hữu vi, vô vi bình đẳng ấy, cũng không chấp trước tướng một, nên Bồ Tát đối với đệ nhất nghĩa bất động mà làm lợi ích chúng sinh, vì sức phương tiện nên dùng mỗi mỗi nhân duyên vì chúng sinh thuyết pháp.

(Hết cuốn 95 theo bản Hán)

--o0o --